Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NEUROTONIC
CÔNG HIỆU NHƯ THẦN
★ BỔI BỔ ÓC
★ TĂNG CƯỜNG TRI NHỚ
★ BẢO VỆ SINH LỰC

PHỔ THÔNG

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

229

1-9-1969

Năm thứ XII

● **Thư số 8, gởi các vị Lãnh-đạo Phật-giáo Việt-nam**
NG-VỸ

● **Paris, dưới mắt một du-khách Việt-nam**
Kỹ-sư TRƯƠNG-T-PHIÊU

● **Bà Nguyễn-thị-Kim, cung phi của Lê-Chiêu-Thống**
Trung-Tá PHẠM-VĂN-SƠN

● **Quân Nga-Sô chiếm đóng Đông Đức**
Tiến-sĩ NGUYỄN-KH-TÙNG (Munich)

● **Mình ơi, Trực Thăng...**
DIỆU-HUYỀN

tạp-chí văn-hóa việt-nam và quốc-t

Giám-đốc, Chủ bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XI — số 229 — 1-9-1969

1 — Bức tâm thư số 3	N.V.	5 —	10
2 — Bút chiến đấu của những nhà cách mạng VN	Đông-Tùng	11 —	14
3 — Thành Phiên-An	Lưu Hà	15 —	23
4 — Phạm-Quỳnh	Châu Hải Kỳ	24 —	29
5 — Paris dưới mắt một du khách V.N.	Trương-thế-Phiêu	30 —	36
6 — Đất lạ (truyện ngắn)	Khánh-Xuyên	37 —	42
7 — Thái độ của cụ Nguyễn Du đối với nhà Nguyễn	Trần-Tiểu-Hy	43 —	48
8 — Trống hồn (thơ)	Trần Hữu Tâm Phương	49	
9 — Bà Nguyễn-thị-Kim ái phi của Lê-Chiêu-Thống	Phạm văn Sơn	50 —	55
10 — Thế giới mênh mông của loài vật (t.theo)	Tín Khanh	56 —	64
11 — Những đoàn hát cải lương của người Việt trên xứ Chùa Tháp	Vị Hải	65 —	71
12 — Thoát xác (thơ)	Phan-Thụy-Mai	72	
13 — Văn tế thập loại chúng sinh	Khánh Xuyên	73 —	81

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

14 — Khoa học huyền bí	Hải Linh	82 — 91
15 — Cây dạ lan	N. B. C.	92 — 98
16 — Đạo quân chiếm đóng của Nga Sô tại Đông Đức	Nguyễn khắc Tiến Tùng	99 — 101
17 — Bài ca dao mẹ (thơ)	Thích Trí Bửu	102
18 — Hồ Xuân Hương	N.V.	103 — 107
19 — Mình ơi	D.H.	108 — 116
20 — Tiếng nói của thế hệ	Ng. Trọng Nhơn	117 — 118
21 — Bạn đọc viết	Thu Tâm	119 — 123
22 — Đáp bạn bốn phương		124
23 — Chinh chiến (thơ)		125
24 — Sách báo mới		126 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG» và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- © Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Viet-Nam.

P.T.

Bức Tâm-Thư số 3 gởi các vị «Lãnh-Đạo» Phật-Giáo Việt-Nam

của Nguyễn-Vỹ, và nhóm Phật tử V.N. và Hải ngoại

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa Quý Thầy,

Với bức thư số 3 nầy, chúng tôi xin đạo đạt lên Quý Thầy, và toàn thể Quý Hòa Thượng, Thượng tọa, hiện đang cầm vận mệnh của Phật giáo Việt Nam nói chung, không riêng ở phe phái nào, ý nguyện tha thiết, của quảng đại quần chúng tín đồ Phật giáo V.N, xây dựng về 2 phương diện : **Đạo** và **Đời**.

● **Phương diện thứ nhất : Đạo**

Xin Quý Thầy chăm lo *đào tạo, săn sóc, và hướng dẫn thế hệ Học Tăng, gương mẫu để bảo*

vệ Phật giáo và Hoằng dương Phật Pháp.

Hiện nay các lớp Tăng chúng trẻ tuổi, Học Tăng, Sa Di, càng ngày càng đông, nhưng không được Quý Thầy tận tâm săn sóc đến.

Do đó, Phật tử chúng tôi tha thiết thỉnh cầu Quý Thầy chăm lo xây dựng những Phật học đường vĩ đại cho xứng đáng Phật Giáo Việt Nam, để làm nền tảng mới cho Phật Giáo Việt Nam hiện đại Những cao đẳng Phật học đường ấy phải được đặt dưới quyền điều khiển quang minh của những Hòa Thượng cao dày đức độ, thông thái về Phật pháp ở trong nước, và những vị Thượng Tọa, tốt nghiệp Đại học Phật Giáo quốc tế ở ngoại quốc về.

Những Phật học đường Cao đẳng ấy phải có một chương trình Trung học và Đại học Phật Giáo thuần túy theo nhiều cấp bực để đào tạo các vị Sa Di, Sư Huynh, Đại Đức, Giảng sư, **Tỳ khưu gương mẫu**, thông hiểu Giáo lý tận nguồn gốc, triệt để theo giới luật của Tăng già có đầy đủ tư cách và khả năng để quảng bá Đạo Từ Bi, Bác Ái, tới tận cùng quảng đại chúng sanh.

Phải áp dụng một kỷ luật chặt chẽ, trang nghiêm, cho toàn thể các cấp bực Tăng Ni trên từ các vị Hòa Thượng, lấy đức độ làm gương, xuống đến các Sa Di, Học tăng.

Chúng tôi xin khẩn nguyện Quý Thầy thiết lập gấp rút 15 **Cao đẳng Phật học đường** ở các nơi : Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết, Sàigòn, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Cần Thơ, Long Xuyên Châu Đốc, Tây Ninh, Đàlạt, Ban mê thuột, Pleiku, để đào tạo đến cấp bằng Cử nhân Phật học cho các lớp Sa Di, Sư Huynh, Đại Đức ở toàn quốc.

Toàn thể các Sa Di, Sư Huynh, Đại Đức giảng sư đều phải được tốt nghiệp ở các **Cao đẳng Phật học đường** để được thuyên chuyển đi làm Phật sự ở các chùa trong Nước, không phân biệt phe phái. Mỗi Chùa có thể đài thọ cho một số Điệu và Sa Di đi học ở các Cao đẳng Phật học đường. Hệ thống Cao đẳng Phật học như sau :

Sa Di sẽ học đến cấp bằng *Tú tài Phật học* (Trung học phổ thông + Trung học giáo lý. Có cả ngoại ngữ) **Đại Đức** sẽ học đến cấp bằng *Cử nhân Phật học* (Đại học phổ thông + Đại học giáo lý. Có cả ngoại ngữ) vấn đề tuổi tác, không câu nệ. **Giảng sư**. Đại Đức (tốt nghiệp cử nhân Phật học) học thêm 1 khóa huấn luyện giảng sư, 6 tháng, sẽ thi lấy cấp bằng **Đại Đức giảng sư** đi thuyết Pháp.

Lên trình độ trên, xin thiết lập :

3 Cao học Phật học Viện, ở Huế, Saigon Banmêthuột. Các Đại Đức học lên đến cấp bằng *Tiến sĩ Phật học*. (như ở Nhật, Ấn Độ), sẽ lên **Thượng Tọa**. Tiến sĩ Phật học Việt Nam sẽ cấp riêng một cấp bằng Ngoại ngữ cho các Thượng Tọa ngoại quốc tốt nghiệp Cao Học Phật học Viện Việt Nam. Cao học Phật học Viện sẽ nghiên cứu uyên bác các Kinh sách Phật V.N. và Thế giới, sẽ biên soạn các sách Phật giáo cho các chương trình Trung học, Đại học Phật giáo, và các sách Phật giáo phổ thông cho tín đồ, Phật tử.

Hiện nay, sự thiết tha 15 **Cao đẳng Phật học đường** ở toàn quốc và 3 **Cao học Phật học Viện** không có khó khăn gì. Tiền bạc, thì Quý Thầy ngày nay rất giàu có, dư tiền bạc để xây cất những cơ quan Tu học trên, giáo sư, cũng không thiếu, vì có một số các vị Đại Đức Thượng

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Tọa đang tu học ở Ngoại quốc có thể được mời về để phụ trách ban giáo huấn.

Trong 5 năm có thể đào tạo một khóa Sa Di (Tứ Tài Phật học), Trong 7 năm một khóa Đại Đức (Cử nhân Phật học), và một khóa Đại Đức giảng sư. Công trình giáo hóa lớn lao và rất đẹp nầy, Quý Thầy Hòa Thượng có uy tín về giáo lý và Đạo đức đứng điều khiển, chắc chắn sẽ thành công rực rỡ. Toàn thể Phật tử chúng tôi xin hứa sẽ ủng hộ Quý Thầy hết mình.

Chúng tôi rất tiếc Viện Đại học Vạn Hạnh của thầy Minh Châu chỉ là một tổ chức giáo dục hỗ lốn, không thuần túy Phật giáo, không có một phương hướng cao siêu nhất định. «Viện» ấy tín dụng một số «giáo sư» vô giá trị, vô tư cách, loại Hồ hữu Tường, Tôn thất Thiện, v.v.., phần đông không hiểu một tý gì về Phật giáo, và không có một chút tác phong Phật giáo. Đại học Vạn Hạnh nhận tiền viện trợ của ngoại quốc nhưng không đào tạo được một cái gì chân chính lợi ích cho dân tộc V.N., không đem một kết quả gì quan trọng về giáo lý, cả về văn hóa tổng quát, cũng như về thực tế cho hàng trăm sinh viên Nam Nữ tin tưởng nơi Vạn Hạnh.

Tai hại hơn nữa, Đại học Vạn Hạnh là nơi xuất phát lến lút mầm mống «tân tăng» nhằm phá hoại Phật pháp, mưu tạo một lớp ngụy tăng đạp đổ ngôi Tam Bảo.

Thưa quý Thầy, đạo Phật giáo Việt Nam thống nhất hay không thống nhất, thay vì quý Thầy đem bạc triệu, tỷ,— của Tín đồ giàu có cúng dường, của Ngoại quốc viện trợ, của phụ cấp các thứ,— để sửa sang nhà Chùa cho đẹp tối tân, cho đầy đủ tiện nghi vật chất, thay vì quý Thầy lo mua sắm xe hơi, lo hùn vốn buôn bán, lo gởi tiền ngân hàng để khuếch trương kinh tế, để xây cất nhà cửa cho thuê, và để làm các công việc gì khác, thay vì những hành vi phàm tục đó, Phật tử chúng tôi mong Quý Thầy hãy đem hết các món tiền rừng bạc bể đó **để lo xây dựng cho thế hệ Sa Di, Học tăng trẻ tuổi đang bơ vơ không có hướng đi, không người dắt dẫn.**

Một số ít Sa Di, noi gương xấu của một số ít Thượng Tọa Đại đức sa đọa, cũng bắt chước đam mê các phong trào truy lạc của giới trẻ mất gốc, cuồng loạn, học đòi thói xấu của bọn Mỹ Hippy, Mỹ Sexy, Mỹ dâm đãng, Mỹ cao bồi, lưu manh.

Cũng may, chỉ có một số ít Đại đức và Sa di hư hỏng đó. Trái lại chúng tôi rất thương, rất quý mến, đa số Học Tăng, Sa-di, theo đường tu học, ham gầy dựng một căn bản giáo lý và văn hóa, nhưng vì không có trường riêng biệt của các giáo Hội Phật giáo nên các Chú phải chen vai vào ngồi trong các ghế học đường tư nhân, học các chương trình Trung học chính phủ để đi thi lấy cấp bằng của chính phủ. Các chú không còn thì giờ học giáo lý, và dần dần xa hẳn Đạo pháp, bị lôi cuốn theo con đường mòn của bụi đời.

Thế hệ Học Tăng, Sa Di, ngày nay chính là tương lai của Phật giáo Việt Nam, là lớp lãnh đạo Phật giáo ngày mai. Vì thế, Phật tử chúng tôi và đại đa số Phật giáo đồ rất lo ngại, thiết tha cầu khẩn Quý Thầy đang lãnh đạo Phật giáo nên tích cực chăm nom, săn sóc, hướng dẫn các lớp chúng Tăng nòng cốt của ngày mai.

Quý Thầy nên chu cấp đầy đủ tiện nghi cho đời sống tu học và giới hạng của các vị Tu sĩ trẻ tuổi đang cần học hỏi, tại các Cao đẳng Phật học đường mà chúng tôi đã phác họa trên đây.

Quý Thầy không nên bỏ rơi, — như các Chú đang bị bỏ rơi hiện nay, — các phần tử Học Tăng ưu tú ấy.

Quý Thầy phải đảm nhận trách nhiệm giáo huấn và hướng dẫn các Chú để sau nầy các Chú sẽ có đủ tư cách gương mẫu tác phong Đạo đức, giáo lý uyên thâm, học thức đầy đủ, hòng tiếp tục nhiệm vụ thiêng liêng hoằng dương Phật pháp cho muôn ức triệu triệu Tín đồ.

Quý Thầy không nên quá tự cao tự đại, ngạo mạn, kiêu căng, ích kỷ đối với chúng Tăng tu học, khi mà chính một số Thượng Tọa Đại Đức không còn xứng đáng là bậc lãnh đạo cao minh đáng tôn kính nữa.

Bọn tín đồ ngu muội chúng tôi thành tâm mong ước quý vị ấy nên tự ý rút lui, hoặc cởi áo ca sa trả lại Phật, để nhường chỗ cho các vị Cao Tăng, Chơn Tu hết lòng thờ Phật và chăm lo hướng dẫn Học Tăng, để hoằng dương Phật Pháp, giác ngộ chúng tôi khỏi mê lầm, gian tham, dục vọng.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Phật lịch 2513

Quốc Lịch, Kỷ nguyên Rồng Vàng, năm 4848.

và nhóm Phật tử V.N. và Hải ngoại.

● **Kỳ sau**: *Bức tâm thư số 3 (tiếp theo)*. **Phương diện thứ hai.**

Bút chiến đấu

của những nhà cách mạng Việt-Nam ở Thái-Lan

● ĐÔNG-TÙNG biên khảo

NHƯ chúng ta đã biết Việt-kiều ở Thái-Lan là một tổ-chức cách mạng đông đảo, qua nhiều thế hệ, mang màu sắc chính trị khác nhau. Bên cạnh các đảng, hội, bộ phận văn hóa thể hiện ở các tờ báo, các bài văn, bài thơ, bài ca số lượng không phải là ít.

Sau đây chúng tôi xin cố gắng lục soát trong ký ức sao lục lại được một số để làm tài liệu Văn chương và Lịch sử.

1.— Ái chủng ca

(*Do Việt-Nam Quang Phục Hội phát hành ở bạn Đông Phi chít Phan sào Nam sáng tác ở Thái Lan*),

«Giống ta ta phải yêu nhau,
«Đưa lời ái chủng mấy câu giải lòng
«Hai mươi triệu họ đồng tông
«Da vàng máu đỏ con giòng Hùng-Vương
«Mấy ngàn năm cõi Viêm-bang
«Đưa khôn hoa Hán, mở đường văn minh
«Tài anh kiệt nối đời sinh
«Đánh Nguyễn mấy lớp, phá Minh mấy lần
«Mở mang Chân-Lạp, Chiêm-Thành
«Miền Nam lừng lẫy giống thần mở mang
«Tiếc thay giống tốt nòi sang
«Vì sao sa sút cho mang tiếng hèn
«Xưa sao đứng chủ cầm quyền
«Giờ sao nhẫn nhục chịu hèn làm tôi
«Xem Tây như thánh như trời
«Người Nam ta chịu dưới nơi a tỳ
«Giang Sơn thẹn với tu my

«Đá kia cũng xót, sông kia cũng sầu ;
«Nào anh em, chị em đâu ?
«Kết đoàn ta phải bảo nhau thế nào ?
«Chữ ràng đồng chung đồng bào
«Yêu nhau ta phải tính làm sao đây ?
«Muốn cho nội ngoại giao phù
«Sáu mươi lăm tỉnh cũng như một nhà
«Muốn cho Năm Bắc hợp hòa
«Hai mươi lăm triệu cũng như một người
«Đừng cậy thế, đừng khoe tài
«Bỏ điều riêng nhỏ, tính điều lợi chung
«Chớ giành khí, chớ khoe công
«Dứt tình ghen ghét bỏ lòng xai nghi
«Ai ơi xin sửa mình đi
«Công tư đức ấy hai bề vẹn hai
«Những điều hại nước tan nòi
«Rước voi cõng rắn thì thôi xin chừa
«Một mai thời thế chuyên cơ
«Anh em ta lại như xưa sum vầy
«Họ hàng đông đủ cánh vây
«Chen vai, ưu thắng ra tay cạnh tồn

2. — Ái Quốc a

(Do Việt-Nam Quang Phục Hội phát hành. Phan-sào-Nam sáng tác bằng chữ Hán tại Thái-Lan, nhà chí sĩ Lê Đại dịch ra Việt văn)

«Nay ta hát một câu ái quốc
«Yêu gì hơn yêu nước nhà ta
«Nghiêm trang bốn mặt san hà
«Ông cha ta để cho ta lọ vàng
«Trải mấy lớp tiên vương dựng mồ
«Bốn ngàn năm giải gió dầm mưa
«Biết bao công của người xưa
«Gang sông tấc núi dạ đưa ruột tằm
«Hào Đại-hải ầm ầm trước mắt
«Giải Cửu Long quanh quất miền Tây
«Một tòa san-sát xinh thay

Neurotonic
BỔ ÓC
THÊM TRÍ NHỚ

«Bắc kia Yên, Quảng, Nam nầy Côn-lôn
«Vẻ gấm vóc nước non thêm đẹp
«Chắc những mong cơ nghiệp dài lâu
«Giống khôn há phải đàn trâu
«Giang sơn nỡ để người đâu vẫy vùng
«Hăm lăm triệu người cùng của hết
«Sáu mươi năm nước mất quyền không
«Thương ôi công nghiệp tổ tông
«Nước tanh máu chảy non chồng thịt cao
«Non nước ấy biết bao máu mủ
«Nỡ nào đem nuôi lũ sài lang
«Cờ ba sắc xứ Đông Dương
«Trông càng thêm nhục nói càng thêm đau
«Nhục vì nước mà đau người trước
«Nông nỗi nầy non nước cũng oan
«Hồn ôi về với giang san
«Muôn người muôn tiếng hát vang câu nầy
«Hợp muôn sức ra tay quang phục
«Quyết phen này rửa nhục báo thù
«Một câu ái quốc reo hò
«Xin người trong nước phải cho một lòng

3. — Kính dâng hương hồn Phạm Liệt sĩ Hồng Thái.

«Nước Việt Nam bốn ngàn năm lẻ
«Bảy mươi năm đáo để lầm than
«Mịt mù một ánh khí oan
«Sông sôi máu chảy non chan lệ sầu
«Hồn liệt sĩ ù ù gió quạt
«Dạ anh hùng tím ngắt lá gan
«Nhớ xưa người ở Nghệ-an
«Là Phạm hồng Thái cả gan anh hùng
«Thẹn vì nước mắc vòng tôi tớ
«Giận Mặc lanh (Merlin) là đứa gian hùng
«Ra tay một tiếng sầm vang

ANACINE
TRỊ PHONG NGỨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

«Năm chây dậy đất Mặc lanh đi đời
«Tám giờ tối tàu binh ghé lại
«Hắn lần lên Sa diện rong chơi
«Bấy giờ cơ đã tới nơi
«Lòng người có chí thì thời cũng bênh
«Ông khi ấy một mình len lỏi
«Một chiếc tauyền theo dõi bờ sông
«Toàn quyền Đông Pháp Mặc-lanh
«Hắn lên xe điện thẳng dong cửa hàng
«Thành Sa-diện phố phường đón rước
«Mời vào nhà thiết tiệc hoan-nghênh
«Ông vào thám thính phân minh
«Lại gần chú lính đang canh nạt dồn
«Tám giờ tối bàn hoàn chưa định
«Việc gấp rơi phải tỉnh mau mau
«Khen người kế hoạt mưu cao
«Tốc ngay cửa sổ ném vào một khi
«Người trong tiệc còn chi đâu nữa
«Chúng kinh hoàng hồn rữa phách tan
«Tây kia mới hết khoe khoang
«Xương tan xác pháo thịt tan bụi hồng
«Chốn Sa-diện một vùng tối mịt
«Thuyền Châu-giang trăm chiếc đón đưa
«Hy sinh cứu nước bấy giờ
«Hồn thiêng cao phất ngọn cờ tự-do
«Anh hùng vị quốc quyên khu»
«Sông Châu-giang ấy nghìn thu lưu truyền.

(Còn nữa)

REGAST. T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ

— Thành Phiên An (Sài gòn ngày nay) thất thủ.

— Dư đảng «ngụy Khôi» bị xử giảo.

— Tám cái đầu lâu biểu diễn từ Bắc chí Nam.

✱ sưu tầm của cô LƯU-HÀ

SAU ba năm gây loạn, hai năm bị bao vây và công hãm, thành Phiên An — tức châu thành Saigon ngày nay — thất thủ một cách thảm bại nhưng rất anh dũng.

Kết cuộc công hãm đại qui mô của Đại tướng Nguyễn Xuân, thành Phiên An kiên cố, bị san bằng do hai vạn rưỡi quân triều, trong số có năm ngàn lính Chân lạp và Cao Miên được mộ vào, đánh giặc rất hung dữ, gan dạ. Khí giới lại dồi dào, có thần công, đại bác bố trí quanh thành Phiên An, đặt sẵn sàng trên mấy cái nổng cao bằng mặt thành, ngày đêm nã vào không ngớt.

Thành Phiên-an châu vi được 200 mẫu. Trong thành chỉ có 2.500 người, gồm cả dân chúng và «ngụy quân». Hơn nữa, bị vây hãm nghiêm nhặt từ lâu, nghẽn đường tiếp tế lương thực ở bên ngoài vào, vì các con đường thủy, vận lương lén lút là rạch Thị-Nghè, rạch Saigon (kinh Lấp — đường Nguyễn-Huệ, trước tòa Hòa-Giải Rộng quyền bây giờ) đều bị binh Triều phong tỏa. Vì thế, dân và quân trong thành Phiên-an đói khát, phải húp cháo cầm cự và ăn đến cây cỏ, kéo thêm giây phút thâu tàn ma dại, để cố gắng chống cự với binh Triều hùng hậu cường tráng chớ không chịu hàng, dầu một ông lão gần đất xa trời, hay một phụ nữ, một nhi đồng trong

hàng dân giã.

Thây của binh Triều chất cao bằng mặt thành mới hạ được Trấn Phiên-An.

Đại tướng Nguyễn Xuân căm tức quân giặc, vì đã ba ngày liên tục, không ngớt công hãm dữ dội, binh lính tướng tá đã chết như rạ mà chưa đè bẹp được thành Phiên an, ông cho đào ngay dưới chân một cái nồng cao, đối diện với cửa chánh thành Phiên an, một cái huyệt mộ, rồi bảo với ba quân : «Nếu ta không lấy được thành Phiên an thì ta sẽ chết, chôn vào đó».

Binh Triều đã phá vỡ được vòng thành ngoài, đánh vào vòng thành nội. Những tiếng quân sĩ hò hét, tiếng địa lôi, đại bác nổ ầm ầm, khói bay, thành sập, tiếng nhân dân gào thét kêu la chạy loạn, hỗn độn chết chóc rất gớm ghê. Trong lúc ấy thì cô Tần, một thiếu nữ nhan sắc mà can trường, đã từng vào sanh ra tử, mạo hiểm nhiều phen để làm trinh sát, làm trá hàng, làm mỹ nhơn kế, và cũng là tiếp tế viên đắc lực cho nghĩa quân và cho cả dân sự về lương thực, kinh tế của thành nầy, đã phải cương quyết tự đâm vào ngực mình quyên sinh chớ không chịu bị bắt sống.

Cô Tần tức là em gái của Nguyễn Kiều, một tay trung thành và rường cột của Lê văn Khôi, trong bộ tham mưu của thành Phiên an. Cô Tần vì sợ hoen ố thân mình bởi tay kẻ nghịch, nên cô tự tử, nằm chết trong cái bọng cổ thụ, rễ rủ xuống tua tủa, rườm rà, cây cỏ che lấp, sầm uất, bên cạnh miếu Hội đồng. (tức Hiền lương tự của nhà Nguyễn lập ra thờ các văn võ công thần.— Tương truyền rằng tại gốc cây nầy, xưa, Hoàng tử Cảnh hay đến đó chơi đùa với các trẻ đồng lứa). Trong lúc cậu Lê văn Cừ con của Lê văn Khôi mới lên 7 tuổi, đau, nằm ngủ ngon lành kế bên chị nuôi ; cô Tần. (Lê văn Khôi đau thương hàn chết tại thành Phiên an.)

Lính Triều lục lọi khắp nơi, dòm thấy cô Tần nằm cùng đứa bé trong bọng cây, chúng hoảng hốt kêu nhau rồi vào lôi xác cô Tần ra, và bắt cậu bé Cừ đem nạp cho Nguyễn Xuân.

Nguyễn Xuân bắt được thằng bé mừng như bắt được báu vật, vì đây là giọt máu cuối cùng của tên « phản nghịch » Lê văn Khôi. Giết rắn phải giết cho hết nọc. Cừ mà lớn khôn, không khỏi sẽ trả thù cho cha, dấy loạn nữa. Nghĩ thế nên ông sai đóng cũi nhốt bé Cừ, và cắt riêng 1 toán lính ngày đêm canh gác. Một mặt ủy nhiệm cho Hoàng đăng Thanh kiểm điểm danh sách tù binh đã bắt được lúc hạ thành Phiên an.

Trừ ra số tử trận không kể, còn thì bị bắt sống tất cả là 1994 người. Trong số nầy ông lão, đàn bà và trẻ con độ 200, kỳ dư là chiến sĩ thành Phiên an. Nhưng phần nhiều trong số nầy là kẻ thương binh, binh hoạn ốm-o vì bị đói khát lâu ngày và chống cự với binh Triều đến giọt máu chót, và thà chết, không hàng đầu.

Cụ Trương minh Giảng, chứng kiến tinh thần và tình cảnh của chiến sĩ Phiên an, phải lắc đầu chắt lưỡi nói với đồng bối :

— «Lão đã bạc đầu ở hàng ngũ trận mạc, từng theo quan quân đi đẹp giặc khắp cả Nam, Trung Bắc, Miên, Lèo dư 20 năm, nhưng chưa hề thấy giặc nào cứng cỏi như lũ quân ngụy nầy. Dao kề tận cổ mà không sợ sệt, hỏi hận !»

Nguyễn Xuân nhốt riêng 6 tên tù trọng yếu là Đặng vĩnh Xuân, Võ vĩnh Tiền, Võ vĩnh Lộc, Mạch tấn Giai, Lê văn Cừ và cố Du, tức giáo sĩ Marchaud. Mỗi người bỏ vào một cái cũi đóng bằng gỗ, rồi sai quân áp giải về Kinh, «hiến phù báo tiệp», nghĩa là đưa tù về dâng và báo tin thắng trận.

Tuy ngồi trong cũi cho dân phu khiêng đi, nhưng sự khổ sở của 6 người tù không sao kể xiết. Cũi đóng thì vừa 1 người bó gối, không cựa quậy nhúc nhích được chút nào. Tay chân lại bị xiềng

sắt, cổ lại bị đóng gông nặng nề.

Cùng giải đi một lượt, có cái cũi thứ 7 đựng hai cái đầu lâu. Một là đầu của Nguyễn văn Trân đã bị cắt sau khi ông tự tử lúc thành Phiên an thất thủ, cái thứ hai là đầu của Lê văn Khôi, đúng hơn là cái sọ vì người ta đã tìm được hài cốt của Khôi chôn kín dưới nền Vọng Cung. Tất cả xương của Khôi bị thiêu ra tro rồi bỏ vào họng súng thần công bắn ra tứ hướng, còn cái sọ đầu thì đưa về Kinh nộp để chịu quốc pháp.

Trừ 6 người bỏ cũi giải đi, còn lại trong số tù binh là 1988 người, Nguyễn Xuân chọn một khoảng đất trống ngay trong thành bắt dân phu đào một hố sâu rồi cho quân đao phủ trói từ tốp năm chục hay 100 tên tù, bất luận nam phụ lão ấu, dẫn đến miệng hầm chặt mỗi người một đao, dập xác xuống đó. Cái hố chôn người bây giờ hẳn cũng còn nhưng không biết nó ở đích xác chỗ nào, chỉ tương truyền rằng cái «Mả Ngụy» đó tại Saigon đây,

Người ở Saigon lúc bấy giờ, truyền lại rằng : sau khi chôn một loạt gần hai ngàn người, dân phu chưa lấp đất thì bỗng nghe chiêng trống nổi lên vang dội. Người rành âm nhạc, biết tiếng chiêng trống nhịp nhàng kia chính là nhạc rước sắc chỉ.

Vâng, đó là sắc chỉ của vua Minh Mạng từ Huế vào Gia định để ân xá cho 1988 người ! Thì ra, đại tướng Nguyễn Xuân vẫn biết trước có chiếu chỉ ân xá cho đám người tù binh kia, nhưng ông tức giận vì phải đánh với kẻ phiến loạn thành Phiên an lâu ngày, mệt mỏi, nên khi hạ được thành là phải giết hết ngay kẻ nghịch trả thù. Cho nên, ông đã sai kẻ tâm phúc phi ngựa lên Biên hòa, đón sắc chỉ vào từ trên ấy, để tìm cách trì hoãn phái bộ mang chiếu chỉ vô, hầu ở Phiên an, ông có thì giờ giết số người kia trước khi tuyên bố chiếu chỉ ân xá.

Ngoài việc giết người hàng loạt như trên, Nguyễn Xuân còn ruồng bắt nhiều người Việt và Huê kiều ở Saigon, Chợlớn hay

Gia định, trước đây đã cảm tình hoặc ủng hộ, tiếp tế cho cánh Phiên An. Thừa gió bẻ măng, bọn vô lương được dịp ám hại nhiều người chịu khổ vì oan uổng.

Ra trước Tam Tòa

Sau khi ăn lễ Trung thu vài hôm, người ta áp giải 7 chiếc cũi nhốt 6 tù nhơn và hai cái đầu lâu kể trên về Triều để chịu xử án.

Suốt từ Gia định ra đến kinh đô Huế, trên các nẻo đường giải tù đi qua, đều tấp nập thiên hạ chen chân, chờ đón xem tù. Người ta đồn nhau có nhiều sự lạ trong đám tù này, mà cổ kim chưa từng thấy. Đó là một đứa trẻ lên 8 tuổi đã biết phản nghịch và có tinh thần cứng rắn kiên quyết như một chiến sĩ lừng danh Và lại có hai cái đầu lâu cũng bị giải ra Triều đình xử tội.

Đến khi kéo đến để thỏa lòng hiếu kỳ, dân chúng mới thấy rõ bọn tù nhơn trần trụi, lem luốc, chẳng còn là con người nữa mà con vật cũng chưa phải biết cho là giống vật gì. Nhứt là Lê văn Cừ, bé đã định bụng nhịn đói cho chết nên dọc đường chẳng chịu ăn uống gì, trông hốc hác thảm hại quá lẽ. Bây giờ người ta mới đổi lòng hiếu kỳ ra lòng thương xót.

Có nhiều người ứa nước mắt vì thương tâm, và không ngần ngại, chạy theo quăng áo quần, vật thực vào cũi cho tù nhân. Nhưng quân lính áp giải xua đuổi mắng la, nghiêm cấm.

Đến Kinh họ bị nhốt vào nha môn Hộ thành. Người ta thay tù qua cũi mới chắc chắn hơn, và được nới hơn cũi trước là nhờ bề cao 2 thước rưỡi, dài ba thước và rộng 2 thước (tính theo thước ta) với cũi mới, tù vẫn phải ngồi xổm và cúi mình mới vừa.

Giải tù về hôm trước, qua hôm sau là đem thẩm vấn. Vua sắc cho Hình bộ lập thành Hội đồng xét xử án này tại Tam tòa.

Hội đồng xét án gồm có lão thần Trịnh hoài Đức làm đầu và

các danh thần như Phan Bá Đạt, Hà Quyền, Nguyễn tri Phương, Lê bá Tú, Nguyễn hữu Thận v.v... làm phán quan.

Sáng 18, các quan làm lễ bái mệnh rồi bắt đầu làm việc.

Giải từ Hộ thành đến Tam tòa, tù nhơn được ra khỏi cũi, đứng xếp hàng dưới thềm đề hậu thẩm. Họ được ra khỏi cũi sau bao lâu ngày bị bó rọ, mặc dầu tay chân bị xích, cổ bị mang gông, nhưng họ cảm thấy dễ chịu phần nào vì là được duỗi chân, duỗi tay, đứng thẳng lưng lên giây lát.

Bỗng có tiếng trên thềm thét :

— Thằy cố đạo lên hầu trước..! sau đến lượt Mạch tấn Giai. Giai là người Tàu, buôn bán ở Chợlớn, có chân trong Thiên địa hội, võ nghệ tinh thông, đã cùng với 28 nghĩa sĩ khởi loạn thành Phiên an trong buổi đầu. Được Khôi giao quản lãnh thủy quân. Chính Mạch tấn Giai đã cầm binh đánh Trần văn Năng nhiều trận, khiến thủy sư Triều đình bị tổn thất nặng. Giai còn tổ chức bí mật vận lương vào thành Phiên an, do rạch Thị Nghè. Nhờ đó mà thành Phiên an bị binh Triều vây, trong năm đầu, lương thực trong thành không thiếu thốn chi cả. Trong khi binh Triều công thành, chính Giai đã múa tít hai tay hai đại đao, chém trên 100 quân Triều chết và sau đó, Giai kiệt sức mới chịu buông tay nằm sóng sượt.

Trong phút quân sĩ đưa đao toan chém chết Giai thì ngẫn nhiên, có Hoàng đăng Thanh bay ngựa qua đó, nhận ra là Giai nên vội vàng ngăn lại :

— Bây nằm óc được thằng đại phạm này, phải để nó sống mà nộp lĩnh thưởng, chớ sao lại giết nó chết ?

Nhờ đó Giai khỏi chết nhưng đã què hết 1 chân, bị bắt nhốt vào cũi. Trên đường giải về Kinh Giai loạn trí (?) miệng luôn quát tháo chửi mắng đối phương và vì thế mà Giai bị đánh đập mãi. Khi ra trước Tam tòa thẩm vấn hay tuyên án, Giai vẫn dõng

dạc dùng nhiều lời nặng nề chống cự quan triều. Mỗi lần thế thì Trịnh hoài Đức quát bọn lính:

— Thằng ni điên thiệt hay giả vờ để ngạo mạn đình thần hử ? Quân bay, nọc...

Sau một lúc bị căn nọc đánh có trăm trượng, máu me tung tóe, mình mẩy nức nở, chết giấc từ hồi, lính mới vực Giai dậy, tạt cho vào mặt một lon nước để hồi tỉnh rồi thẩm vấn tiếp : Quan Khâm mạng Trịnh hoài Đức vâng lịnh vua, đứng đầu xét xử vụ án nầy, gọi tên bị cáo hỏi :

— Mi là người Tàu sang kiều ngụ nước ta, được nước ta đối đãi tử tế, an cư lạc nghiệp, đáng lẽ phải nhớ ơn Triều đình, lẽ nào mi lại theo bọn thằng Khôi làm phản ?

Giai đáp :

— Tôi với Khôi là chỗ anh em thâm giao, đã thề đồng sanh tử, tôi lại có chân trong Thiên địa hội, thề nguyền giúp Khôi khởi nghĩa với danh chánh ngôn thuận là phò lập đức Hoàng Trưởng tôn con Đông cung Cảnh lên ngôi Hoàng đế, vì sinh thời, Đông cung có công lao lớn với nhà nước và được nhân dân lục tỉnh thương mến. Đông cung chẳng may mất sớm thì con là Hoàng Trưởng tôn, phải được lên ngôi báu, Việc phù lập nầy chính đức ông Kiên an, tức ngự đệ của Kim thượng (em ruột vua Minh Mạng) xướng khởi mà Khôi là tay phụ tá chỉ huy cùng với hai người phụ tá trọng yếu là Nguyễn văn Trân về quân sự và cố Du giúp về ngoại giao.

Quan Khâm Mạng hỏi :

— cố Du là ai rứa ? Giai chưa kịp nói thì một vị hội đồng rước nói :

— Cố Du tức là thầy giảng đạo Thiên chúa giáo mà tòa đã gọi lên trước hết khi nầy.

— Rứa à ? Thế thì cho đem cố Du ra đây lấy cung thêm.

Cố Du không chịu làm ngoại giao và không tham gia việc phản loạn của Khôi, cố chỉ làm phận sự nhà truyền giáo mà thôi. Do đó, người ta tra khảo cố Du,

không khai thác được gì thêm nên đành cho giam lại và bãi hầu, sáng hôm sau sẽ xử tiếp.

Hôm sau, hội đồng hỏi tội đến Đặng vĩnh Ưng, và anh em Võ vĩnh Tiền, Võ vĩnh Lộc, các tội phạm nầy ra Tòa với thái độ cứng cỏi ngang ngạnh. Hỏi câu nào họ cũng trả lời rằng có, buộc tội gì họ cũng cười ngạo nghễ nhận cả. Họ nghĩ : bề nào cũng chết, thà chết vinh hơn nhúc nhắc hèn hạ. Đấng trượng phu, dám làm thì dám chết việc gì phải tự hạ chữa mình.

— Mi đồng lỏa với Nguỵ Khôi. Quan Khâm mạng hỏi :

— Phải !

— Tại sao chúng bây dám phản Triều đình ?

— Tại Triều đình dung túng bọn tham Quan ở lại, như Bạch xuân Nguyên, Hoàng văn Lý chi hà hiếp bóc lột dân lục châu đến con trẻ dàn bà cũng phải công phần huống chi chúng tôi có huyết khí, biết dùng thanh gươm ?

— Bây có mục đích khởi loạn để phục thù cho Lê văn Duyệt ?

— Phải ! Sinh tiền Thượng công có công nghiệp to với dân, với nước, mà Triều đình vì tư hiềm, nỡ quên ơn, bôi nhọ một công thần khai quốc như Ngài, dân lục tỉnh đều lấy làm bất bình.

— Lũ bay phạm tội đại nghịch bất đạo còn khéo già hàm !

— Bẩm các quan, thiên hạ còn có nhiều chuyện đại nghịch, bất đạo bằng mấy, ví dụ bức hiếp chị dâu, sát hại cháu ruột thì không ai dám mở miệng nói tới!

Đặng vĩnh Ưng nói câu trên xong thì các quan tái mặt, đưa mắt nhìn nhau. Trịnh hoài Đức thét vang :

— Thằng khốn nạn ! Hãy câm cái miệng lại ! Quân bay, vả vào mặt nó !

Vĩnh Ưng bị bọn sai nha áp đến đánh vả túi bụi đấm đá lăn chiên, nhưng Vĩnh Ưng làm thinh, chẳng thèm kêu la rên rỉ nửa lời, mà còn nói lại với giọng ác :

— Giờ người ta ở trong tay các chú rồi, các chú làm gì chả được ? Thử gặp nhau ở chốn chiến trường mà xem !

Liền đó, các quan truyền đưa tù vào cũi ; khiêng về ngục. Lúc đứng dậy, Võ vĩnh Lộc tự xé một mảnh áo cụt mặc trong chùi máu cho Vĩnh Ưng và nó lên một câu khá to, cốt cho các quan đình thẩm nghe :

— Họ muốn giết hay muốn làm gì anh em mình cũng thế thôi ! Đây có phải sợ chết đâu chỉ cần được chết cho chóng

(Còn 1 kỳ nữa)

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện-thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN.
NHÃN CỔ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon T/M 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

PHẠM-QUỲNH

với Nam Phong và Hội Khai Trí Tiến Đức

● CHÂU-HẢI-KỲ

Vài nét giới thiệu về ông

Vóc người ốm, rất mực thước, dáng điệu nói năng hòa nhã và ý tứ. Người ta nói tánh nết ông cũng chẳng khác cái lối hành văn chững chạc ý tứ của ông.

Giỏi Pháp văn, thông Hán văn, lại nhờ xuất thân làm thơ ký Trường Viễn đông Bác cổ (École Française d' Extrême Orient), 8,9 năm liền (1908 1917) miệt mài trong chốn núi sách rừng văn, ông trở thành một nhà học thức tiếng tăm trong nước.

Ông ưa sự tĩnh mịch. Chính nơi ông làm việc (hồi còn làm Chủ nhiệm báo Nam Phong) cũng trong cái quang cảnh «kín cổng cao tường». Tòa soạn Nam Phong ở đường hàng Da (Hanoi): Phố lầu, có cổng sắt, suốt ngày không có người vào ra nhộn nhịp như các tòa báo khác

Tạp chí Nam phong

Năm 1917 ông cùng với ông Nguyễn bá Trác lập tạp chí Nam Phong. Hai ông chia đôi công việc : ông phần Quốc văn, ông Nguyễn bá Trác phần Hán tự. Được mấy năm, ông Nguyễn bá Trác thôi nghề báo, vào kinh làm quan, còn một mình ông đảm đương cả thảy.

Tạp chí Nam Phong mặc dù ra đời vào năm 1917, nhưng thật ra có đã từ lâu. Nguyên hồi đó, người Đức bên

Thanh đảo làm báo chữ Tàu, viết toàn chuyện chiến tranh và tán dương dân tộc Đức, rồi in hàng muôn số phát không cho dân chúng.

Thấy vậy chánh phủ Đông pháp sợ uy chế người Đức mỗi ngày mỗi bành trướng bèn giao cho ông hợp tác cùng ông Nguyễn bá trác làm một tờ báo chữ nho lấy tên là *«Âu châu chiến sự»* xuất bản giữa hồi Âu chiến, trong đó cũng đăng tin tức, cũng nói chuyện chiến tranh, trình bày về nguyên nhân cuộc Âu chiến cùng những sự dã man tàn ác của người Đức. Các bài đều ký tên người Tàu và báo cũng in ra hàng muôn số, rồi đem sang Tàu phát không để đánh đổ thế lực và chống lại việc tuyên truyền của người Đức.

Tờ báo nầy không có lưu hành ở Việt Nam. Thấy việc tuyên truyền trong xứ cũng rất quan trọng, chánh phủ Đông pháp (hồi nầy ông A.Sarraut làm toàn quyền) cho mở thêm phần quốc văn mà bài vở chỉ đem dịch Việt ngữ chứ không có thay đổi. Từ đó Nam phong xuất hiện ở Việt Nam (lương tòa soạn chính phủ Đông pháp trả).

Nhận đảm nhiệm tạp chí Nam phong, ông nhắm mục đích «lo kiếm tài liệu bồi bổ cho quốc văn được đủ dùng trong sự truyền bá các tư tưởng Âu tây và khoa học». Chính ông là người đầu tiên để hết tâm vào việc mượn tiếng Tàu dùng làm quốc văn. Lẽ đó mà sau hồi đi Pháp năm 1922 về, để thực hiện đầy đủ mục đích của mình, ông xin cho Nam phong được quyền tự chủ. Lời thỉnh cầu của ông được chấp thuận (1)

Tạp chí Nam Phong xuất hiện tại đất Bắc từ tháng 7 năm 1917, sống đến tháng 12-1934, 18 năm liền, được 120 số, nhưng ông làm chủ nhiệm và chủ bút tạp chí nầy chỉ đến 1932 là năm ông vào Huế nhận chức Ngự tiền văn phòng Đổng Lý sau ngày Bảo Đại du học bên Pháp về nước (2)

(1-2) Từ năm 1932, tạp chí Nam Phong được giao cho các Ông Nguyễn hữu Tiến, Lê văn Phúc, Nguyễn Tiến Lãng.

Hội Khai trí Tiến đức.

Năm 1922, nhân kỳ Đấu xảo Thuộc địa ở Marseille, Hội khai trí Tiến đức cử ông sang pháp diễn thuyết để giới thiệu với người Pháp bên ấy về nước Việt Nam.

Khai trí Tiến đức Hội (Association pour la Formation Intelleetuelle et Morale des Annamites gọi tắt là A.F I M.A.) mà ông là Tổng Thư ký, được lập nên ở Hanoi. Hội có đến ngàn hội viện Việt Nam và chừng 50 hội viên người Pháp ở Đông Dương.

Như ông đã trình bày trong một bài diễn văn thì Hội «chủ về sự khai trí tiến đức cho người Việt Nam. Dân Việt Nam, theo như lời ông giới thiệu, là một dân tộc cổ, đã có một lịch sử ít ra cũng tới 20 thế kỷ. Dân Việt Nam có ngôn ngữ, có phong tục, có văn hóa riêng, nhưng hồi bấy giờ «còn thiếu cái khoa học và cái văn minh của Thái Tây». «Vì thế phải làm thế nào cho vừa giữ được những cái đặc sắt của nước nhà mà lại vừa theo đòi được văn minh học thuật của Thái Tây».

Mục đích thứ nhất của Hội là họp những người thượng lưu trong nước để làm việc hòa hợp hai cái văn hóa ấy để giáo hóa cho dân.

Mục đích thứ hai, cũng như lời ông là giúp cho những người thượng lưu trong 2 nước am hiểu nhau, có lòng thân ái và có bụng muốn giao tiếp với nhau, nói một cách khác là «để huề người Pháp Việt ».

Để thực hiện 2 mục đích trên, hội lấy công cuộc truyền bá văn chương tư tưởng của Thái tây làm đường lối vận động kết chặt, gây tình. Hội cổ động cho người

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Việt hồi bấy giờ biết thưởng thức những kiệt tác trong văn chương mỹ thuật của Pháp, như diễn những hài kịch của Molière (do ông Nguyễn văn Vĩnh dịch ra quốc ngữ), như dịch sách, viết báo... tạp chí Nam Phong dù không phải là cơ quan ngôn luận của Hội, nhưng đã đóng vai trò môi giới đắc lực vì tôn chỉ mục đích có chỗ giống với tôn chỉ mục đích của Hội.

Chủ xướng vấn đề lập hiến

Năm 1930, trong dịp bầu cử Hội đồng dân biểu (Chambre desRepresentants du peuple), ông đề xướng vấn đề lập hiến cho nước Việt Nam. Ông viết nhiều bài bằng Pháp văn đăng ở báo France Indochine về vấn đề nầy. Sự cải cách mà ông chủ trương chỉ nhắm vào 2 xứ bảo hộ Trung Bắc phần (Nam phần hồi đó là đất thuộc địa đã theo chế độ riêng rồi).

Ông nêu ý kiến : «Chánh phủ bảo hộ ban cho dân Việt Nam một Hiến pháp theo điều ước 1884, nghĩa là việc nội trị của nước Nam phải ở trong tay người Việt Nam, Bảo hộ chỉ có cái chức trách khuyên bảo kiểm sát».

Chương trình cải cách chính trị, theo ý ông, sẽ thực hiện bằng sự tổ chức như sau :

« 1 — Trung Bắc kỳ đã sẵn có Nhân dân Đại biểu viện, nay chỉ mở mang ra cho rộng rãi, để cho dân có chỗ tập làm việc, tham dự vào chánh sự...

« 2 — Quốc vương Việt Nam sẽ là chúa tể quyền hành chánh, cầm quyền thống trị do Bảo hộ trông nom chỉ bảo Quyền ấy sẽ giao phó cho các quan Thượng thơ hay là quan Tổng trưởng các Bộ, có trách nhiệm đối với

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ✶ NGON ✶ NGỌT

vua. với Bảo hộ và đối với viện Dân biểu. Quốc vương sẽ có một Hội đồng cố vấn để giúp việc. trong Hội đồng có các bậc danh giá vừa người Nam người Pháp lựa chọn vào hạng có tài năng lịch duyệt.

« 3 — Viện Dân biểu tức là Nghị viện sau này thì chỉ có một viện chung cả Trung, Bắc kỳ, bầu cử theo lối đầu phiếu có một hạn định. Nghị viện có quyền để xướng các luật án như Chánh phủ, nhưng các dự án luật của Chánh phủ cũng như của Nghị viện, phải đệ trình một Hội đồng kêu là Thẩm chánh viện gồm cả các nhà chuyên môn Tây Nam dự xét đã. Nghị viện có quyền kiểm sát các công việc Chánh phủ, chất vấn các quan Tổng trưởng các Bộ.

« 4 — Chánh phủ Bảo hộ thì chỉ đặt một quan Khâm sứ ở Huế. Dưới quyền quan Khâm sứ thì có các cơ quan để thi hành cái quyền kiểm soát của Bảo hộ. Quan Khâm sứ có quyền xin cách chức các quan lại của Chánh phủ Nam triều và xin giải tán Nghị viện. Và khi chánh phủ Bảo hộ và chánh phủ Nam-Triều có việc bất đồng ý thì quan Toàn quyền là người thay mặt nước Pháp ở Đông Dương sẽ xét xử, hoặc sẽ đệ sang Chánh phủ Paris chung thẩm. Ở Paris thì sẽ có một phái bộ An nam thay mặt chánh phủ Nam triều đối với chánh phủ Pháp.

« 5 — Các bộ trong tòa Nội các phải dùng người Pháp làm cố vấn, mà chức cố vấn thì chỉ kể là một quan chức của chánh phủ Annam thôi, chớ không phải là đại biểu của chánh phủ Bảo hộ.

PENI-V 200.000 đv 400.000 đv 500.000 đv
Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

Các bộ cốt yếu thì sẽ có : Bộ Nội vụ, bộ Tài chánh, bộ Giáo dục, bộ Vệ Sanh cùng Cứu tế, bộ Nông công Thương và một bộ Hiến binh, dùng người Pháp làm huấn luyện. kiêm quản các đội hiến binh (như lính khố xanh) chỉ để coi về việc bảo thủ trị an trong nước, còn việc phòng bị đối với ngoại quốc thì theo điều ước đã có quân đội của Bảo hộ trông lo. Ngoài ra, có thể thêm được bộ Lễ nữa để kiêm các việc lễ giáo tế tự cùng là việc riêng trong Đại nội và trong Hoàng tộc.

Còn các sở chuyên môn như Công chánh, Thương chánh, cần phải có tay học thức chuyên môn giám đốc, thì vẫn để thuộc quyền chánh phủ Bảo hộ; Trường Đại học. Trung học cũng vậy; Chỉ có bậc sơ đẳng giáo dục cho bình dân trong nước là thuộc về bộ Giáo dục của Chánh phủ Việt Nam.»(1)

Chủ trương thuyết lập hiến xin Chánh phủ Pháp dựa vào hiệp ước 1884 mà nới rộng quyền hạn cho vua quan Triều đình Huế của ông như trên đã là đầu mối cho một cuộc bút chiến giữa ông Nguyễn văn Vĩnh, chủ nhiệm tờ Annam Nouveau chủ trương thuyết trực trị (administration directe) không muốn Trung Bắc phần ở dưới chế độ cai trị trung gian của Triều đình Huế mà muốn được trực tiếp cai trị như Nam phần.

(1) Theo bài phỏng vấn ông Phạm Quỳnh của ông Đào Hùng (Phụ Nữ Tân văn số 87 ra ngày 18-6-1931)

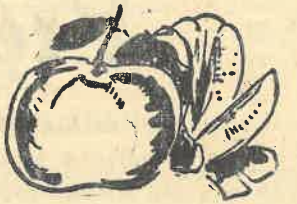

TRƯƠNG-THẾ-PHIÊU
Kỹ-sư E.S.M.E
Khảo sát viên máy hơi nước

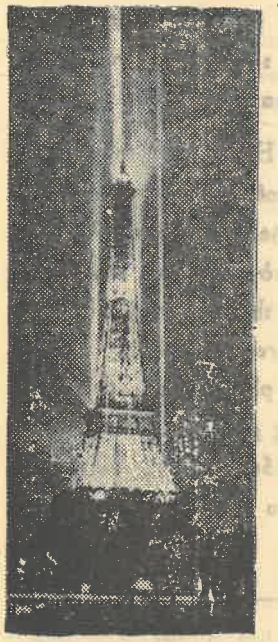

PARIS dưới mắt một du khách Việt-Nam

(*Tiếp theo P.T. số 228*)

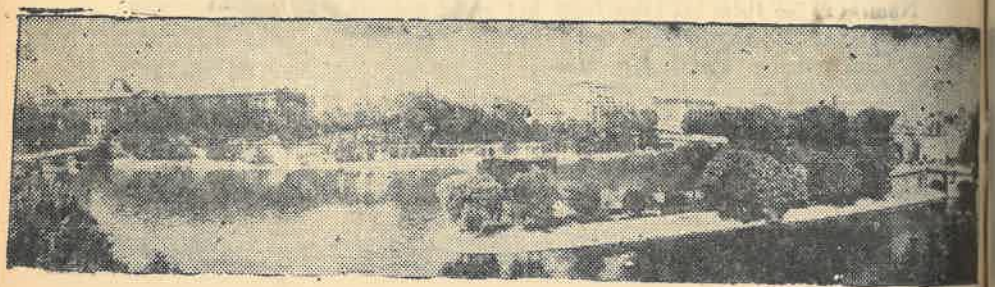

• Những trường Đại Học Pháp

NƯỚC Pháp được chia ra mười bảy khu đại học và trong mỗi khu có một viện đại học gồm nhiều phân khoa (luật khoa, y khoa, khoa học, văn khoa, dược khoa), một thơ viện và nhiều khi 1 đài thiên văn, 1 trường thuốc v.v...

Dưới đây là tên và địa chỉ của các viện đại học :

Viện đại học Paris	4, rue des Ecoles, Paris 5
« « Aix Marseille	42, rue Victor Leydot, Aix en Provence và 25, rue Sylvabelle Marseille.
« « Besançon	10, rue de la Convention, Besançon.
« « Bordeaux	20, cours d'Albert, Bordeaux
« « Caen	168, rue Caponière, Caen
« « Clermont-Ferrand	3, avenue Vercingétorix, Clermont-Ferraud
« « Dijon	2, rue Crébillon, Dijon
« « Grenoble	7, place Bir-Hakeim, Grenoble
« « Lille	29, rue des Jardins et 22, rue Saint-Jacques, à Lille
« « Lyon	30, rue Cavenne, Lyon
« « Monpellier	2, rue Faubourg-Saint-James Montpellier.
« « Nancy	13, place Carnot, Nancy
« « Poitiers	5, rue de la Traverse, Poitiers.
« « Rennes	19, boulevard Sévigné, Rennes
« « Toulouse	20, rue Saint-Jacques, Toulouse
« « Strasbourg	6, rue de la Toussaint, Strasbourg.

Trong mười bảy viện đại học, chỉ một mình viện đại học Strasbourg là có thêm hai khoa thần học công giáo và thần học Cơ đốc tân giáo mà thôi.

Năm 1957, cô Alice Schlotterbeck, cựu sinh viên viện đại học Strasbourg, được chánh phủ Pháp bổ nhiệm làm mục sư thiệt thọ ở Alsace. Nàng là người con gái đầu tiên được chánh thức đảm nhiệm chức mục sư. Nếu ngày nào nàng định lập gia đình, nàng phải xin từ chức ; trái lại, mục sư đàn ông được quyền lấy vợ.

Mỗi viện đại học có một Hội đồng quản trị mệnh danh là Hội đồng viện đại học, gồm có viện trưởng, các khoa trưởng, hai giáo sư đắc cử của mỗi phân khoa, hiệu trưởng trường thuốc, giám đốc đài thiên văn và ba hay bốn nhơn vật địa phương được viện trưởng bổ nhiệm bởi họ có thành tích quan tâm đến đời sống của viện. Tổng số hội viên của Hội đồng ấy là từ 12 đến 20 người mà phần đông đều thuộc về giáo giới và được đắc cử.

Người cầm đầu viện đại học là viện trưởng. Ông nầy thường là một khoa trưởng hoặc một giáo sư thiệt thọ, được Tổng trưởng của Bộ Quốc gia Giáo Dục chọn và đề nghị với Hội đồng Tổng trưởng ký sắc lịnh bổ nhiệm một thời gian năm năm và có thể tái hạn. Chiếu theo sắc lịnh ngày 22-8-1854 thì viện trưởng phải có bằng tấn sĩ Quốc gia.

«Viện trưởng đại diện cho viện đại học trong tất cả các hành vi sanh hoạt hành chánh và dân sự. Nhưng đồng thời, trong địa hạt khu đại học, ông cũng là người đại diện Tổng trưởng, có quyền hành đối với cấp tiểu học, trung học, kỹ thuật, đại học, và đối với tất cả mọi vấn đề thuộc về Bộ quốc gia giáo dục. Chức chánh thức của ông là viện trưởng khu đại học, chủ tịch Hội đồng viện đại học.»

Cũng như ta biết, mỗi viện đại học thường có năm phân khoa, và người cầm đầu của mỗi phân khoa là khoa trưởng.

Có hai điều kiện cần thiết để được làm khoa trưởng :

— Đương sự phải là một giáo sư đại học thiệt thọ.

— Được đắc cử

Những người bầu cử khoa trưởng là giáo sư thiệt thọ, các giảng sư và các thạc sĩ phân khoa.

Theo thường lệ, Tổng trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục bổ nhiệm vị giáo sư được đắc cử làm khoa trưởng một thời gian ba năm và có thể tái hạn, chừa ra khi nào có một lý do chánh đáng. Tổng trưởng mới nghĩ đến việc bổ nhiệm người đã được số thăm sau số thăm của giáo sư đã đắc cử.

Khoa trưởng chủ toạ Hội đồng phân khoa. Hội đồng này có phận sự thảo luận về ngân sách tự trị của phân khoa, về việc chấp nhận những tặng vật và di sản, về việc sử dụng lợi tức và về việc tiến cử ứng cử viên vào những chơn giáo thọ khuyết.

Ngoài ra, còn có Hội nghị phân khoa gồm giáo sư thiệt thọ, giảng sư và thạc sĩ. Hội nghị nầy chỉ chuyên lo về các vấn đề sư phạm mà thôi.

Những người dạy ở phân khoa chia ra làm bốn hạng :

1) — Giáo sư đại học thiệt thọ,

2) — Giảng sư (văn khoa và khoa học), thạc sĩ (luật khoa, dược khoa và y khoa).

3) — Giám nghiệm trưởng,

4) — Trợ nghiệm viên và trợ giáo thọ.

Hai hạng người sau này cần phải có bằng tấn sĩ hoặc phải đậu một cuộc thi tuyển.

Chiếu theo luật lệ hiện hành, muốn được bổ nhiệm làm giáo sư đại học thiệt thọ thì cần phải có :

— Bằng cấp tấn sĩ quốc gia về môn sẽ dạy.

— Ba mươi tuổi.

— Hai năm thâm niên dạy học.

Ba điều kiện này dường như không khó mấy nhưng sự thật thì là khác. Những người được

bổ nhiệm làm giáo sư đại học học thiệt thọ đều là những giảng sư hoặc thạc sĩ hữu tài và rành nghề dạy học, và phải được sự hảo ý của Hội đồng tư vấn các viện đại học ở Bộ Quốc Gia Giáo Dục, của Hội đồng viện đại học và của Hội đồng phân khoa mà đương sự sẽ dạy.

Ở Pháp, số người đỗ Tấn sĩ khoa học hoặc văn chương rất ít vì sự thi cử quá khó, nên họ có thể được nhận làm giảng sư, trái lại, số người đậu Tấn sĩ y khoa luật khoa và dược khoa khá đông, bởi vậy người ta phải mở cuộc thi tuyển thạc sĩ.

Những giáo sư ở cấp trung học cũng được kêu là thạc sĩ, họ là cựu sinh viên Ecole Normale Supérieure và Ecole Normale Supérieure des Jeunes filles.

Viện đại học là nơi đào tạo một phần lớn nhơn tài tức là những người nắm vận mạng quốc gia. Số trí thức càng đông trình độ học thức của dân chúng càng cao, mọi ngành của quốc gia, nhờ đủ cán bộ các cấp, càng hoạt động hữu hiệu. Như vậy, muốn biết một nước yếu hay mạnh thì người ta ngó số sinh viên ở cấp đại học.

Người ta cử hành long trọng ở Sorbonne lễ khai giảng niên học đại học trước sự hiện diện của Tổng Thống Pháp và của Tổng Trưởng Bộ Q.G.G.D. Cũng như mọi năm, nhơn dịp ấy, Viện trưởng viện đại học Paris đọc một bài diễn văn.

Viện đại học Paris là một trong những viện đại học lừng danh ở hoàn cầu. Giáo sư giỏi, sinh viên đông, thi cử khó, ấy là tình trạng tổng quát của viện ấy. Những giáo sư đại học tiếng tăm ở tỉnh thường xin về Paris dạy vì ở đây họ có dịp tiếp xúc với các ông hàn lâm, các nhà trí thức quốc tế. Ngoài ra họ còn có thể học hỏi, sưu tầm, nghiên cứu thêm ở các phòng thí nghiệm đủ dụng cụ và ở các thơ viện đầy sách. Viện đại học Paris là bộ óc mà cái đầu là Ba lê.

Chiếu theo thể lệ của viện đại học Paris thì những sinh viên có quốc tịch Pháp, và những sinh viên của năm xứ trong Liên Hiệp Pháp là Ai lao, Cam bốt, Việt Nam, Maroc và Tunisie không có bằng tú tài cũng được ghi tên học ở các văn khoa nhưng phải thi vô. Cuộc thi này không giống như cuộc thi dành riêng cho sinh viên ngoại quốc.

Vào mỗi niên học, sinh viên phải đi khám sức khỏe, và nhờ vậy người ta tìm được hai hoặc ba người bắt đầu mới đau phổi trong số một ngàn.

Sau thế chiến thứ nhì, cũng như các nước tiến tiến khác trên hoàn cầu, nước Pháp thấy cần phải bảo đảm đời sống của sinh viên. Ngày 23-9-48, một chuyện hi hữu xảy ra ở Quốc Hội : Các đảng từ cực tả đến cực hữu đồng bỏ thăm chấp thuận cho sinh viên được hưởng chế độ An ninh xã hội đặc biệt.

a) — Bảo hiểm xã hội :

Khi đau, sinh viên được hoàn lại 80 o/o tiền thù lao Bác sĩ, tiền nhà thương, tiền thuốc v.v... và 100 o/o trong trường hợp họ nằm ở dưỡng đường lâu ngày hoặc sanh nở. (Vợ sinh viên cũng thọ hưởng Bảo hiểm xã hội).

b) — Bảo hiểm tai nạn :

Những tai nạn xảy ra trong lúc đi từ nhà đến trường hoặc từ trường về nhà, trong lúc tập sự ở trường, sinh viên được bồi thường.

Dưới đây là những điều kiện được hưởng chế độ An ninh xã hội ấy :

1)— Dưới 25 tuổi.

2)— Sinh viên Pháp và các xứ đã ký hiệp ước ngoại giao với Pháp để hưởng chế độ An ninh xã hội đó.

Mỗi niên học, một sinh viên đóng một món tiền về An ninh xã hội.

Từ ngày hiến pháp Đệ Ngũ Cộng Hòa được ban hành, nước Việt Nam không có chơn trong

cộng đồng Pháp, người Việt Nam trở nên người ngoại quốc, nên sinh viên Việt Nam hết được hưởng chế độ An ninh xã hội. Thật là một điều đáng lo ngại cho sinh viên ta khi bị bịnh hoạn hoặc tai nạn. Ước ao rằng các nhà cầm quyền ta nên mau thương thuyết với Pháp để ký một hiệp ước ngoại giao về chế độ An ninh xã hội sinh viên như Anh quốc, bắc Ái nhĩ Lan v.v... đã làm. (1)

Ở Anh quốc, cũng như ở nhiều nước tiền tiến khác, sinh viên ngoại quốc được hưởng chế độ Anh ninh xã hội, khỏi cần có một hiệp ước ngoại giao. Nước Pháp muốn bành trướng nền văn hóa của mình ở trên hoàn cầu, lại không cho sinh viên ngoại quốc hưởng chế độ An ninh xã hội. Thật là một việc bất hợp lý, một việc mà các nhà cầm quyền và Quốc hội Pháp nên cứu xét lại.

Tôi có quen với anh Kassa, một sinh viên xứ Ethiopie, nằm ở an dưỡng đường đại học Jacques Arnaud, tâm sự rằng :

«Chánh phủ cấp cho tôi một học bổng bốn năm ở ngoại quốc, và tôi có quyền muốn học ở đâu tùy ý. Tôi chọn nước Pháp vì nghe nói không khí ở Paris rất dân chủ, tự do.

Năm nay là năm thứ ba ở Sorbonne, tôi vụt phát đau phổi nên phải vô nằm nhà thương sinh viên ở Trú khu đại học. Tôi trả ở nhà thương ấy 3.000 quan mỗi ngày và ở An dưỡng đường nầy trên 2.000 quan.

Phải chi tôi đè xảy ra chuyện đau ốm như vậy, tôi chọn Anh quốc. Bây giờ, đã trễ rồi, chắc tôi phải bỏ học...»

Gương mặt héo queo, cặp mắt âu sầu, giọng nói buồn chán của Kassa khiến cho tôi nhớ mãi mãi. Tôi còn rất xúc động khi viết mấy giòng nầy.

(Còn nữa)

(1) Nay sinh viên ta đã được hưởng chế độ An ninh xã hội.

Đất lạ

KHÁNH-XUYÊN

— Anh Đạt chiều nay ăn cơm đâu ?

Câu hỏi của Nga làm tôi choàng tỉnh trong lúc đang nghĩ ngợi mông lung về thành phố xa lạ này.

— À định ra quán, trời mưa quá, thôi để mình về nhà ăn cho xong.

Tôi choàng mình nhìn phía sau chiếc Dodge, Nga cũng như mấy anh lạ bạn khác đang ngồi co ro tránh những hạt nước mưa ào ạt bên ngoài đưa vào. Chiều thứ bảy nào cũng vậy, chúng tôi về rất tối, vì phải lo thâu cho chương trình phát thanh ngày Chủ nhật. Đài phát thanh địa phương cộng việc chỉ có thế.

Mùa Đông ở thị trấn Pleiku thật lạnh. cơn lạnh da diết và khác lạ với chúng tôi —Những người ở Sài gòn vừa đặt chân đến vùng này.

Cách đây gần hai tháng, chuyến bay C 47 cất cánh từ phi trường Tân sơn Nhất, đưa 10 nhân viên và dụng cụ ra Pleiku. Tôi cầm Sự Vụ Lệnh nhìn lần chót, mục đích di chuyển: Công tác phát thanh, thời gian một tháng.

Đã hai tháng đi qua, chúng tôi còn ở đây, khí hậu càng lạnh thêm. Tội nghiệp Nga, thân gầy ốm, ra đây gặp mùa lạnh như thế này, nàng bé nhỏ trong chiếc áo lạnh co ro. Khi còn ở Sài gòn, tôi nghe anh bạn nói cô xướng ngôn viên Nga coi hay lắm. mấy trễ tài xem. độc thân mà sợ gì.

Tôi nghe để rồi quên và xem như những công chuyện thường tán dóc tại các quán nước, và lại những chuyện buồn đang lôi

cuốn tôi vào một cơn lốc bận bịu thật nhiều ít khi nghĩ đến chuyện lăng nhăng. Tôi nghĩ về chuyến đi của một người lính. Nhà binh giấy tờ mất tháng, đi một năm hoặc hơn nữa không chừng. Quả đúng dự đoán trước, gần hai tháng mà chúng tôi vẫn nằm ì ở đây. Buồn chết được

Lúc đầu ít ai nói chuyện với ai, người nào lo công việc ấy. Dần dần thấy cần gần gũi nhau hơn, vì mới ra đây ai cũng lạ, chỉ quanh quẩn mấy người quen thôi. Anh Hậu rất lanh, chuyện gì anh cũng tỏ ra rất lanh lợi và đặc biệt. Hôm đó rảnh anh cho chúng tôi biết hiện giờ Nga đang có tâm sự buồn phiền. Nghe đâu người tình của nàng đang học sĩ quan ở Thủ Đức gia đình bắt cưới vợ với cô nào đó. Nàng buồn, muốn xa lánh thành phố Sàigòn để từ giã kỷ niệm lưu luyến ban đầu. Ra đây gia đình, tiện nghi của người con gái thiếu thốn — Nhất là tình cảm.

Nga đang ở trong khu gia binh với người cha đang làm Hạ sĩ quan một đơn vị Biệt Động quân. Cha nàng ít khi ở nhà bởi những công vụ lôi thôi. Căn nhà tuy nhỏ nhưng đối với Nga là một trống vắng rộng lớn.

Giọng đọc của Nga lúc đầu thấy tiến bộ nhanh. Thính giả ở đây ai cũng mến. Dạo này giọng nàng thật hay nhất là những bài có ý gợi cảm mông lung. Không bao lâu nàng đã trở nên một thần tượng tại miền rừng núi hoang vu xa lạ này.

Tháng đầu, chúng tôi tạm ở trong căn nhà trệch gần văn phòng của đài, nhưng sau đó vì sự chung đụng phiền phức

phải tìm nhà riêng. Từ ngày quân đội Đồng Minh đến đây, nhà cửa khó khăn lắm, vả lại với số lương chết đói của mình không tài nào tìm được một căn phòng tạm sống cho qua ngày tháng. Tôi đang băn khoăn về nhà cửa thì may mắn anh bạn quen đổi đi đơn vị khác để lại cho tôi căn nhà ở khu gia binh :

— Ở dãy G căn 3/26, cho mấy cái bàn gỗ, mai mốt hẹn ra đó ở.

Tôi bùi ngùi mang ơn và cầm lấy chìa khóa. Hôm sau mượn được chiếc xe Jeep của ông Quản đốc, chở đồ đạc di chuyển ra đấy. Bụi bậm rác rến. Tôi dọn dẹp hết một buổi vẫn chưa xong. Buổi chiều đang lui cui làm công tác, bên kia dãy H, Nga nhìn thấy tôi, nàng gọi lớn :

— Anh Đạt ra đây hồi nào vậy ?

— Nga, à em ở đây vậy mà anh không biết.

Tôi vừa dọn và tiếp chuyện với nàng. Nga cũng tiếp tay lo xắp xếp đồ đạt.

Buổi chiều Nga với tôi dùng cơm. Chúng tôi trở nên thân mật nhau từ đó Ngày hai buổi chúng tôi phải đi bộ một đoạn đường để đón xe đến chỗ làm. Sự thân mật làm cho anh em chú ý. Tôi xem Nga như em gái không hơn kém, có bổn phận phải lo. Tôi khuyên Nga nên dè dặt hơn, để tránh những tiếng không tốt về sau. Nga tỏ vẻ ngạc nhiên, nàng hỏi rất bình thản :

— Em không sợ, dư luận có giúp gì mình sống được thoải mái hơn đâu anh.

Câu nói của Nga đã làm tôi nghĩ ngợi rất nhiều. Tình cảm của tôi bấy lâu bắt đầu chuyển hướng hay giữ thái độ như dạo nào. Cũng một người anh lo lắng cho người em gái... Tôi phân vân, sự thiếu vắng của chúng tôi không thể nào được. Chúng tôi đang cần nhau lúc này. Căn nhà tôi ít khi ở, sách vở, báo chí tôi để bên nhà Nga và suốt buổi trưa nằm đọc. Tội nghiệp

Nga buổi sáng nào cũng thức sớm, đun nước pha cà phê, hai đứa ăn sáng ở nhà rồi đi ra đầu đường đón xe.

Hai đứa chúng tôi, ai cũng có dĩ vãng về tình cảm, nhưng không xem đó như một ngăn cách phiền trách. Những bì thơ dày ở Sàigon hay Vĩnh Long gửi ra chứa đựng bao nhiêu thương nhớ của người tình vẫn không làm tôi xao động vu vơ. Thấy nơi đó thật mờ nhạt xa xôi. Chẳng đẹp đẽ gì mối tình lý tưởng như vậy. Tìm sự gần gũi hiện tại cần thiết và thanh thoát hơn.

*

Tuần lễ này Nga ngỏ ý muốn thôi việc. Lúc đầu thấy không nên, nhưng sau đó tôi lại tán thành. Nhận được đơn của nàng, ông Quản đốc tỏ vẻ ngạc nhiên và gọi tôi lên hỏi thăm lý do. Tôi trả lời đó là quyết định của đương sự, tôi không có ý kiến. Tôi nhận thấy Nga có lý khi nàng quyết định rời khỏi đây. Miền đất này không phải nơi để chôn vùi tuổi xuân thì của nàng. Nga còn trẻ, nàng không thể có gia đình để ràng buộc. Nga phải trở lại Sàigon — Tôi cứ nói như vậy không biết bao nhiêu lần — Thành phố ngày xưa của nàng để kiếm tìm kỷ niệm đã đi qua. Biết đâu nàng sẽ gặp một người tình mới trên đoạn đường cũ với kỷ niệm cũ. Như thế vẫn hơn là phải ở đây, miền đất lạ này.

Cao nguyên mưa bùn, nắng bụi này thật u buồn. Cả nửa tháng nay mưa liên tiếp, buổi sáng nào cũng thấy mây trôi sát mái nhà. Va ly quần áo bắt đầu nghe ẩm, mặc đất nổi bùn trơn trợt đỏ thâm. Con đường nhựa ướt ải lên xuống u buồn, đoàn quân xa nối tiếp chen chúc, thành phố điều hiu, nỗi chết rã rời trong không khí chiến tranh ẩn núp.

ANACINE
TRỊ PHONG NGỨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Nga trở nên nạn nhân yếu đuối thụ động, buồn tủi đeo đẳng kéo sau.

Tôi thấy mình không khác gì hơn nàng bao nhiêu. Tâm sự và ý nghĩ của Nga có lẽ chính là của tôi, sự đồng dạng đó đã thể hiện hằng ngày qua lời trao đổi thổ lộ. Ngày thêm ngày, tôi thấy phiền phức bực bội dai dẳng. Sự nương tựa của chúng tôi sắp hết. Nga sắp đi rồi, còn lại mình tôi ở đây đốt từng điếu thuốc đếm ngày tháng trôi qua. Bằng mọi cách tôi cũng phải có ngày trở về. Nhưng bao nhiêu hy vọng trở thanh tuyệt vọng đợi chờ.

Chiều nay Nga làm cơm với nhiều món ăn ngon, chúng ngồi đối diện nhau ít nói hơn mỗi khi, vẽ mặt buồn dào dào. Nga như đọc được hết ý nghĩ đó của tôi. Nga biết rằng khi chúng tôi rời xa sẽ lưu luyến hay dứt khoát. Nga nói với tôi :

— Em xin ở lại đây chờ anh được lệnh về Sàigon sẽ hay, bây giờ em về trong ấy cũng không có việc gì. Một mình làm sao em chịu nổi.

Nga lại mâu thuẫn, ý định nàng lại mất thăng bằng lảo đảo hoảng sợ cô đơn.

Tôi trả lời :

— Tùy em, theo ý anh em nên giữ đúng ý định đầu ; Nga làm thinh một lúc rồi khóc rưng rức, hai giọt nước mắt lăn dài xuống

REGAST. T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

má. Tôi vội vả bỏ đứa đứng dậy đi nhanh về phía sau nhà. Nga chạy theo nắm tôi kéo lại gọi.

— Anh.

Tôi làm thinh đứng đó, Nga ngả quị xuống êm tôi khóc to hơn, giọng nàng tức tưởi ;

— Anh ác lắm, thôi được, mai em sẽ về. Em chết ở đấy cũng được, cho anh được yên thân. Chính em, anh còn muốn chạy trốn. Đời em khốn nạn thật, chỗ nương tựa cuối cùng đổ vỡ tan nát.

Tôi dìu Nga ngồi xuống chiếc ghế bố vải, không biết lời nào để an ủi Nga đây, chính tôi cũng phó mặc chơi vơi như nàng, đưa tay chảy lại mái tóc rối của Nga được xuôi hơn. Hơi ấm của vai nàng làm tôi rung động bồi hồi lôi cuốn bởi nhịp đập trái tim của nàng.

Tôi kéo Nga sát vào, giọt nước mắt còn đọng trên đôi gò má diễm kiều đó. Nét mặt Nga trở nên rạng rỡ. Nàng hỏi tôi :

— Mấy giờ rồi anh.

Tôi đáp nhỏ :

— 9 giờ tối, em hỏi chi vậy ?

Nga làm thinh một lúc rồi tiếp :

— Bên ngoài trời vẫn còn mưa nhiều, phố giờ này sắp tới giờ giới nghiêm. Em muốn xuống phố để mua một món quà kỷ niệm.

— Thôi để mai cũng chẳng sao.

Tôi ngả người nằm bên Nga. Thành phố nào tôi ao ước được trở lại, tôi sẽ đưa đón ai vào mùa giáng sinh năm nay, tôi thấy mờ dần theo thời gian. Những bước chân đi trên con đường đất bùn đen đúa bị thỏa lấp mờ qua những dám mưa muộn phiền liên tiếp.

Ngày mai, chiếc xe Dodge cũ sẽ đưa chúng tôi đến chỗ làm thường lệ Nga sẽ đến phòng ghi âm đọc đài phát thanh. Rồi những gương mặt quen thuộc bỗng dừng dựng. Loáng thoáng tôi thấy lạ như lần đầu tiên chúng tôi dắn tay nhau đến đây.

●✱

Thái độ của cụ Nguyễn-Du đối với nhà Nguyễn Tây-Sơn

★ TRẦN-TIỂU-HY

VỪA rồi bạn Khánh Xuyên trong bài «Thơ chữ Hán của Nguyễn Du» (xem Phổ Thông số 224), có dẫn hai câu thơ của tác giả Kim vân Kiều để chứng minh rằng «mặc dù chống Tây Sơn, Nguyễn Du không hề lộ ra một thái độ hằn học nào đối với triều đại đó... có phải thực tế bao nhiêu năm... làm cho ông có một cái nhìn đời phần khác hơn trước đối với Nguyễn Huệ ? »

Nhưng sự thực có đúng như như vậy không ? Ý chí chống Tây Sơn của Nguyễn Du lúc sáng tác ra mấy câu thơ ấy, phải chăng như bạn Kh. X. đã nhận xét, là đã nhụt ?

Trước hết tôi xin nói hai câu thơ ấy : *«Ngộ hữu thốn tâm vô dĩ ngữ, Hồng sơn sơn hạ Quế giang thân»* tức là hai câu thứ 7 và thứ 8 trong bài My trung mạn hứng mà bài này lại là một bài trích trong Thanh hiên thi tập chứ không phải Thanh *thiên* thi tập như bạn Kh. X. đã chép). Lại nếu chỉ vin vào hai câu thơ đề xét đoán thái độ của tác giả, tôi e rằng không khỏi thiếu sót hoặc sai lầm. Vậy để giúp bạn đọc thưởng thức trọn vẹn ý nghĩa của bài thơ, đồng thời tìm hiểu mối tâm sự của Nguyễn Du đã ký thác vào đó, tôi xin trình bài My trung mạn hứng với kèm theo đó, tôi xin phụ lục luôn cả phần chú thích lẫn phần dịch

nghĩa, dịch thơ mà người Loạn quá cố của tôi, nhà văn Trần thanh Mại đã dày công sưu khảo và dịch thuật.

Dịch âm: My trung mạn hứng

Chung tử viện cầm thảo nam âm (1) Trang Tích bệnh trung do Việt ngâm (2) Tứ bải phong trần gia quốc lệ. Thập tuần lao ngục tử sanh tâm. Bình chương di hận hà thời biểu ? (3) Cô trúc cao phong bất khả tầm(4)Ngã hữu thốn tâm Vô dử ngữ, Hồng sơn sơn hạ Quế giang thâm (5)

Chú thích :

Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền chép : «Nhà Đông năm Bính thìn (1796) Nguyễn Du toan vào Gia Định giúp Nguyễn Ánh. Việc tiết lộ, bị tướng Tây Sơn là quận công Thận bắt giam... Quận công Thận là bạn thân với người anh của ông là Nguyễn Nể, vả lại y cũng tiếc tài ông nên chỉ giam mấy tháng rồi tha.

1) Chung tử : tức Chung Nghi, người nước Sở, bị nước Tấn bắt. Người ta đưa đàn cho ông gẩy, ông chỉ gẩy những bài hát phương Nam (nước Sở). Người Tấn khen ông không vong bản.

2) Trang Tích : người nước Việt, làm quan nước Sở. Khi ông ốm, Sở vương hỏi mọi người : «Tích là kẻ tầm thường ở đất Việt, này làm quan ở nước Sở, được phú quý rồi thì còn nhớ nước Việt nữa không ? «Viên thị ngự đáp : «Phàm người ta có nhớ nước cũ hay không, thường tỏ ra trong lúc ốm đau. Nếu lúc này ông ta nói tiếng Việt thì tức là nhớ nước Việt, bằng không thì nói tiếng nước Sở» Sở vương sai người lén nghe thì thấy Trang Tích nói tiếng Việt.

3) Bình Chương : Núi Bình Chương. Tống sử chép : Trương thế Kiệt, một tướng giỏi đời Tống, đồng thời với Văn thiên Tường. Lục tú Phủ, phò Đế Bính chống quân Nguyên, mong khôi phục nhà Tống. Sau thua, lên thuyền chạy đến núi Bình Chương gặp bão, thuyền đắm. Thế Kiệt chết, nhà Tống mất.

4) Cô Trúc : Một nước lập từ đời nhà Ân (nay thuộc tỉnh Trực Lệ) khi Ân bị nhà Chu lấy, Bá Di và Thúc Tề con vua Cô Trúc, không phục nhà Chu, lên ẩn ở núi Thú Dương rồi nhịn đói mà chết, chứ không thèm ăn thóc nhà Chu. Nhà thơ muốn tỏ ý muốn bắt chước Di, Tề đi ở ẩn, không chịu làm tôi Tây Sơn, Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền có chép thêm : «Buổi ấy ông tỏ chí mình trong những câu thơ như

Hán mạt nhất thời vô nghĩa sĩ
Chu sơ Tam kỷ hữu ngoan dân.

(Cuối Hán tạm thời không có nghĩa sĩ, đầu Chu đã ba đời vẫn có những người không chịu theo).

Lại có câu : Đản đắc kỳ sơn thánh nhân xuất.

Bá Di tuy tử bất Thần Chu

(Dầu có bậc Thánh nhân ra đời ở đất Kỳ sơn, nơi nhà Chu dấy nghiệp Nhưng ông Bá Di đến chết chẳng chịu làm tôi nhà Chu

5) Quế giang : Chưa rõ là sông nào, có thể là một tên khác của khúc sông *Lam chảy gần làng* Tiên Điền.

Dịch nghĩa :

Chung tử gẩy đàn theo điệu Nam
Trang Tích khi lâm bệnh vẫn rên bằng tiếng Việt
Bốn bề gió bụi, nghĩ tình nhà nợ nước mà rơi lệ
Mười tuần lao tù, lòng coi thường sống chết
Bao giờ mới hết mối hận Bình Chương ?
Khó mà tìm được phong cách cao thượng của con người nước Cộ Trúc.
Ta có một chút tâm sự không biết tỏ cùng ai
Dưới chân núi Hồng, sông Quế giang sâu thẳm.

Dịch Thơ :

Chung tử so đàn gẩy khúc Nam
Chàng Trang tiếng Việt ốm còn ngâm.
Phong trần bốn biển non sông khóc,
Lao ngục mười tuần sống thác cam !
Mối hận Bình Chương bao thuở hết,

Tấm gương Cô Trúc khó nơi tìm
Tấc lòng ta biết cùng ai ngỏ ?
Hồng, Quế cao sâu phỏng mấy tầm

Trần Thanh Mại

Lời bàn của biên giả—Theo ý của chúng tôi thì tìm hiểu Nguyễn Du qua những bài thơ chữ Hán mà ông đã để lại là việc làm rất có ý nghĩa, bởi vì bài nào cũng chứa đựng một vài lời tâm sự, bộc lộ một cách khá rõ rệt thái độ sống của nhà thơ. Tuy nhiên, nếu chúng ta có phương tiện khai thác gia phả của họ Nguyễn Tiên Điền hầu thu nhặt thêm những chi tiết mà nhà thơ không thể nói hết ở trong những thi phẩm của mình thì kết quả của sự tìm hiểu nầy càng được thêm xác đáng.

Việc ấy may thay ! Đã được các học giả tiền bối như Trần trọng Kim, Lê Thước, Đào duy Anh, và Hoài Thanh không những đã làm rồi mà lại làm một cách rất công phu, kỹ lưỡng. Nay dúc kết những công trình khảo cứu ấy, chúng ta có thể biết là trong thời gian khá dài từ khi Tây sơn ra Bắc Hà (1796) cho đến khi Tây sơn thất bại (1802) rõ ràng Nguyễn Du có tính việc phục quốc phò Lê và chống Tây sơn — Lúc ấy ông hết sức trung thành với nhà Lê và đang có ý định chống lại Tây sơn,, mặc dù Nguyễn Nễ, anh cùng mẹ đã ra làm quan với Tây sơn năm 1790 và Đoàn nguyên Tuấn, anh vợ, cũng đã có mặt trong sứ bộ của Nguyễn Huệ sang Trung Quốc từ năm 1789 sau trận Đống Đa. Nhưng, nếu Nguyễn Nễ đã ra làm quan với Tây sơn thì Nguyễn Quỳnh một cha khác mẹ của ông lại âm mưu kết nghĩa sĩ chống lại Tây sơn. Bị bắt, ông không chịu khuất phục nên chẳng những riêng ông bị giết mà dinh cơ họ Nguyễn Tiên Điền cũng bị phá sạch, cả làng Tiên Điền cũng bị làm cỏ.

Không rõ thời gian lưu lại Bắc Hà, Nguyễn Du có hoạt động gì không và hoạt động như thế nào, nhưng *thái độ* của ông theo gia phả thì *rất dứt khoát*. Gia phả có trích mấy câu thơ của ông không rõ ở bài nào cho ta thấy chí phù Lê chống Tây sơn của ông *không thể gì lay chuyển được* :

Hán mạt nhất thời vô nghĩa sĩ
Chu sơ tam kỷ hữu ngoan dân

và

Đảm đả Kỳ sơn thánh nhẫn xuất
Bá Di tuy tử bất Thần Chu

Chí ông như vậy nhưng hình như ông chưa bao giờ khởi sự, có lẽ vì không có người hưởng ứng. Ngoảnh đi ngoảnh lại, bạn thân chỉ còn vài ba người. Tâm sự ấy, ông đã gởi vào nhiều câu thơ như câu : Trường đồ nhật mộ tân du thiểu (đường thì đường con dài, ngày đã hết mà không tìm được mấy đồng chí mới)

Không phải Tây Sơn đã thu phục được nhơn tâm, nhất là ở Bắc Hà, nơi mà từ trước tới giờ, người ta chỉ biết có vua Lê, không những chiến thắng của Quang Trung năm 1789 đã làm cho mọi người khiếp đảm. Hai mươi vạn quân của Tôn sĩ Nghị mà cũng tan tành trong giấy phút, huống hồ những nhóm người lẻ tẻ. Do đó, Nguyễn Du bi quan, chán nản. Trong những bài thơ làm trong giai đoạn «Mười năm gió bụi» (Thanh hiên thi tập) không có bài nào biểu lộ chút tinh thần phấn phát. oàn là một điệu, một điệu cảm thương của người tuyệt vọng. Mối u sầu đó đã thấm vào từng câu từng chữ.

Tuy vậy đến khi trở về quê nhà dưới chân núi Hồng Lĩnh, *chí* phục quốc phò Lê *chống Tây Sơn* của ông *vẫn chưa nguôi*. Cách này không ổn thì xoay cách khác.

Không ai hưởng ứng thì hành động một mình. Thế là mùa Đông năm Bính Thìn (1796) ông toan vào Gia định giúp Nguyễn Ánh. Lúc này Nguyễn Ánh đã có một cơ sở vững chắc ở Gia định và đang phát triển thế lực ra ngoài, đánh nhau với Tây Sơn ở các tỉnh Khánh hòa, Phú yên, Bình thuận. Hai bên giằng co, chưa ngả ngủ ra sao. Ông muốn giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn, kẻ thù của nhà Lê. Nhưng rồi việc

bại lộ, tướng Tây Sơn là Nguyễn Thận lúc bây giờ làm trấn thủ Nghệ An, bắt ông giam độ ba tháng rồi tha. Xem bài My trung mạn hứng làm vào lúc đó thì thấy là mặc dù ở tù, nhà thơ của chúng ta *vẫn không thay đổi chí hướng*. Do đó, chúng ta không ngạc nhiên tại sau trong suốt 15 năm, kể từ khi Tây Sơn ra Bắc hà, Nguyễn Du không làm như hai ông anh là Nguyễn Nễ và Đào Nguyên Tuấn, mặc dù ông đã chịu nghèo túng, gian truân, tính mạng có khi cơ hồ treo đầu sợi tóc mà chẳng *hề nao núng*. Trái lại khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy niên hiệu là Gia long và đem đại quân ra Bắc Hà thì Nguyễn Du lại đón xe yết kiến vua và được thu dụng làm Tri Huyện. Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền chép : «Mùa hạ tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802) vua Gia long đi ra Nghệ An. Nguyễn Du đón xe yết kiến vua và được đem thủ hạ đi theo ra Bắc. Mùa thu tháng 8 năm ấy, ông được bổ làm Tri huyện, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Nguyễn Du ra làm quan với nhà Nguyễn từ năm 1802 cho đến khi mất (1820) tính đúng 19 năm, đường hoạn lộ không có gì trắc trở. Ông Hoài Thanh nói : «Nguyễn Du thật thà, đi nhà Nguyễn, ông làm quan đến chức Tham tri và hai lần được làm Chánh sứ. Không phải vô cớ mà nhà Nguyễn tin ông đến thế. »

Có nhiều người không hiểu, cứ tưởng Nguyễn Du bị vua Gia long nài ép mới chịu ra làm quan. Sự thiệt thì vua Gia long khi lên ngôi liền thi hành nhiều chính sách mua chuộc đối với con cháu và cựu thần nhà Lê, do đó cựu thần nhà Lê phần đông coi Nguyễn Ánh là kẻ thù. Họ có thể ra giúp mà lương tâm không cắn rứt.

Thái độ của Nguyễn Du đối với Tây sơn xét theo gia phả và các bài thơ chữ Hán của ông rõ ràng là như thế đó. Thử ngoại còn có điều sai sót, ước mong các bậc cao minh chỉ chánh.

TRẮNG HÒN

Tôi kiếp chim cho đời tung mỏi cánh
Tận hư vô vẫn biển mãi màu xanh
Trên trần thế sớm hôm chiều lại tối
Khóc ngỡ ngàng nhìn tâm sự hoang liêu

Xin đứng lại cho hồn sầu chết yếu
Gió ngàn phương tận hưởng bóng giang hồ
Màu hoa tím chân trời buồn con bướm
Thấy thương hoài mộng ước đời súng gươm

Xin nếu chặt những vòng quanh lối ngõ
Để không gian ôm kín chuyện hoang đường
Đừng hờ hững cho mất một Quê hương
Dù hối hận rồi sơn đen áo tướng

Hãy níu lại ôm lòng yêu mẹ Việt
Hãy chôn đời cho tiếng khóc Tình thương
Áo còn trắng trinh nguyên người con gái
Để ấm hồn nhưng mến nhớ con trai.

TRẦN HỮU TÂM PHƯƠNG
Linh Mụ (Huế)

Bà Nguyễn-thị-Kim

Ái-phi của Lê-chiêu-Thống

● PHẠM-VĂN-SƠN

Sau ngày mùng 5 mùa xuân Kỷ dậu (1789) quân của vua Quang Trung đánh tan giặc Thanh, vua Lê chiêu Thống cùng các cận thần phải chạy theo Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn sĩ Nghị qua bên kia biên giới. Nhà vua cùng bọn bầy tôi tòng vong nài nỉ với họ Tôn xin vua Càn Long cho quân tiếp viện nhưng lúc nay quân đội của Thanh đình đã mất hết tinh thần sau cuộc đại bại tại Việt Nam nên không còn tính trở lại xứ này nữa.

Họ Tôn không dám tỏ sự thật với vua Lê Chiêu Thống không ngoài lý do sự mắc cỡ, bề khác họ đã nhận giảng hòa với vua Quang Trung. Tuy thế họ vẫn nói ra luận điệu vừa an ủi vừa hứa hẹn mùa thu năm ấy sẽ có việc xuất quân. Họ còn đánh lừa vua Lê rằng nhà vua và các tả thần nên dóc tóc và thay đổi y phục như Tàu cho «giặc không phân biệt được» rồi sau này xong việc sẽ trở lại nếp sống cũ. Vua Lê và các quan nghe theo. Trong giai đoạn này Lê Quýnh về nước chiêu dụ các thổ hào, tuyển mộ quân đội chờ viện binh sang sẽ lại giao tranh với Tây Sơn.

Công tác này chu tất, Lê Quýnh trở qua Tàu tìm vua, đã gặp Khang An là đại thần triều Mãn lúc này Khang An hỏi bọn Lê Quýnh dóc tóc và thay y phục như các bạn đồng chí vừa đây. Lê Quýnh giận quá cự tuyệt liền, ông nói :

— Chẳng bàn gì đến việc xuất quân mà chỉ lo việc gọt tóc, đổi áo là làm sao ? chặt đầu ta thì được nhưng cắt tóc ta thì không xong!

Kết quả của cử chỉ hào hùng và khẳng khái đó đã mang lại cho ông quan nhà Lê là sự đi an trí tại Sơn Đông.

Ít lâu sau vua Lê chiêu Thống được vua Thanh gọi lên Yên Kinh, lúc này triều Thanh đang sửa soạn tưng bừng lễ nghi tiếp đón giả vương nước Việt Nam (vua Càn Long mời vua Quang Trung sang Tàu chơi, vua không đi cho một người giống nhà vua đi thay). Càn Long cho quan là Kim Giảng mang chỉ ra phong chức Tả binh cho vua Lê, cấp tiền bạc, mũ áo, đối với các người tòng vong cũng ban cho chức tước chuẩn theo người trong «bát cờ».

Việc xuất quân viện trợ vẫn lờ đi.

Thầy trò vua Lê chiêu Thống lúc này đã vỡ mộng biết rằng bọn vua tôi nhà Thanh dùng chước khất lần, liền uống máu ăn thề quyết thảo biểu lần chót để chấm dứt một tình trạng mập mờ với Thanh đình. Trong lời biểu vua Lê chiêu Thống nói rằng : «Nếu, «Thiên triều» không giúp được việc ra quân báo phục thì xin cho nhà vua cùng bề tôi trở về Việt Nam giữ hai miền đất cũ là Hưng Hóa và Tuyên Quang để thờ tổ tiên, hoặc cho về Gia định hợp tác với chúa Nguyễn, không dám phàn nàn gì, nếu có sự bất trắc sau này,.. »

Vua Thanh lại cho quan ra bảo vua Lê cứ về Khâm Châu, mùa xuân năm, sau sẽ được toại ý. Tháng ba năm Tân hợi người Thanh đưa vua tôi nhà Lê mỗi người đi ở riêng một nơi để khỏi có sự hội họp với nhau kêu ca lôi thôi. Và trắng trợn hơn nữa, đại thần Hòa Khôn ít ngày sau nói vua Thanh đã có chỉ cho Quốc vương về Tuyên quang quốc. Vương cùng các bề tôi hãy chỉnh đốn mũ áo vào triều tạ ơn. Vua Lê và các quan lục tục theo phái viên của Hòa Khôn vào ấn

PENI-V 200.000 đv 400.000 đv 500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

phòng thì tới đây họ đóng cửa dồn mỗi người lên một chiếc xe trâu đưa cả đi an trí ngoài 300 dặm. Hoàng Ích Hiếu đi Y Lê; Lê Hảo đi Phụng Thiên ; Như Tùng đi Hắc Long giang . Quốc Đống đi Cát lâm ; Viết Triệu và Lê văn Trương đi Nhiệt Hà và Trương gia Khẩu. *Riêng* Trần Thiện được ở lại hầu hạ vua Lê.

Nghe tin bề tôi bị phân tán, vua Lê hoảng hốt tìm đến viên minh để can thiệp với vua Càn Long cho các người tòng vong của mình, biết rằng vua Thanh đang có mặt ở đây.

Một việc không may nhưng rất đáng lưu ý đã xảy ra . Vua Lê nóng ruột không chờ lệnh nên dong ngựa đi thẳng vào vườn Viên minh. Lính canh liền ngăn lại. Người dắt ngựa của nhà vua là Nguyễn văn Quyện không chịu, la hét ầm lên. Bọn lính sợ kinh động đến tai vua Càn Long liền giật lấy cương ngựa, vực vua Lê lên xe đưa ngay về Thận hình ty giam lại.

Nguyễn văn Quyện chửi :

- Đàn chó Ngô làm nhục vua ta à !

Vừa chửi, Quyện vừa cậy gạch ở sân ném bừa vào bọn lính gác. Chúng nà vào đánh Quyện bằng một trận đòn hội chợ khiến Quyện gần chết rồi đem vào nhốt luôn một tháng. Khi thả về Quyện cũng không sống thêm được ít lâu nữa.

Xét ra Quyện chẳng phải là người thuộc giới quan liêu lớn nhỏ, chưa từng được hưởng đỉnh chung với triều Lê, chỉ biết theo vua như nhiều kẻ lính tráng trên con đường bại tẩu sau khi nhà Lê thất trận với Tây Sơn. Sang đến đất Tàu, thấy vua đau khổ, nhục nhã. Quyện cũng xót xa lòng mà chống lại đám người bất nhân, bất nghĩa rồi vì thế bị

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

đòn mà chết. Quyện đáng được coi là một dũng sĩ, một kẻ có nghĩa khí, chẳng bù cho bao kẻ chỉ biết có phù thịnh mà không có phù suy, nghĩa quân thần phụ tử, phu phụ coi như dế rách, và đáng buồn hơn nữa, những kẻ vô ân bạc nghĩa thường lại là những kẻ khoa bảng, thế thần. Còn vua Lê chiêu Thống mỗi ngày thêm đau khổ và tuyệt vọng, mỗi ngày ruột gan thêm nẫu như tương rồi tạ thế ngày 16 năm Quý sửu, tức năm 58 hiệu Càn Long, sau 4 năm lưu lạc trên đất Tàu.

★

Với bà Nguyễn thị Kim ái phi của vua Lê chiêu Thống tấm gương khổn phạm cũng chưa mờ mặc dầu luân lý đạo đức đời Lê mạt đã đi dần vào bóng tối.

Bà Nguyễn sinh ở làng Lang tài thuộc tỉnh Bắc Ninh được nạp làm cung phi, niên hiệu Chiêu Thống năm thứ ba. Khi quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long, vua Lê cùng hoàng thái hậu Nguyên-tử chạy theo Tôn Sĩ Nghị qua Tàu. Bà chạy chẳng kịp nên lẩn trốn vào dân gian rồi suốt mười lăm năm nếm đủ mùi tân khổ. Đến triều Gia Long cệ tam niên, triều Thanh chấp nhận cuộc bang giao với Việt Nam thì các cựu thần nhà Lê còn sống trên đất Trung quốc cùng nhau thâu lượm hài cốt xuất dế (vua Chiêu Thống vì bỏ nước nên có tên này trong lịch sử) mang về nước. Từ lâu bà Nguyễn nghe ngóng, trông chờ, nay được tin vội lên cửa Nam Quan đón rước. Bà thất vọng vì chồng con đều chết cả từ đó bỏ cơm, ngày chỉ uống ít nước hồ, chầu chực tử cung và theo về đến Thăng Long. Bà than khóc rằng :

— «Thiếp hầu hạ tiên quân may được một đứa con, chẳng ngờ nhà tan, nước mất, mười lăm năm lưu lạc đến bây giờ không chết được là còn nghe

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CÚM

ngóng tin tức. Nay tiên quân và Nguyên tử không còn nữa, thiếp ở lại dương thế làm gì nữa! Rồi bà uống thuốc độc để tuẫn táng bên chồng con. Sau khi bà chết, có một trăm cung nhân tị loạn ở làng Cam nữ (thuộc tỉnh Cao Bằng) nghe xuất để chết rồi, bèn lập miếu thờ hàng năm tháng riêng ra lời thề chớ ly biệt nhau cũng do ảnh hưởng của sự tiết liệt ở nơi bà Nguyễn thị Kim đã cảm động đến họ.

Luân lý Đông phương từ trước đến nay vốn sùng thượng, những điều trung, chính, hiếu, nghĩa đặt ra nguyên tắc tòng nhất chỉ chung nghĩa là đàn bà chỉ biết có một chồng cho tới chết, không phải là để nam giới lợi dụng một cách ích kỷ. Ta phải hiểu rằng khi «lấy chồng cho đáng tấm chồng» thì người đàn bà nào có thể thay đào đổi lý?

Chồng chết ở góa còn bởi lẽ lòng mình không thể rung động một lần thứ hai thì làm sao có thể tự ép mình nhắm mắt bước thêm một lần sang thuyền khác. Huống hồ lại có con (nếu có con) thì ai săn sóc con mình bằng mình? Nếu tái giá một nỗi hai nước tránh sao khỏi chuyện đau buồn. Sự ở góa theo câu «tòng nhất chỉ chung» rất có ý nghĩa và hợp lý vì có thế người đàn bà mới thỏa ước cái lòng thương chồng thương con và đạo phu thê, tình mẫu tử có thế mới thật là vô cùng trọng đại, quý báu.

Còn như nếu chẳng nặng tình với chồng cũ, lại không ràng buộc vì chuyện con, chúng ta dĩ nhiên không đòi hỏi người đàn bà phải ở vậy suốt đời. Lúc này xã hội Việt Nam đang bị phân hóa trầm trọng từ Bắc vào Nam chúng ta mới người dân yêu nước là điều quý, đạo cha con, thầy trò, bè bạn, chồng vợ anh em không là chuyện thừa. Nếu thiếu những chất keo sơn này, xã hội sẽ tan rã như cát khô cỏ mục, loài người thành lang sói thì đời sống có đáng sống chăng?

PHẠM VĂN SƠN.

T.B. Về trường hợp của Nguyễn văn Quyện có người nghĩ rằng ông ta cũng là một ông quan tòng vong. Theo chúng tôi điều này không đúng vì không sách nào nói như vậy.

Còn về vua Lê chiêu Thống, tác giả cho rằng hậu thế chúng ta không nên nặng lời chê trách bởi cho tới ngày bỏ xác trên đất Tàu, vua Lê chiêu Thống mới 28 tuổi. Cả một đời sống của ông lúc thiếu thời đã bị thu hẹp trong chốn ngục tù do sự hãm hại của chúa Trịnh Sâm. Nhờ có kiêu binh giải thoát ông bước lên ngai vàng chưa được vài năm thì bị mất nước với Quang Trung Nguyễn Huệ.

Xét vậy ta thấy ông không được học hành là bao nhiêu, ý niệm chính trị tất nhiên nông cạn do đó đã có sự vọng ngoại vào bọn thực dân nhà Thanh thì bị lừa gạt là đúng lắm. Bao giờ bọn thực dân hay đế quốc chẳng là bọn điếm, bọn xỏ lá, ba que! Ông chỉ là một ông vua xấu số nhất, đáng thương. Đáng trách chăng là bọn nho thần khoa bảng, già đời mà vẫn không tỉnh ngộ về dã tâm của bọn ngoại nhân. Trước đời hậu Lê, bọn bề tôi nhà Trần đã khờ dại rước quân Minh sang diệt nhà Hồ đem lại cho dân ta cái nạn Minh thuộc luôn 14 năm, nếu không có Bình Định Vương Lê Lợi phất cờ khởi nghĩa thì cái họa vong quốc của dân ta chưa biết bao giờ mới chấm dứt.

Phan Chu Trinh, nhà đại cách mạng cận đại đã phê bình «vọng ngoại chí ngu» thật xác đáng. Vậy mà mấy ông khoa bảng dưới đời Lê mạt còn tái diễn trò «công rắn cắn gà nhà», thật uổng công 10 năm đèn sách. Như vậy có nên nhẹ tay rìu búa cho ông vua niên thiếu Chiêu Thống chăng? Ngoài ra nên nhớ rằng 10 thế kỷ trước mười hai sứ quân giành nhau địa vị mà không hề có việc rước giặc vào nhà, chỉ lấy sức riêng ăn thua với nhau thì nên khen họ quả là anh hùng, những nhà ái quốc. Tác giả bài này mong bài học vọng ngoại trên lịch sử hôm qua còn hiệu lực cảnh cáo những nhà làm chính trị từ Bắc vào Nam ngày hôm nay.

Mỗi con vật là một Biển-thước Hoa-đà.

(Tiếp theo P.T. 228)

TÍN-KHANH

Con vật không khác gì con người. Chúng cũng biết thương yêu hờn giận, sợ sệt vui vẻ. Cũng biết ăn uống, ngủ nghê, chơi đùa, kết vợ kết chồng, sinh đẻ, nuôi dưỡng con cái như ai.

Chúng cũng ham sống và tất nhiên cũng sợ chết nhưng cái «quan niệm» về sống chết của chúng khác hẳn người, thế thôi.

Để sống, con vật lúc đói phải tìm lấy cái ăn để khỏi chết, nếu cần tranh đấu, chém giết nhau dành miếng để khỏi chết, chúng đủ trí thông minh để tránh tối đa nguy hiểm và hơn thế nữa cũng biết chữa lấy bệnh hoạn cho mình hay cho bạn cùng giống. Các nhà sinh vật học đã quả quyết, mỗi con vật có thể là một thầy thuốc là chuyện không đáng ngạc nhiên, chỉ cần đi sâu vào chúng trị bệnh thế nào.

Trước cái chết, con vật dũng cảm hơn người?

Một con chồn bị mắc bẫy vào lúc nửa đêm chẳng hạn, chưa chắc đến sáng anh thợ đặt bẫy đã bắt được nó. Khi nhận thấy không cách gì thoát được, như bị kẹp ở nửa mình hay đầu, thì nó đành chịu, nhưng nếu gặp nhằm cái chân hay cái đuôi là nó mạnh dạn cắn chân hay đuôi bỏ lại, dù phải đau đớn, què quặc.

Con heo rừng hay gấu cũng thế hay nói chung các loại thú mà hàm răng đủ sức mạnh cắn nát ống chân đều dùng cách này để thoát thân.

Trong cái muốn sống của con vật còn một động cơ khác là sự tự do. Khi tự do đã mất một số con vật thà chết còn hơn. Bạn hãy bắt thử một tổ sáo con về nuôi. Con sáo mẹ thấy mất con sẽ đi tìm và khi thấy bầy con đang buồn thảm nằm trong lồng, nó tìm mọi cách để cứu.

Sức làm sao đủ phá lồng, nó đành thất vọng bay đi để rồi trở lại đút mồi cho con. Bạn sẽ khoái chí vì tin bầy con được mẹ nuôi thế bạn khi nào cũng dễ sống. Nhưng bỗng qua hôm sau, bầy sáo con lăn dùng ra chết nhăn loạt... Thì ra hai hôm nay nó đã cho con ăn các món ăn đầy chất độc. Nó tin rằng thà hy sinh bầy con còn hơn là để chúng sống trong lao tù.

Những phương thuốc «gia truyền»

Con gấu khi bị thương, đã biết ngay chỗ nào có lá hay rong rêu chữa vết thương và đến đó, bái nhai đắp vào. Nhiều con khác, nhất là giống ở ven sông hồ ao v.v. Rủi bị thương là lấy bùn non trát vào hay dùng một loại tơ trên thân cây băng bó vết thương. Tại sao chúng biết làm như thế ? Chỉ là một việc tự nhiên thông thường, như một đứa bé chưa có trí khôn đã biết nhúng chân bị trầy xuống nước lạnh hay bị Ong đốt, lấy bùn trét lên chỗ bị cắn. Những việc không ngoài mục đích dùng cái mát lạnh để êm dịu chỗ đau.

Nhiều con vật khi bị gẫy chân đã biết đặt ép vào chỗ gẫy một khúc cây cho đến lúc chân lành. Khi chúng đau, cũng biết đi tìm các thứ lá để chữa bệnh.

Con gấu, trước khi vào hang ngủ, đã lo nhai mấy lá «nhuận trường» để giấc ngủ được êm thắm.

Con nai, mang con chồn v.v. Lúc bị rắn độc cắn liền ăn ngay mấy lá cỏ chữa rắn cắn « (herbe à serpent) để thoát chết.

Con trăn rừng sau khi ăn xong vật lớn đã phải ăn thêm một số lá cây mà chỉ riêng chúng biết. Lá này có tác dụng làm xương nát nghếu. Cách đây bốn mươi năm, vùng Nam tỉnh Thừa thiên thường kể chuyện, một người thợ rừng nọ, chứng kiến cảnh một con trăn nuốt một con nai, liền đó, con trăn bò đi ăn một thứ lá cây nọ. Anh ta theo dõi từ đầu đến cuối và đoán con trăn ăn lá này để chóng tiêu hóa nên sán đây anh hái về một nhắm phòng bón uất hay đau bụng đem ra dùng. Chẳng ngờ một hôm bị trúng thực, anh đem ra ăn thì mấy giờ sau ngã ra chết, người anh mềm nhủn như không còn một đốt xương nào. Chuyện này có thật hay không, kẻ chép chuyện không dám cam kết, nhưng chuyện rắn ăn lá cây «tiêu thực» như trên là chuyện có thật mà tại các miền rừng núi ai cũng biết.

Cũng biết dùng ánh sáng mặt trời.

Con sóc và các loại thuộc giống này thường có thói quen đem tổ ra phơi ngoài nắng, có lẽ để tổ khỏi ráo, tẩy bớt uế khí đi chăng ? Hầu hết các thú vật đều biết sưởi nắng, vùi bụi hay dầm trong bùn. Một con hoẵng (daim), con mang chẳng hạn qua xong suối là tìm chỗ nắng xông cho khô ông rồi mới chịu đi ngủ. Khi không có mặt trời, nó chạy nhảy tứ tung cho đến lúc da thịt thật khô mới nghĩ đến chuyện ngủ nghê ăn uống. Con hoẵng già xương cốt xem chừng đã lỏng, thường có thói lăn mình trong bùn ấm ấm rồi mới phơi nắng. Những việc nầy không phải con vật làm tùy hứng mà cả một phương pháp khoa học để bảo vệ sức khỏe hay chữa bệnh.

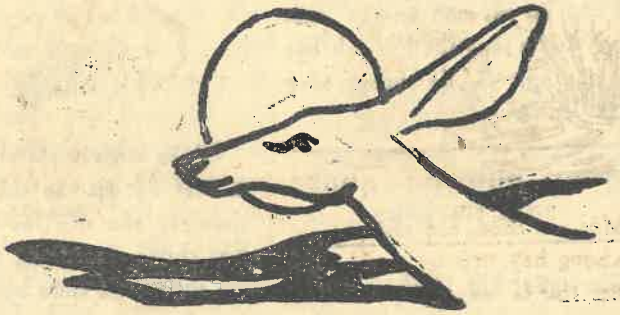

Một con chồn, con chó khi bị đau bụng hay «trở trời» thường đi tìm thứ lá nầy hay lá khác (lùy bệnh) để ăn ; lúc bị thương, liếm mãi cho đến lúc vết thương lành lại. Cái lưỡi của chúng có khả năng sát trùng nhưng có ai

dám bảo đảm lưỡi ấy không là một ổ vi trùng ?

Con vật cũng có tình đồng loại mặn nồng như người. Khi một con bị đau, những con khác đến chữa bệnh giúp hoặc liếm vết thương hoặc tìm thứ lá gì mang đến khi con vật bị nạn không thể đi được. Trong một bầy voi,

rủi một con bị bắn trúng ngã quị, cả bầy phân công nhau : một

bọn đở con kia dậy ép mình sát vào mình con vật bị nạn dìu dắt bạn đến chỗ vắng vẻ xa bóng người để lo chữa trị ; một bọn bao quanh «đoàn tải thương» và một bọn nữa chia nhau đi truy kích kẻ «sát nhân»

Trí khôn không kém gì người

Chó bị nhiều bọ chét thường tập trung nhau và cùng bắt bọ chét cho nhau không khác cảnh xưa kia đàn bà nông thôn ta bắt chấy cho nhau. Con chồn lại khôn hơn thế nhiều. Làm sao nó bắt được rận dầy cả mình khi không có một bạn hữu nào bắt hộ cho ? Nó đã có cách, và thần tình nữa là khác.

Miệng có ngậm một chùm lông — lông của nó — để giữ được mùi. Không có lông thì ngậm một cành cây sần sùi hay một chùm lá. Thế rồi chú chồn ta đi lui lần rất chậm xuống suối. Nước ngấm đến đâu, bầy rận di cư lần đến chỗ khô ráo. Đến khi chỉ còn cái đầu còn trên mặt nước, thì bầy rận đã tập trung hết về đây. Chồn ta lại chậm hơn nữa, ngâm lần từng ly để rận có thời giờ bò hết ra đầu mõm và khi thấy mõm bị nước uy hiếp, bầy rận mới cấp tốc bò ra chùm

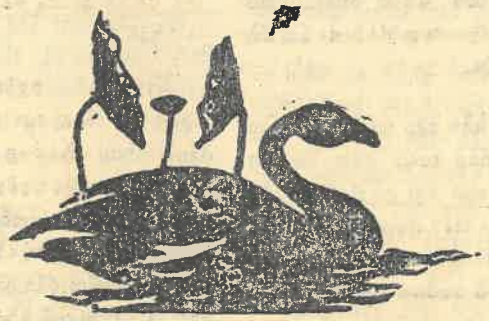

lông hay cành cây. Đợi một lát, không còn nhận ra con nào nữa trên mõm, chồn ta mới nhả chùm lông ra và lội một mạch vào bờ, để lại bọn rận làm mồi cho cá.

Cái đuôi, một vật vạn nặng. —

Dưới nước, đuôi của loài thủy tộc vừa là tay chèo vừa là bánh lái. Trên đất, đối với một số con vật, có lúc ta xem là vật vô dụng, nhưng chính đó là một bộ phận đóng góp rất nhiều trong cuộc sống của con vật. Rủi đuôi bị chặt đi, con vật không còn lanh lẹ, vui vẻ, hoạt động như trước.

Con sóc dùng đuôi vừa làm tay lái vừa tạo ra gió để nó dễ phóng từ cây nầy sang cây khác. Lúc cần đi trên một cành cây nhỏ, cái đuôi lại là vật giữ thăng bằng, không khác anh chàng hát xiệc đi dây nhờ cầm tay một cái dù vậy. Rủi vì lý do gì khác phải

rơi xuống đất thì đuôi lại là cái dù (dù phi công) đón gió giúp nó rơi xuống nhẹ nhàng, có khi cao đến 18 hay 20 thước.

Mùa đông đến, một số con vật như loại chồn dùng đuôi bao uanh mỏm tạo ra một hơi ấm để ủ suốt mùa.

Rủi bắt thần gặp một con chim ớn đáp xuống toan gắp lên ăn ịt, những con vật có đuôi nhiều ông đã lanh trí đưa đuôi lên hỏi mình dùng làm vật hóa trang. Con chim bổ xuống chụp được một nhằm lông đuôi là cùng và bay đi, dủ thì giờ cho con vật hoát thân.

Dùng đuôi đút vào miệng lọ để hút mật như chuột, hay thòng đuôi xuống nước làm mồi bắt cá như chồn v.v. là những chuyện ai ai cũng biết. Nhưng tác dụng của đuôi không chỉ có thế.

Đuôi là một khí giới rất mãnh liệt. Con sấu có thể đập chết người bằng một cái quật đuôi. Người ta thường kể những cuộc đánh nhau rùng rợn giữa sấu và hổ hay người. Ai cũng tài, cũng mạnh như ai nhưng rốt cuộc phải chết : Sấu chết vì khí giới của người hay trí khôn của họ, còn người và họ chịu chết dưới sức mạnh phi thường của cái đuôi nặng nề đầy cả gai nhọn kia.

Bên cạnh con sấu, còn có một loại con ăn kiến (tamanoir), đuôi cũng mạnh không khác bàn tay ngàn cân của chàng gấu.

Con dại thử lúc muốn phóng

mình đi, thường ngồi ngả ra phía sau một ít và dùng đuôi làm điểm tựa và trong lúc mình nó phóng đi, cái đuôi khổng lồ kia lại được dùng làm lái.

Đuôi lại còn dùng để đuổi ruồi muỗi, ra mật hiệu với nhau. Tại các miền sơn cước Việt nam, người ta hường dùng từng đàn cho săn, có khi đến năm bầy chục con. Trong bầy thế cũng có một vài con chó lõ đuôi (tức chóp đuôi có lông trắng) và tự nhiên con chó này được cả đàn mặc nhiên nhìn nhận là đầu bầy. Lúc đi theo con mồi, chó đầu bầy, tất nhiên thính hơn đồng bọn nhiều, thường chạy trước điều khiển cả bọn bằng cách ngoắc đuôi, lúc qua bên phải, lúc bên trái cùng với tiếng sủa hay tru, bố trí việc tấn công.

Họ nhà khỉ nhờ đuôi dài nên sử dụng trong mọi chuyện.

Khỉ xù lông thường cuống chóp đuôi thành một vòng tròn, đặt sát mặt đất và dùng đoạn đuôi còn lại làm cây chống làm thành một cái ghế để ngồi lên đàm đạo với nhau.

Loại khỉ ăn mật ong, móc đuôi trên cành cây, thòng đầu xuống tận tổ ong. Khi ăn xong phăng theo đuôi mà trèo lên.

Khỉ mẹ còn dùng đuôi cho khỉ con ngậm để vượt những đoạn đường đi khó khăn mà khỉ con chưa dám đi.

Sóc lại khôn hơn nữa. Một bầy Sóc đi đổi vùng cư trú, rủi dọc đường gặp phải một con sông hẹp hay suối, mỗi con liền tìm một vỏ cây, một miếng gỗ mục v.v. ngồi lên, cho nổi trên mặt nước, đoạn chổng đuôi lên làm lá bườm hứng gió và lái lần sang bờ bên kia. Chúng kết thành đoàn, con trước con sau trông rất ngoạn mục.

Hải ly, một kiến trúc sư vĩ đại

Và cuối cùng đặc biệt nhất có Hải ly con (castor). Xây thành đắp lũy là tài đặc biệt của hải ly. Muốn đắp một cái đập chăng? Chúng chung sức nhau gặm ngã một cây lớn và cho nằm ngang suối. Rủi gặp chỗ không có cây lớn, chúng tha đến từng đoạn gỗ chồng chất lên nhau đến ngang mặt nước. Chúng lại chú ý đặt đầu lớn về phía thượng lưu giòng sông, đoạn lấy bùn, đá sạn v.v. đắp kín thành bờ. Trong lúc làm việc chúng sử dụng đủ phương tiện. Chân để tải vật hạng, đuôi làm bay để tô không khác chiếc bay anh thợ hồ.

Có nhiều trường hợp lạ hơn nữa. Rủi chỗ chúng muốn đắp đập không có một thứ cây gỗ nào, thì chúng lại tự đào ra một con kênh, có khi dài đến hai ba mươi thước, có hai ba mực nước để nước chảy mạnh hơn rồi thả gỗ mà chúng tìm được cho trôi theo giòng nước đến chỗ đắp đập. Chúng có khả năng hạ ngã một cây lớn chu vi dưới gốc đến 3 thước. Một con hải ly trong một đêm có thể hạ ngã một cây đường kính dài 15 phân, rồi cắt ra thành từng đoạn hai thước một và kéo về đến chỗ đang xây cất.

Hải ly dùng đuôi để báo động cho nhau lúc gặp tai biến. Con nào nhận ra hiểm họa trước chỉ cần dập đuôi xuống nước bằng những tiếng đặc biệt là toàn bọn mạnh ai nấy tìm đường tẩu thoát.

Cũng như chó đái vào gốc cây dọc đường để nhớ đường về. Con Hải ly lại dùng một thứ tương tự như xạ để báo cho nhau đường đi nước bước. Trong mình hải ly có hai hạch tiết ra, một thứ xạ là «Castoréum». Chúng dùng bùn đắp thành từng ụ nhỏ ở đáy nước hay dọc bên bờ sông và tẩm lên trên chất xạ kia để chỉ đường cho đồng bọn.

Hải ly lại có cái khác lạ hơn nữa là răng của chúng màu da cam và móng vuốt của chúng đều chia làm hai để chúng dùng làm lược chải lông.

●★

Những đoàn hát Cải lương của người Việt trên xứ chùa Tháp

● *VI-HẢI*

Lời tựa : Trước khi vào chuyện tôi xin tự giới thiệu cái thằng tôi trước, cái thằng tôi hiện giờ thì tôi cũng chưa hiểu phải sắp xếp vào trong giới nào cho đúng nên tôi đã liệt cái thằng tôi vào bốn câu thơ này :

Ông đã lỡ ông, thằng lỡ thằng
Khi đàn, khi viết thật lăng nhăng
Khi chìm, khi nổi còn lơ lửng
Có lúc ngồi không nói chuyện xằng.

Đời tôi là như vậy. trước kia tôi nổi danh về đàn hồi thuở còn nhỏ nên giới nghệ sĩ đã đặt cho cái tên là Hai nhỏ. Tôi còn nhớ năm 1947, tôi theo đoàn hát Tỷ Phượng lên diễn trên xứ Cao Miên rồi tôi ở luôn trên ấy. Tôi vào làm thơ vẽ «bờ lăng» cho xứ Đặt đỏ Chup được năm năm. Tôi lại xuống Nam Vang vào làm thơ ký bút toán cho Nha Hỏa xa Hoàng Gia Cao Miên được 15 năm. Trong những năm sau, tôi làm cái chìa khóa mở cửa cho những đoàn hát cải lương người Việt tại thủ đô Nam Vang

★

Vừa xuống đến Nam Vang là các giới đờn ca đều biết tôi là Hai nhỏ. Tất cả đều mừng lắm, vì biết có dịp để trao đổi về nghệ thuật. Ngoài giờ làm việc họ lôi tôi đi suốt đêm, ít có khi tôi được ở nhà ngủ thẳng giấc. Tôi thầm nghĩ. xứ nầy cũng có nhiều người đàn hay, ca mùi thế mà không lập được một đoàn hát như ở quê nhà thật là dở quá. Tôi có ngỏ ý nhiều nhưng họ chỉ mỉm cười bảo :

— Ông Tà chùa Tháp hổng chịu coi hát cải lương đâu !

im cười tỏ vẻ không tin
o thêm :

ng có là mấy gánh hát
n đây đều bi rã gánh
g thì cũng đào, kép bị
là cũng nghèo mạt kiếp
in gạo từ nhà.

ân vân, suy nghĩ vì sự
Tỷ Phượng mà tôi đã
g cũng không thoát khỏi
nh ấy. Dù biết vậy,
định ấy tôi vẫn không
đến năm 1958 có ông
n Đức làm Đội 2 trong
Sát nên gọi là Đội Đức
Nguyễn Văn Tới, tên
Miên là Sonom, chuyên
ệt phim ảnh và báo chí
g Thông tin đến tìm tôi
nh là lập một ban kịch
là «Đoàn ca nhạc kịch
» để diễn chung với các
p bóng. Tôi đồng ý ngay
tất cả giới nghệ sĩ lại
công, tôi viết ngay bốn
ngắn là «Pho tượng
tử», «Đồng tiền và
, Ai ăn trộm» và «Kén
a» diễn tại rạp Khemara.

Đêm thứ 6, chúng tôi khai trương vở kịch «Pho tượng Nguyên tử» được khán giả ủng hộ hoan nghinh nhiệt liệt. Tất cả anh, chị, em đào kép đến nở phồng lỗ mũi, người nào cũng vui vẻ như ngày Tết, còn riêng tôi thì tất toại nguyện và tự bảo :

— A ! Phen này thì ông Tà chùa Tháp chịu coi cải lương rồi.

Qua chiều thứ 7, tôi lơn tơn đến rạp, thì ôi thôi, khán giả đông nghẹt, tôi cố chen đi mau lại trước cửa rạp thì gặp anh gát cửa người Hoa nói :

— Người anh em ơi ! Nghỉ dồi ! Chánh phủ không cho chơi nữa kìa ! Nị coi tấm bảng kìa !

Tôi bàng hoàng nhìn thì thật rõ ràng đó là những lời cáo lỗi cùng khán giả. Tôi hốt hoảng bước nhanh vào rạp thì nghe hai ông bầu Đức và Tới đang cải nhau :

— Anh ỷ quá sao được ! Mình lớn còn có người lớn hơn nữa chớ ! Hồi hôm, phải chi anh khều tụi nó đi nhậu thì êm quá.

không có chuyện gì xảy ra hết !

— Ai mà biết ! Hồi nào tới giờ tôi có làm bầu dâu mà rành tâm lý ? Thì tôi thấy thằng chủ rạp dắt tụi nó đi, tôi tưởng đâu xong rồi, nên mới dám cho hát chớ !

Tôi liền bước lại hòa giải :

— Thôi, thôi ! Bây giờ hai ông có cải nhau thì sự cũng đã rồi ! Bây giờ nên lo tới là hơn ! Hai ông liệu có thể lo để tiếp tục hát được không ?

Hai ông Đức và Tới đều lắc đầu chán nản và nói :

— Không được rồi ! Chuyện nầy tụi Công an nó đã gởi tuốt xuống thành (1) hết rồi ! Không khéo tụi mình nguy lắm chớ hồng phải lôi thôi đâu !

Tôi thầm nghĩ một cách chua chát :

— Đúng là Ông Tà chùa Tháp không chịu coi cải lương !

(1) Thành Vua.

Tôi nhìn ra trước cửa rạp vẫn còn thấy khán giả ngẩn ngơ ra về mà lòng thêm tức tối, bực bội.

Sau đêm đó, Xếp Tới và Đội Đức bị cách chức chờ ngày Quốc hội phân xử. Còn tôi may mắn hơn nhờ có nhạc sĩ Mười Hoa ra hứng chịu, nên tôi còn giữ được chân thơ ký trong Nha Hỏa Xa. Từ đó những cuộc đàn ca đối với tôi không còn hứng thú nữa.

Khi ấy bạn tôi là Võ Thành Trung, bút hiệu là Hoàng Khanh Thủy, cũng thích đàn ca nên lập ra một nhóm ca kịch nho nhỏ để trình diễn theo lối xóm chơi lấy hiệu là «Hương lòng» được nhiều thính giả hoan nghinh, nên những anh, chị, em khác, cũng bắt chước lập thành những ban khác: ban «Kinh Dương», ban «Kho dạn» và nhiều ban khác nữa.

Bẳng đi một dạo đến năm 1962 có ông Lâm Hên, là một Hoa kiều đứng ra lập một đoàn hát cải lương lấy hiệu là «Thắng Hưng», hát được vài chỗ bị lỗ lã nên tìm tôi, ban đầu tôi vào với tư cách là soạn giả nhưng về sau

Tôi mỉm cười tỏ vẻ không tin thì họ bảo thêm :

— Bằng cớ là mấy gánh hát Saigon lên đây đều bị rã gánh nếu không thì cũng đào, kép bị chết hay là cũng nghèo mạt kiếp phải đi xin gạo từ nhà.

Tôi phân vân, suy nghĩ vì sự thật đoàn Tỷ Phượng mà tôi đã từng sống cũng không thoát khỏi những cảnh ấy. Dù biết vậy, nhưng ý định ấy tôi vẫn không bỏ. Mãi đến năm 1958 có ông Trần Văn Đức làm Đội 2 trong sở Cảnh Sát nên gọi là Đội Đức và ông Nguyễn Văn Tới, tên quốc tịch Miên là Sonom, chuyên kiểm duyệt phim ảnh và báo chí của phòng Thông tin đến tìm tôi với ý định là lập một ban kịch lấy hiệu là «Đoàn ca nhạc kịch Việt kiều» để diễn chung với các rạp chớp bóng. Tôi đồng ý ngay nên bỏi tất cả giới nghệ sĩ lại để phân công, tôi viết ngay bốn vở kịch ngắn là «Pho tượng Nguyên tử», «Đồng tiền và nghệ sĩ», Ai ăn trộm» và «Kén rể tài hoa» diễn tại rạp Khemara.

Đêm thứ 6, chúng tôi khai trương vở kịch «Pho tượng Nguyên tử» được khán giả ủng hộ hoan nghinh nhiệt liệt. Tất cả anh, chị, em đào kép đến nở phồng lỗ mũi, người nào cũng vui vẻ như ngày Tết, còn riêng tôi thì tất toại nguyện và tự bảo :

— A ! Phen này thì ông Tà chùa Tháp chịu coi cải lương rồi.

Qua chiều thứ 7, tôi lơn tơn đến rạp, thì ôi thôi, khán giả đông nghẹt, tôi cố chen đi mau lại trước cửa rạp thì gặp anh gát cửa người Hoa nói :

— Người anh em ơi ! Nghĩ dồi ! Chánh phủ không cho chơi nữa kìa ! Nị coi tăm bảng kìa !

Tôi bàng hoàng nhìn thì thật rõ ràng đó là những lời cáo lỗi cùng khán giả. Tôi hốt hoảng bước nhanh vào rạp thì nghe hai ông bầu Đức và Tới đang cải nhau :

— Anh ỷ quá sao được ! Mình lớn còn có người lớn hơn nữa chớ ! Hồi hôm, phải chi anh khều tụi nó đi nhậu thì êm quá

không có chuyện gì xảy ra hết !

— Ai mà biết ! Hồi nào tới giờ tôi có làm bầu dâu mà rành tâm lý ? Thì tôi thấy thằng chủ rạp dắt tụi nó đi, tôi tưởng đâu xong rồi, nên mới dám cho hát chớ !

Tôi liền bước lại hòa giải :

— Thôi, thôi ! Bây giờ hai ông có cải nhau thì sự cũng đã rồi ! Bây giờ nên lo tới là hơn ! Hai ông liệu có thể lo để tiếp tục hát được không ?

Hai ông Đức và Tới đều lắc đầu chán nản và nói :

— Không được rồi ! Chuyện nầy tụi Công an nó đã gởi tuốt xuống thành (1) hết rồi ! Không khéo tụi mình nguy lắm chớ hổng phải lôi thôi đâu !

Tôi thầm nghĩ một cách chua chát :

— Đúng là Ông Tà chùa Tháp không chịu coi cải lương !

(1) Thành Vua.

Tôi nhìn ra trước cửa rạp vẫn còn thấy khán giả ngần ngơ ra về mà lòng thêm tức tối, bực bội.

Sau đêm đó, Xếp Tới và Đội Đức bị cách chức chờ ngày Quốc hội phân xử. Còn tôi may mắn hơn nhờ có nhạc sĩ Mười Hoa ra hứng chịu, nên tôi còn giữ được chân thơ ký trong Nha Hỏa Xa. Từ đó những cuộc đàn ca đối với tôi không còn hứng thú nữa.

Khi ấy bạn tôi là Võ Thành Trung, bút hiệu là Hoàng Khanh Thủy, cũng thích đàn ca nên lập ra một nhóm ca kịch nho nhỏ để trình diễn theo lối xóm chơi lấy hiệu là «Hương lòng» được nhiều thính giả hoan nghinh, nên những anh, chị, em khác, cũng bắt chước lập thành những ban khác: ban «Kinh Dương», ban «Kho đạn» và nhiều ban khác nữa.

Bằng đi một dạo đến năm 1962 có ông Lâm Hên, là một Hoa kiều đứng ra lập một đoàn hát cải lương lấy hiệu là «Thắng Hưng», hát được vài chỗ bị lỗ lã nên tìm tôi, ban đầu tôi vào với tư cách là soạn giả nhưng về sau

ông Lâm Hên chịu không nổi nữa định cho rã, thấy thế tôi và một người nữa hùn vốn lại mướn để tiếp tục nhưng bị lỗ vốn, hát được vài chỗ rồi thì... rã luôn. Tôi làm mang thêm nợ nần, túng thiếu. Tôi đã chán nản còn thêm chán nản.

Đến năm 1964 thì, Đội Đức lại nhà kêu tôi viết tuồng, ông bảo :

— Anh hai ! Tụi mình làm nữa, kỳ nầy rút kinh nghiệm thì ăn chắc. Tôi và anh Tới đã được làm việc lại hết rồi, tôi thì làm sở củ, còn anh Tới thì bị đổi về Xà Tây.

Tôi hơi mừng nhưng còn nghi ngại, hỏi :

— Bộ anh làm bầu nữa hả ?

Đội Đức xua tay bảo :

— Không, không ! Kỳ nầy mình dựa hơi thôi ! Tôi đốc xúi ông Lượm tổ chức, mình chỉ coi sóc thôi. Mà ông Lượm mạnh lắm ! Không ai dám kiếm chuyện đâu. Hát để giúp nạn nhân chiến tranh còn mình thì mượn cái đà đó mà tiến nữa. (Ông Lượm chính là Bác sĩ Đoàn văn Lượm, chủ nhiệm tờ báo «Hòa Bình» và được nhà Vua tin cậy)

Tôi tán thành ngay. Đội Đức bảo thầm :

— Nhưng ông Lượm bảo phải có hai tuồng Phật, một của Phật Tổ và một Quan Âm.

Tôi gật đầu ưng thuận, tôi liền viết một lớp «Thích Ca đắc đạo» và tuồng «Làm lại mùa xuân» và một tuồng «Quan Âm Thị Kính» diễn tại rạp Kim Sơn, lấy hiệu đoàn hát là «Hòa Bình» diễn trong hai ngày thứ bảy và chúa nhật, chia làm năm xuất, được khán giả hoan nghinh nhiệt liệt nên trong năm xuất hát chật nức người ta và ông Lượm thâu được số vốn khá quan Vì ông

ANACINE
TRỊ PHONG NGỨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Lượm không muốn phát tiền cho anh em nghệ sĩ mà định dâng trọn Chánh phủ Cao Miên để tấn ơn nên có những cuộc cải vả quan trọng, ông Lượm không cảm thông dám nghệ sĩ nghèo mà nở gán cho anh em nghệ sĩ là một đám cướp giựt. Ông Đội Đức cũng bị chưởi chung nên ông rất tức mà không dám chống trả. Thế là đoàn hát «Hòa Bình» lại tan rã. (Vài năm sau, Bác sĩ Đoàn văn Lượm bị nhà Vua tịch thu hai tờ báo, một Pháp một Việt và suýt bị vào tù, ông ta chán nản vào chùa tu, dịp ấy Đội Đức định trả thù nhưng tôi khuyên mãi mới thôi).

Thuở ấy, có đoàn hát «Tăng Long» chỉ đi hát những miền quê hẻo lánh, thấy đoàn hát «hòa bình gặt hái được kết quả khả quan, cũng xin ra thành hát giúp chánh phủ Cao Miên với luật qui định là (30%) ba chục phần trăm, có mời ông Công Cần là cựu nghệ kịch sĩ Đoàn Thái Bình đến luyện tập và diễn tại rạp Khemara với những vở tuồng «18 năm di hận», «Tiếng pháo hàm oan» và «Phạm Công Cúc Hoa» cũng được kết quả mỹ mãn.

Khi ấy có ông Phạm Văn Tư tục danh là Hai Móm đến tìm tôi để lập một đoàn hát, ông bỏ ra số vốn khá quan trọng để lập đoàn «Hương Xuân» cũng hát giúp Chánh phủ Cao Miên, nơi đây tôi bắt đầu phát triển về tuồng cải lương. Tôi viết được bảy thứ tuồng là : Ba hườn linh dược, Tiên về động Bích, Tình rơi cõi trần, Tình thù huyết lệ, Sắc tím nhuộm ngày xanh, Sau cơn giông bão của lòng, Cung đàn lỗi nhịp và Hận tình bên xác chết. Đoàn hát diễn được hai rạp Khemara và Kim Sơn rồi rã vì chánh phủ Cao Miên thì lời mà ông bầu thì lỗ. Kế đó có ông Phạm Văn Tắc lập nên đoàn hát «Công nhân» với những vở tuồng của soạn giả Saigon, cũng bị lỗ lã, và còn nhiều người khác như Nguyễn Văn Đáng lập đoàn «Đoàn kết», ông Nguyễn Văn Vui lập đoàn «Thủ Đô» cũng đồng chung số phận như nhau.

Thời gian sau, lại cũng Đội Đức đến tìm tôi viết tuồng cho ông, ông định thành lập đoàn hát lấy hiệu là «Thống Nhứt». Tôi ưng thuận viết thêm một số tuồng như : Ai hát giữa rừng khuya, Bóng nàng bên ven sông, Kiếm loạn tình vương, Chim hoàng oanh không biết hót, Một tâm hồn trong gió lốc, và Tia nắng rọi thiền môn, đồng thời tôi viết cho công nhân, tuồng Mảnh trăng thề quái ác, được kết quả tốt đẹp. Sau đó ông Phạm văn Thanh tục kêu là bầu Xú nhờ tôi viết tuồng để lập thành một đoàn cũng lấy hiệu là (Thống Nhứt nhưng là Thống Nhứt II) để trình diễn trong (giải trí trường) tại chợ Dépôt. Lúc nầy tôi có thời nên tôi viết thêm những vở tuồng mới như : Bạch y hiệp nữ, Hồng phi yến., Điệu đàn tan vỡ và Ngày Xanh gió loạn hợp với các tuồng cũ của tôi trình diễn liên tiếp được gần 4 tháng, trong khi ấy thì có nhiều người lập giải trí trường khác như Giải trí trường ở nhà thương Hoa Kiều thì có đoàn hát (Tăng Long), Giải trí trường chợ Cây gòn thì có đoàn hát (Công Nhân), lúc ấy chính là lúc cải lương của Việt Kiều đang trên đà phát triển, rồi thì các giải trí trường đều màng contrat với Chánh phủ nên bị dẹp hết. Các đoàn hát cũng bịchết ngộp luôn. Riêng có đoàn hát (Tăng long) còn cố gắng hát tại sân vận động Olympipue bị lỗ nặng nên phải rã gánh luôn. Còn đoàn (Thống nhất II) thì còn tiếp trình diễn đến các tỉnh như : Sway Riêng, Kompong Cham, Kompong Chnaag, Pursat và Battambang, rồi cũng bị lỗ vốn nên nghỉ luôn.

Khi ấy có một người Hoa Kiều nhờ có thế lực nên xin lập được một giải trí trường ở Chak Angres cách xa thủ đô Nam Vang, Đội Đức tái lập lại đoàn (Thống Nhứt) lại nhờ tôi soạn tuồng mới,

REGAST. T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU BAO TỬ. Bào chế theo công thức Hòa-Lan

tôi lại cho ra thêm bốn thứ tuồng nữa là : Sự đầu quái đạo, Ác quỷ kỳ nhân, Âm hồn nữ quỷ và Độc Cô khách, trong khi ấy có họa sĩ Nguyễn Văn Trung cũng lập một đoàn là «Tao Đàn» chen vào hát được ít đêm rồi chết lịm.

Kế có lịnh chánh phủ Cao Miên cấm mở Giải trí trường nên tất cả các đoàn hát không hẹn mà cũng chết.

Dù sao tôi cũng được hài lòng là đã làm cho nghệ thuật của người Việt được sáng lạn huy hoàng trên giải đất chùa Tháp và tiếng vang đến ngoại quốc. Tôi đã hài lòng là đã làm cho ông Tà chùa Tháp phải chịu coi cải lương gần bốn năm năm. Tôi rất hài lòng vì tôi đã đào tạo rất nhiều nghệ sĩ tên tuổi như : Xuyên Vân, Hoài Thu, Thanh Đức, Lâm Sủng, Năm Cao, Tấn Đạt, Út Hường và các cô đào duyên dáng như : Mỹ Đặng, Bạch Vân, Mỹ Dung, Cẩm Ba, Kim Nết, Huyền Nga và Phương Ánh và còn nhiều mầm non khác nữa.

Rồi chánh phủ Cao Miên ra lịnh cấm hát cải lương của người Việt, mặc dù mỗi khi hát phải đóng góp vào ngân quỹ của chánh phủ là 30%, có vài, ba ông bầu cố gắng xin phép nhưng không xong, thế là mùa hát cải lương đã đến ngày tàn tạ.

Từ đó tôi buồn rầu chán nản, nên tìm cách xin giấy tờ để trở về quê hương tìm nguồn sống mới.

Về đến Sai gon, tôi thầm nhớ tiếc những người bạn nghệ sĩ và nhóm học trò thân yêu của tôi như Sơn Ngàn, Năm Giao và Sáu Đèn vẫn còn ở Nam Vang, khó mà gặp lại được, tôi cảm thấy ngùi ngùi... Nhưng, tôi còn biết làm sao nữa. Nhìn về hướng Nam Vang, tôi thì thầm nhắc lại câu của những cô bác đã nói :

Ông Tà chúa Tháp thề hồng thèm coi cải lương !!!

●□

THOÁT XÁC

Những đêm buồn tôi cố thức cho khuya
Bên sách vở nghe lòng mình tâm sự
Như đêm nay cao nguyên trời mưa dữ
Hiu hắt cây đèn mưa nhỏ ngoài song
Vì cuộc đời mình cứ mãi long đong
Nên tuổi nhỏ bây giờ ngu ngơ lắm
Tôi mơ ước chiều quê hương lụa nắng
Giải hiền hòa giàn mướp đậu đôi chim...
Một đứa ra đi bao đứa đi tìm
Mà người chết tức là tim cũng chết
Mà người chết là tình yêu cũng hết
Thằng học trò làm lính ở biên cương
Xa lánh người yêu từ tạ phố phường
Giờ vĩnh biệt không người đưa hương đốt
Có nhiều lúc tôi mơ mình đổi lốt
Không là người mà một giống chim bay
Cứ líu lo ca vui hót suốt ngày
Cho duyên kiếp không lỡ làng cay đắng
Cho tâm trí thôi những giờ lo lắng
Khi đêm về nghe đại bác ru nôi
Cứ ước mơ cay đắng hết cho rồi
Để tươi sáng hồn tôi ngời chút nữa
Mà cuộc đời thì nay lần mai lữa
Mà lòng người thì thay đổi đổi thay
Chắp hai tay mơ đổi lốt vài ngày
Cho đỡ bớt chua cay phần nhọ nhỏ
Thượng đế hỡi con xin ngài đừng bỏ
Một linh hồn rớt xuống cạnh ngôi sao
Vì chiến chinh tôi không biết nơi nào
Gây tang tóc cho bao người son trẻ
Ai biết không bây giờ đang có kẻ
Ngồi âm thầm đơn lẻ khóc quê hương

PHAN-THỤY-MAI
(Cao Nguyên 20-7-69)

Văn tế Thập loại chúng sinh

(Văn Chiêu-hồn) của NGUYỄN DU

● KHÁNH-XUYÊN

PHONG tục Việt Nam và Trung Hoa : «tháng 7 ngày rằm xá tội vong nhân» đã có từ lâu. Thi hào Nguyễn Du đã dùng tục lệ cúng tế người chết vào ngày rằm Trung ngươn dựng lên tác phẩm Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh», tức là «văn chiêu Hồn». Khi đọc nghe rợn người hòa hợp với cái rờn rợn tiết trời tháng 7, làm cho chúng ta liên tưởng đến cõi âm hồn hư hư thực thực đang quanh quẩn đâu đây.

Từ đó, chúng ta nghĩ tuật nhiều đến đời sống hiện tại của mình, nảy ra những câu hỏi day dứt mà người trần mắt thịt không thể trả lời được «đời người, đời người, ôi đời người ! »

Trong cõi người ta, từ bậc khanh tướng công hầu đến tên bần cùng khốn khó không có người nào mà không chết. Nhìn thẳng vào khía cạnh đời sống thông thường : Chết là hết. Theo triết lý nhân sinh chết chưa phải là hết. Chết là một cuộc hành trình từ môi trường hữu thể sang vô thể để đặt từng bước chân tiếp theo và trong không gian đó chúng ta không thể nhìn thấy xã hội của họ bao giờ.

Nguyễn Du, một trái tim đã biết được thế giới âm hồn. Chính sự nghe và biết này mà thi sĩ đã tạo dựng được khung cảnh, một xã hội vô hình, nhưng hữu thể : «Máu tươi lai láng, xương khô rụng rời, thịt nát máu trôi, nắm xương vô chủ, ngọn lửa ma trơi, tiếng vang văng vẳng, mồ ma nấm nấm chung quanh. Màu sắc thì xám, mờ và tối, âm thanh thì thét, khóc và than... Động tác thì thất thểu lang thang, lôi thôi bồng giắt... Một lũ «quỷ không đầu đón khóc đêm

mưa» một bức tranh hết sức hải hùng, được phác họa trong khung cảnh dị thường. Ta hãy lắng nghe :

«đêm trường dạ tối tăm trời đất»

Đêm âm phủ sẽ không bắt đầu, cũng không kết thúc, chỉ một màu tối đen, mặc dù thời gian vẫn luân chuyển theo tháng ngày. Như vậy, ở cõi âm hồn sẽ tách riêng hẳn với vũ trụ, với dương gian với những người đang sống ở một cõi riêng, nhưng họ đang gần gủi với chúng ta :

«Gặp cơn giông tố giữa giòng,
Đem thân chôn rấp vào lòng kình nghê»

Trong cái khung cảnh tối tăm của trời đất, xã hội bị xáo trộn, xoay chuyển để đặt lại thời gian mà ai cũng có thể ngờ trước được :

«Bỗng phút đâu mưa sa ngói lỡ»

Trong khung cảnh đó, Nguyễn Du chỉ đưa ra được 4 câu thơ để nói lên cái đau khổ vô tận của loài người xưa và nay :

«Sống đã chịu một bề thảm thiết
Ruột héo khô da rét căm căm
Dài dầu trong mấy muôn năm
Thở than dưới đất ăn nằm trên sương»

Cuộc sống trần ai thật là đau khổ từ lúc chào đời cho đến ngày nằm yên xuôi thẳng đôi tay. Người nào đã tự hào mình được sung sướng bao nhiêu ngày. Nguyễn Du nhìn theo khía cạnh Phật giáo ; ông nhìn bằng đôi mắt từ bi hỉ xả. Tất cả đều là «Chúng sanh», chúng sanh ở trong biển trầm luân, cái vòng luân hồi lẫn quẩn đó làm sao giải thoát được khi cuộc sống hằng ngày «còn vất vả, còn nghĩ ngợi để tranh giành được sống».

Chúng ta cũng không ngạc nhiên khi thấy Nguyễn Du đã lột trần tất cả các sự thực cõi sống phù du.

Ngoài «Văn Chiêu hồn» ông còn viết «phản Chiêu hồn». Thái bình mại ca giả, sở kiến thành». Tâm hồn Nguyễn Du không hề xa lạ với cảnh đói khổ chết chóc, đau đớn, tủi nhục trên đời. Văn Chiêu hồn là mượn dịp cúng người chết để thổ lộ những gì mà Nguyễn Du canh cánh trái tim. Trái tim biết rung động và thông cảm những oan ức của vong hồn. Lòng nhân đạo sâu sắc rộng rãi không giới hạn trong kiếp người.

Thời kỳ vua chúa, xưa có 4 cấp trong xã hội được trọng vọng : Vương giả, công nương, Quan văn, quan võ. Ước vọng của những hạng người này là mưu bá đồ vương, những ai «lăm cắt gánh non sông» tranh hùng bá như Sở Bá Vương Hạng võ, hiển hách vô địch một thời, tranh thiên hạ với Lưu Bang, đến khi vận cùng thất thế, phải đâm cổ chết trên bờ sông Ô Giang, tướng Hán cắt đầu, giành xác để lãnh thưởng Nguyễn Du đã thức tỉnh họ :

«Giàu sang càng nặng oán thù
Máu tươi lai láng xương khô rụng rời
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc
Quỉ không đầu đón khóc đêm mưa...»

Hoặc

«Cho hay thành bại là cơ
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan».

Qua đoạn thơ trên, chúng ta hiểu tổng quát ý văn của tác giả Đoạn Trường Tân Thanh diễn tả những kẻ mưu bá đồ vương bị thất bại, bị chém chết hóa thành «đoàn vô tự» và «quỉ không đầu». Chiến tranh là như vậy, hung tàn ác độc. Ai sẽ làm chủ bọn «cô hồn», những công hầu khanh tướng trên dương thế sẽ tiếp tục điều khiển họ. Không, chính người mưu bá đồ vương sẽ hóa thành một «cô hồn biết bao giờ cho tan», khi sự nghiệp của họ không thành, chính cô hồn đó, lúc sống giàu sang nhung lụa, mang oán thù

với hằng vạn người, bị chết vì cuộc tranh đoạt núi sông của y. Chính y đã gây ra hằng đoàn người chết không ai nối dõi : «Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc» chính y nên «quỷ không đầu đón khóc đêm mưa», trong thế giới lung linh của cô hồn đó đang đòi đầu đòi mạng, đòi nợ. Cho nên những cô hồn nạn nhân của y không bao giờ đầu thai hóa kiếp được.

Trong cuốn phim, chúng tôi được xem cách đây không bao lâu tại Sài Gòn, cuốn phim ấy diễn tả lại cảnh Quân đội Mỹ đổ bộ lên Normandie và cuộc chết chóc hai bên kéo dài. Phim «Le jour le plus longs» một nhiều điểm tương đồng với văn chiêu hồn của Nguyễn Du, nói lên sự cô đơn tuyệt vọng của bao linh hồn oan uổng bị chết để tìm một thế đứng vững vàng cho một người. Huy chương và cấp bực của người đó đổi lấy không biết bao nhiêu xương máu của chiến sĩ vô danh :

«Một phen thay đổi sơn hà
Mãnh thân chiếc lá biết là về đâu ?
Trên lầu cao dưới dòng sông nước chảy
Phận đã đành trâm gảy bình rơi».

Hay :

«Đau đớn nhẻ không hương không khói
Luống ngẩn ngơ trong cỏi rừng sim
Thương thay tay yếu chân mềm
Càng năm càng héo, một đêm một rầu»

Lịch sử Trung Hoa, nhiều thiên tình ca viết thật đầm lệ ; kể lại những câu chuyện tình bi đát. Giai nhân trai tài gái sắc chẳng may không trọn hẹn ước thề, dành «ngẩn ngơ trong cỏ : rừng sim» những người con gái thiên kim ấy được sống trong một xã hội có tôn ti trật tự thì chẳng sao. Họ sẽ là đóa hoa thơm cho nhiều người ngắm ao ước, thèm thuồng ; ngược lại nếu họ sống trong một xã hội loạn lạc «cành hoa trước gió» làm sao tránh được cảnh dập vùi tan tác, để rồi luống ngẩn ngơ trong cỏi

rừng sim». Vì khi đất nước loạn ly có luật lệ nào bảo đảm vững chắc cho đời sống cá nhân — hơi thở của người đẹp ?

Chữ Luống đi với chữ Cỏi biến thành một khoảng không mênh mông vô tận, không có ranh giới địa điểm. Trong khoảng rừng sim đó, đám cô hồn lạc loài thơ thẩn để có dịp gần gũi nhau và hái trái sim ăn cho đỡ đói : «đói lòng ăn nửa trái sim».

Trong đoạn thơ trên tác giả nêu : «mãnh thân chiếc lá» phần dưới : «càng năm càng héo, một đêm một rầu». Lá héo đi, lá rầu thêm. Nhưng câu thơ tám chữ này còn vượt phạm vi số kiếp một người hay một giới người, một xã hội, một chính quyền, một chế độ càng ngày càng suy tàn khép lại và càng ngày càng giam hãm mọi người trong cái lồng chết kéo dài của nó.

Nguyễn Du cũng không quên đến những người làm văn nhai chữ như thầy đồ, thầy tú hay chữ Nho sĩ muốn tiến thân phải lên tỉnh, lên huyện, lên kinh thành để trổ tài ba lỗi lạc của mình sau một thời gian soi kinh nấu sử hầu tìm chút mùi danh lợi. Nhưng ước vọng ấy thường mong manh chẳng nở mặt nở mày vinh qui bái tổ, mà chỉ :

Dọc hàng quán phải từng mưa nắng
Vó coh nào nuôi nấng khem kiêng
Vội vàng liệm sấp chôn nghiêng
Anh em thiên hạ láng giềng người dưng
Bóng phần tử xa chừng hương khúc
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang
Cô hồn nhớ gửi tha phương
Gió trăng hiu hắt lửa hương lạnh lùng.»

Chính tác giả đã hiểu hoàn cảnh này hơn ai hết, nên ông tỏ ra sắc sảo «cũng người một hội một thuyền đâu xa» Cuộc đời luân lạc của ông đã quá nhiều : «Bếp mấy ngày không khói, ốm đau không thuốc, qua cả hai miền Nam Bắc túi vẫn rỗng không» đã một phần nào giúp cho tiên sinh hiểu được tình đời đen bạc lọc lừa. Đời giang hồ đó Nguyễn Du đã gặp được Tản Đà trong «Thăm

mả cũ bên đường» :

Hay là thuở trước khách văn chương
Chen hội công danh lỡ lạc đường
Tài cao phận thấp chí khí uất
Giang hồ mê chơi quên quê hương»

So sánh hai đoạn thơ trên, hai tác giả cùng nhìn chung một đối tượng, nhưng Nguyễn Du có nhận xét sắc bén, tế nhị hơn. Ông đã nhìn thấy hoàn cảnh vợ con thầy đồ xứ Nghệ ở tận Châu Hoan, có ai «tay bưng bát thuốc, tay đèo muối chanh» chăm sóc tỉ mỉ cho thầy! Nguyễn Du đã ví bản thân của họ chính bản thân của ông, những khách văn chương tội nghiệp này... Một đoạn thơ thấm thiết nhất trong «văn chiêu hồn». Vội vàng liệm sắp chôn nghiêng đã đáng thương rồi, nhưng thương tâm hơn : «Bãi tha ma kẻ dọc người ngang».

Chính Nguyễn Du là người đã chịu khó dừng chân đứng lại quan sát hai đám ma, một của người giàu sang, một của người cùn khổ, đang ở sát vách nhau để so sánh cân nhắc rồi từ đó có một nhận xét.

Nơi Nguyễn Du, chúng ta đã gặp ông ở Truyện Kiều cũng như ở «văn chiêu Hồn» có một lời nói để lên tiếng cho phái yếu — cho thân phận của người đàn bà :
«Đau đớn thay phận đàn bà»

Nếu sống trong một xã hội phong kiến, những đau khổ ở trên sẽ dồn xuống dưới nhất là người đàn bà sẽ gánh chịu thiệt thòi hơn hết :

«Có người hay đẻ không nuôi
Có người sa sẩy có người khốn thương»

Người đàn bà, trong cuộc sống lứa đôi «một lần sa (1) bằng ba lần dẻ» — «Đàn ông vượt biển có đôi, đàn bà vượt cạn mồ côi một mình» cũng nói lên cảnh đau khổ của người đàn bà. Nhưng họ có chết cũng còn một nguồn an ủi có tấm chồng. Còn kẻ «bán thân nuôi miệng» có nguồn an ủi nào đây :

«Ngẫn ngơ khi tuổi về già
Ai chồng con tá biết là cậy ai
Sống đã chịu một đời phiền não
Thác lại nhờ hớp cháu lá đa»

Tìm hiểu thân thế Nguyễn Du, chúng ta vốn biết ông xuất thân ở tầng lớp quyền quí. Nhưng bao giờ ông cũng kề sát lớp người nghèo khổ. Bởi chính nơi ông biết nghĩ đến chiếc đon gánh tre và yêu mến Nguyễn Du hơn nữa vì ông biết nằm ngủ bằng chiếc lá :

«Cũng có kẻ mắc oan tù rạc
Gửi mình vào chiếu lác một manh»

Ông cũng không bỏ quên hài nhi, những trẻ thơ vô tội vừa mở mắt chào đời phải chịu đau khổ :

«Kìa những kẻ tiểu nhi tấm bé
Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha
Lấy ai bồng bế xót xa
U ơ tiếng khóc thiết tha nỗi lòng»

(Trong 4 câu thơ trên có bản viết chữ kẻ» thành chữ «đứa» với ngòi bút của Nguyễn Du, ông không thể nào viết một câu thơ tầm thường như vậy. Vả lại, nếu tiếng đứa chen vào thì đoạn thơ mất hết ý nghĩa sâu sắc. Tuy là hài nhi nhưng đó là một cơ thể, một linh hồn như những linh hồn khác.)

*

Mười ba loại chúng sinh lần lượt được ngòi bút của Nguyễn Du ghi lại trong «văn chiêu hồn» của ông. Thi sĩ sẽ tiếp nói đến những cái chết khác, chết vì rủi ro tai nạn trên đời, chuyện đó xảy ra thật nhanh khiến người còn sống không ngờ :

Kìa những kẻ chìm sông lạc chợ
Cũng có người sẩy cối sa cây
Có người leo giếng đứt giây
Người trôi nước lũ kẻ lây lửa thành

(1) Sa : ở đây có nghĩa là sanh non ngày tháng.

Người thì mắc sơn tinh thủy quái
Người thì vương nanh khái ngà voi
Có người hay để không nuôi,
Có người sa sầy có người khốn thương.»

Tìm hiểu «văn chiêu hồn» là tìm hiểu về người chết, nhưng họ vẫn còn sống trong một không gian vô hình thật gần gũi chúng ta. Lúc họ chết, bao nhiêu nỗ uất ức, chưa ai giải quyết được cho họ «oan hồn hồn hiện», nếu chưa trả được cho họ, họ đòi mạng. Nếu chết vì đói khát, họ đòi ăn. Họ chết vì rét đang đòi được ấm, chết bằng cực khổ đọa đày họ đang đòi được sung sướng, một món nợ xã hội trời đất hay một đồng linh thiêng nào trả được cho họ đây.

Cô hồn ở khắp nơi, chỗ nào cũng có mặt họ, miễn là nơi ấy vắng vẻ hiu hiu, nếu chợ là đầu chợ nơi không có ai qua lại. Họ đang vất vơ vất vưởng. Nguyễn Du đã gọi lên cái mạo mác vật vờ lạnh ấy vô cùng thống thiết :

Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi
Hoặc là nương ngọn suối chân mây
Hoặc là điếm cỏ bóng cây
Hoặc là cầu nọ quán này bơ vơ
Hoặc là nương thần từ phật tự
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông
Hoặc là trong khoảng đồng không
Hoặc nơi gò đống, hoặc vùng lau the»

Hơn thế nữa Nguyễn Du có một linh cảm bén nhạy đặc biệt, cái tưởng tượng của thi sĩ như là có thật để hoán đổi vị trí vô hình trở thành hữu thể.

«Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn
Lặn mặt trời lần thần tìm ra
Lôi thôi bồng trẻ giắt già»

Qua 3 câu thơ trên, tác giả đã tạo ra một trật tự sinh động, họ đang dẫn giắt nhau thành một dây dài. Họ đang khổ sở như thế mà còn biết yêu đùm bọc lẫn nhau. Câu «lôi thôi bồng trẻ giắt già» đã tạo nên một linh cảm thấm thiết hơn bao giờ. Từ bước chân chậm chạp đến điệu bộ thẩn thờ ngó ngẩn. Rõ ràng họ đang sống, nhưng sống trong cõi âm. Tiếng gà gáy là một âm thanh báo hiệu khí dương thịnh, mặt trời sắp lên. Không những họ đang ải trong không gian mà còn lê lết trong vết thời gian kéo dài ; «trong mấy muôn năm» họ đau đớn như thế.

Đến phần cuối, Nguyễn Du chợt nhớ ra đây mộc bài thờ cúng, một bài văn tế, nên phải thực hiện nhiệm vụ thiết yếu đó.

Tiết đầu thu lập đàn giải thoát
Nước tịnh đàn sai hạt dương chi
Muốn nhờ đức Phật từ bi
Giải oan cứu khổ hồn về Tây phương.

Nguyễn Du có tin nơi Phật giải thoát họ được không. Điều này chưa chắc lắm, vì trong truyện Kiều của tiên sinh ta tìm thấy ông đưa ra thuyết nhân duyên của nhà Phật, một tôn giáo thấm nhuần trong xã hội Việt Nam thời xưa rễ đã bám sâu khiến cho trí thức phải suy nghĩ. Chớ chưa phải là một tín đồ hay phật tử. Nhà Phật : «Vạn cảnh đều không» chớ không còn cách nào giải thoát hơn nữa. Đây có lẽ là nơi ẩn náu, an ủi. Một điểm tựa tốt như bị vấp ngã, một lời cầu xin để tìm nghị lực. Hai câu thơ sau đây thật chua xót :

«Nhơn nhơn Tiêu Diêu đại vương,
Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh»

Theo tín ngưỡng bình dân thì có một vị bồ tát tay cầm lá cờ dẫn đường cho chúng sinh, được gọi Tiêu Diêu đại dương. Nguyễn Du đòi được đưa đường cho họ. Lời yêu cầu có được giải quyết thật sự không. Nghiên cứu kỹ trong Văn chiêu Hồn: chúng ta không thấy lối giải thích nào được thích nghi cho âm hồn vất vơ vất vưởng. Nguyễn Du chỉ trình bày cảnh xã hội đau đớn, rồi buông lỏng ý tưởng trôi giọt theo thời gian hư hư thực thực đó. Đồng thời cũng là một tố cáo, một lời khuyên, một sự thức tỉnh cho loài người tìm một lối sống cho có ý nghĩa.

tài liệu

Vua Quang Trung giáng cơ làm thơ

★ HẢI-LINH

TRONG những năm đất nước còn thanh bình, ở quê nhà chúng tôi thường tổ chức những cuộc cầu cơ để tìm những vần thơ siêu thoát nơi cõi hư linh, mà chúng tôi cho là chuyện lạ. Lạ là vì những đồng tử cầm cơ (médiums) hoàn toàn không biết làm thơ, trong ấy có những người cả đời không đọc thơ, thế mà họ cầm cơ, mỗi khi cơ giáng, kẻ vô tình thường làm những bài rất linh động hay ho, ý thơ siêu thoát hay hào hùng (tuy tâm trạng của vị giáng cơ) mà chúng tôi không làm sao có được. Đặc biệt là thơ làm rất nhanh, khi chúng tôi hỏi một việc gì thì cơ trả lời liền bằng thơ, có lúc cơ chạy nhanh quá chúng tôi đọc không kịp hỏi đi hỏi lại thì bị cơ mắng là «dốt».

Thơ làm đủ tính chất, yêu nước, tình ái, đường tu v.v.. Tùy theo mỗi vị giáng cơ. Có những bài thơ được chép tên những người có mặt hôm ấy để làm kỷ niệm của buổi cầu cơ.

Lạ một điều nữa là những vị giáng cơ từ những vị xưng Tiên,

Thần, Thánh, Thi sĩ danh tướng, Danh nhân đến những kẻ xưng là quỷ mà tất cả điều làm thơ. Mặc dù lúc sinh tiền họ không phải là thi sĩ. Có lẽ khi qua cõi hư linh những cái gì vẩn đục ở cõi trần không còn nữa, mà chỉ còn lại những cái hay cái đẹp để kết thành một mảnh hồn thơ ?

Những cuộc cầu cơ ấy tôi chuyên làm thư ký ghi thành biên bản từng đêm, sao đem lại thành thơ Linh cảo mà chúng tôi mệnh danh là tập «Lời Kẻ Vô Hình».Có mấy lần vua Quang Trung giáng cơ, Ngài làm những bài thơ nói lên tâm trạng của người luôn tha thiết với nước non. Chúng tôi rất sung sướng được vị anh hùng Dân tộc đã khuất bóng từ xưa, nay hồn thơ còn vương vấn cõi trần giáng cơ nói chuyện với lũ chúng tôi.

Năm trước tôi đọc số Phổ Thông Xuân Mậu Thân có thấy chuyện vua Quang Trung nhập đồng làm thơ của Ông Nguyễn Khoa Huân viết, tôi liền nảy ra ý định viết lại chuyện vua Quang Trung giáng cơ làm thơ gởi lên Phổ Thông, nhưng liền có biến cố Tết Mậu Thân, khói lửa đã tan hẳn ý định của tôi. Năm nay tôi có ý định viết câu chuyện này gởi đăng nơi mục Khoa học huyền bí của tạp chí Phổ Thông để kỷ niệm mùa xuân chiến thắng năm Kỷ Dậu sau 180 năm của vị anh hùng Dân tộc. Nhưng nghĩ là một huyền thoại và cũng vì lười, cứ lần lữa rồi bỏ qua.

Rồi được đọc số Xuân của nhật báo Trắng Đen thấy Ông Trần Đức Lai có viết chuyện vua Quang Trung giáng cơ đầu Xuân Mậu Thân, có mấy người bạn ở Nha trang đã nói với tôi rằng Ông Trần Đức Lai là người chuyên viết chuyện quỷ ma, biết đâu ông không dựng ra câu chuyện này để đăng báo Xuân. Riêng tôi tin rằng chuyện vua Quang Trung giáng cơ mà ông T.Đ.L. đã đăng báo Xuân Trắng Đen là sự thật. Vì theo tôi thấy có sự ngẫu nhiên trùng hợp với nhau, bài thơ xưng tên của vua Q.T. giáng cơ đăng trong Xuân Trắng Đen và thơ xưng tên vua

Q.T. Giáng cơ nơi tôi rất giống nhau, danh hiệu được đặt nơi chữ đầu của mỗi câu thơ, cũng như chỗ hỏi nơi cõi âm vua Quang Trung và vua Gia Long có thù hận nữa không thì cũng được trả lời giống như một.

Nay vì có câu chuyện của Ông Trần Đức Lai, nên tôi trích lại chuyện vua Quang Trung giáng cơ làm thơ để tặng độc giả Phổ thông về huyền thoại của vị anh hùng Dân tộc để quý bạn có thêm tài liệu tham khảo.

● Đêm 12-8 Kỷ Hợi (1959)

Một đêm Thu trăng sáng tại nhà tôi ở Triều Sơn, Phú Yên gồm có các bạn : Nguyễn Đăng Hùng, Nguyễn Văn Lộc, Dương Hiệp, Nguyễn Văn Kỳ và tôi. Lộc, Hiệp, Hùng cầm cơ, tôi cầu và ghi chép.

Đêm nay cầu mau lên, cầu một lúc thì cơ chạy. Không xưng tên mà cơ đảo nhanh trên bảng chữ chỉ thành một bài thơ :

Hai tay đỡ lấy non sông Việt,
Một kẻ đẩy lui vạn quân thù.
Anh hùng bách chiến ngàn thu,
Vang danh.. công phu ai bằng.

Hỏi : — Thưa ngài, theo bài thơ này đệ tử biết Ngài là danh nhân nước Việt vậy xin Ngài cho đệ tử tường quý danh ?

Đáp : — Vị Vương.

Trong số người dự cuộc cầu cơ này có Chú Kỳ (hiện nay ở Nha trang) nhỏ tuổi hơn hết và cũng là người ít dự những cuộc cầu cơ của chúng tôi, nên Chú này không thành kính, vụt nói rằng :

— Làm vua lúc sống chứ làm vua lúc chết hay sao mà bây giờ ông còn xưng là vị Vương ?

— Cơ chỉ : Vô lễ !

Tôi hỏi :—Bài thơ trên về câu thứ tư chỗ chữ thứ 3 và 4 Ngài để vô hai chấm, thấy rất khó đọc, không lẽ khi ngâm lên là «Vang danh chấm chấm công phu ai bằng» thì nghe làm sao được ? Đệ tử xin thay vào hai chữ là «Vang danh bốn biển công phu ai bằng» có được không ?

Cơ đáp : Không được.

Hỏi : —Thế thì Ngài thay vào chữ gì ?

Cơ đáp : «Vang danh Ng. H. công phu ai bằng».

Đến đây chúng tôi mới biết là vua Quang Trung, hai chữ Ng H. tôi chép y như trong cơ chỉ.

Và cho tiếp một bài thơ :

Kỳ diệu như vầy đã rõ chưa,
Trách ai còn nói giọng đu đưa.
Thánh, thần, Tiên, Phật hay Vương giả,
Thức tỉnh cho người đã rỏ chưa?

(Chữ *rỏ* bài thơ trên tôi chép *dấu hỏi* y như trong cơ chỉ).

Qua bài thơ này thấy vua Quang Trung lấy chữ *kỳ diệu* để chỉ sự hiển linh và cũng là để chỉ đích cho Chú Kỳ đã vô lễ với Ngài. Dù Thánh, Thần, Tiên, Phật hay Vương giả, vị nào giáng cơ cũng là để giáo huấn cho kẻ thế trần phải thức tỉnh mà thôi. Nhưng chú Kỳ lại quá ngoan cố không biết sửa lỗi lại còn nói : — Ông này làm tướng võ, ít thạo văn, chữ *rỡ* mà viết dấu hỏi *rỏ* ?

Cơ vùng chạy nhanh lắm, hình như Ngài giận thì phải. Chỉ chữ «*Vô lễ*» rồi thăng liền.

Chúng tôi đều trách Kỳ đã bất kính với một vị Vương. Riêng tôi cứ mãi ngẩn ngơ luyến tiếc, vì mấy khi mà được gặp hồn thơ của vị anh hùng, nay bỗng nhiên bị Kỳ phá để Ngài thăng thì biết có thuở nào tái ngộ !

Như không phụ lòng hoài vọng của tôi, sau đó nhiều đêm cầu cơ, nhưng đến đêm mồng 3 tháng 9 năm Kỷ Hợi (1959) cũng cầu tại nhà tôi có các bạn : Hùng, Hiệp. Thạch-Đức-Tấn, Lý-Thạch, Nguyễn Ước và tôi.

Ước, Hiệp, Hùng cầm cơ, tôi

cầu và ghi chép.

Cầu mấy lần đầu đều không kết quả, chúng tôi xả, (*xả* một danh từ lúc cầu cơ không thành, nghi là bị ma phá, nên bỏ lần ấy để cầu lại lần khác) cầu lại lần thứ ba thì cơ lên chạy nhanh trên bảng chữ xưng là : Danh nhân.

Hỏi : — Xin Ngài cho đệ tử biết Ngài là ai ?

Cơ chạy nhanh chỉ thành một bài thơ :

Bắc phương vang dậy tiếng anh tài.
Bình định anh hùng có mấy ai.
Vương oai khiếp vía quân Thanh chạy,
Tướng lệnh bay hồn lũ giặc Xiêm.
Non nước lẫy lừng danh tuấn kiệt,
Riêng ta mang nặng mối u hoài !
Thành bại sá gì nơi miệng thế,
Miễn sao trả đặng nợ làm trai.

Vì không coi kỹ chữ đầu của mỗi câu thơ, hơn nữa cơ chạy quá nhanh tôi lo ghi chép xong bài thơ, không kịp coi kỹ lại, nên hỏi :

— Thưa Ngài, theo bài thơ đệ tử biết Ngài là nhân vật Tây Sơn, mà chưa biết đích Ngài là ai, kính xin chỉ giáo ?

Cơ đáp : Tìm trong thơ ấy có tên ta.

Tôi coi kỹ lại bài thơ thấy mấy chữ đầu của mỗi câu thơ có chữ Bắc Bình Vương. (Chữ lớn là tự ý riêng tôi viết chứ trong bảng chữ chỉ có một kiểu mẫu tự viết theo kiểu in hoa). Tôi nói :

— Thật đệ tử dốt quá, trong thơ đã có danh hiệu Ngài mà đệ tử không biết, mà vì sao Ngài không xưng là vì Vương mà lại xưng là danh nhân ?

Cơ đáp : Vương Tướng bay Danh nhân đâu có sá.

Bài thơ xưng danh này giống lối thơ xưng danh mà Ngài đã giáng cơ ông Trần Đức Lai đã đăng trong số Xuân Kỷ Dậu của nhật báo Trắng Đen sau đây :

Bắc phương tàn lương mệnh
Bình Định tấn cơ vi
Vương truyền hà thiên định
Nguyễn thế tác phù hi
Huệ chân tân tận lịnh.

Anh Nguyễn Ước hỏi : — Xin Ngài cho đệ tử một bài thơ về cuộc đời đệ tử và có tên đệ tử trong ấy được không ?

Cơ đáp : Được.

Tu là đúng hỡi ai người trần thế,
Ước ao chi danh lợi của phù vân,
Đời người lận đận bao lần.
Nhục vinh đã có phong trần kém ai.
Khuyên ai đời sống còn dài,
Phải mau thức tỉnh tương lai an nhàn.
Ai ơi thức tỉnh cho mau !

Ước hỏi : — Có phải Ngài dạy đệ tử phải thức tỉnh việc đời để lo tu phải không ?

Cơ đáp : Phải.

Ước hỏi : — Bây giờ đệ tử nên tu theo đạo nào cho đúng ?

Cơ đáp : Cứ tìm hiểu để mà tu.

Ước hỏi : Đệ tử muốn tu ép xác có được không ?

Cơ đáp :

Tục lụy ở đời ai có buộc
Do tâm hối cải ấy là tu.

Anh Thạch-đức-Tấn xin cho bài thơ nói về cuộc đời anh.

Cơ chỉ : Thơ cho Tấn :

Đời là bể khổ mênh mông,
Nổi trôi lặn hụp bao lần gian nan.
Lắng nghe lời dạy rõ ràng,
Phải lo tu niệm ngàn vàng trả công.
Tu là đúng, diệt trừ cho hết
Tâm phải hiền, lòng phải vị tha.
Noi gương hiền triết bao nhà
Vun trồng chữ đức ấy là đường tu.

Tấn hỏi :— Đệ tử tu theo đạo của đệ tử, đạo ấy có đúng không?

Cơ đáp : Đạo nào cũng đúng cả, chỉ có người làm sai mà thôi. (Anh Tấn là người theo đạo Thiên Chúa).

Tôi hỏi : — Thưa Ngài, đệ tử thấy có nhiều thuyết, sử và chuyện dã sử, có chỗ nói sau khi vua Gia Long thống nhất san hà, vua Tây Sơn bị vua Gia Long giết, còn Hoàng Hậu Ngọc-Hân thì bị tiến cung, còn một thuyết nói rằng những người ấy là những người giả, còn vợ con thật của Ngài đã được người đem đi giấu một nơi khác, hiện nay vẫn còn dòng họ. Không biết thuyết nào đúng, xin Ngài chỉ giáo ?

Cơ đáp :

Thơ :

Nhắc chi những chuyện xa xưa,
Vợ con như kẻ đưa ta qua đường.
Ta đâu phải kẻ tầm thường,
Phu thê trần tục vấn vương như người.

Thấy làm bài thơ trên các bạn đều ngó tôi mà cười.

Tôi nói : —Thưa Ngài, đệ tử xin lỗi Ngài, vì đệ tử đã vô tình nhắc đến chuyện xưa để làm phiền lòng Ngài.

Hùng hỏi : — Trong bài thơ đầu có câu :

«Riêng ta mang nặng mối u hoài»

Có phải Ngài buồn vì sự nghiệp của Ngài bị dở dang phải không ?

Cơ đáp :

Làm trai sinh ở đất Qui-Nhơn,
Lừng lẫy danh ta mấy kẻ hơn.
Thành bại số trời đà định sẵn
Non sông bền vững ấy là hơn.

Qua bài thơ trên chúng ta thấy Ngài mang nặng mối u hoài, không phải buồn vì Tây Sơn bị Gia Long dứt nghiệp, mà buồn vì Ngài mất đi nên không thể thực hiện được hoài bão lớn lao của Ngài là đưa nước Việt đến chỗ hùng cường. Nhưng đó cũng tại số trời đã định sẵn, cuối cùng Ngài chỉ biết cầu cho non sông được bền vững là hơn, còn sự nghiệp riêng tư của một dòng họ thì có sá gì. Nhưng non sông không được vững bền, sau vua Gia Long thì nước Việt lâm vào nạn ngoại xâm nên chi Ngài mới mãi mãi «mang nặng mối u hoài»

Không biết có thật số trời đã định sẵn hay không, theo lời Ngài, chúng ta chỉ biết vậy thôi, có điều là chẳng riêng gì Ngài mà có lần vào đêm 1-9. Kỷ Hợi ông Trần Quang Diệu, một danh tướng Tây Sơn, cũng đã giáng cơ (do chúng tôi cầu) có làm một bài thơ như thế nầy :

Võ công oanh liệt tại Qui Nhơn,
Tùng Châu Võ Tánh phải kinh hồn.
Số trời đã định cho nhà Nguyễn,
Thành bại sá gì. Nợ nước non !

Trở lại đoạn trên, anh Ước hỏi : —Đất Tây Sơn ngày nay là chỗ nào trong tỉnh Bình Định ?

Cơ đáp :

— Cố tìm Việt sử còn ghi;
Học thêm cho biết hỏi chi bận lòng.

Tôi hỏi :—Thưa Ngài, vua Gia Long và Ngài là hai kẻ thù không đội trời chung, nhưng hôm nay đã qua cõi hư linh hai Ngài có gặp nhau không, và còn mang nặng mối hận thù như thuở còn tiên trần thế không ?

Cơ đáp :

Thơ :

Ánh *sáng trăng thu chiếu rạng ngời,*
Huệ *lan gặp gió vả thêm tươi.*

ANACINE
TRỊ PHONG NGỨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Gặp nhau mấy lúc cứ vui cười.
Đây đó thỏa lòng câu chuyện phiếm,
Anh hùng tuấn liệt ngó nhau cười.

Làm bài thơ này xong cơ chỉ :

Chào chư hiền.

Thăng.

Và đây là bài thơ mà vua Quang Trung đã làm, ông Trần Đức Lai đăng trong số Xuân kỷ Dậu (1969) nhật báo *Trắng Đen* :

Sinh tiền song chỉ đối thủ
Quy thiên nghịch thủ biến phủ
Song vương sanh tùy Tứ hoạt
Đại đồng cư vị thiên thu.

So sánh hai bài này thấy ý thơ rất giống nhau, khi còn sống trên trần thế vì tranh giành quyền lợi mà hận thù nhau, đến khi chết là hết, tất cả đều bỏ lại cho đời, thế mà hiện nay nước non lại lâm vào cảnh chém giết hận thù, thế nhân đã gây ra cảnh núi xương sông máu đề rồi khi nhắm trở về với cõi âm khi gặp lại thì chỉ «ngó nhau cười» mà thôi ! Bài thơ trên đáng thức tỉnh cho người đời biết bao.

Được hai lần vua Quang Trung giáng cơ, rồi từ đó về sau chúng tôi nhiều lần cầu nữa nhưng không được may mắn gặp lại Ngài. Chỉ có anh Từ Nghị người bạn thơ của tôi có một lần anh đã cầu cơ tại Cholon cùng với 2 tu sĩ và một học sinh (hiện nay đã làm Sĩ Quan QLVNCH) được may mắn gặp Ngài, anh có chuyển tài liệu ấy lại cho tôi, luôn tiện tôi cũng chép ra đây để quý bạn thưởng thức :

12 giờ 15 26-7-1961.

Cầu tại Cholon.

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ✱ NGON ✱ NGỌT

Xong những nghi thức thường lệ, cầu một lúc thì cơ chuyển chạy lên chỉ :

Vương Nguyễn Huệ giáng cơ.

Tất cả các người có mặt nơi ấy đều kính cẩn chào mừng Ngài.

Cơ chỉ trên bảng chữ «cho hỏi»

Anh Tư Nghị hỏi : — Thưa Ngài, đệ tử thấy sử nói sau khi vua Gia Long diệt nhà Tây Sơn, để trả thù Ngài, vua Gia Long đã đào mả lấy hài cốt của Ngài đốt thành tro rồi trộn với thuốc súng bắn ra biển, việc ấy có không hay đời sau đã chép sử sai sự thật, kính xin Ngài chỉ giáo ?

Cơ đáp :

Thơ :

Xương khô một nắm sá gì đâu,
Sử sách nghìn thu gợi mối sầu.
Yên ngựa bóng cờ vung kiếm báu,
Rạng danh áo vải nhắc thiện thâu.

✱

Quang-Trung từng thắng vạn quân Thanh,
Đuổi giặc xâm lăng dựng Quốc thành,
Nấm mộ còn không ta chẳng bận,
Trả xong nợ nước mãi lưu danh.

Làm xong hai bài thơ Ngài thăng.

Lời thơ hào hùng, ý thơ siêu thoát biết bao nhiêu. Ngài không cần cho biết việc đào mả có đúng hay không, mà chỉ nói là việc ấy Ngài không cần biết đến, một nắm xương khô khi đã bỏ lại cho đời dù có kẻ nào quá nhỏ nhen đào lên đốt tán vứt bỏ đi cũng chẳng ăn thua gì. Vì xương khô thì có thể đào còn công đức của vị anh hùng áo vải đã từng vung gươm đuổi giặc xâm lăng để cứu nước thì ai dứt bỏ được bao giờ.

Trích tập «*Lời kể vô hình*»

HẢI-LINH

CÂY DẠ-LAN

● của N.B.C.

SAU bữa cơm chiều, Lan Hương thường ra ngồi hóng mát bên gốc dạ lan, phía sau nhà cầu, ngay trước cửa sổ phòng cô. Chiều nào cũng thế, như thành thói quen, chỉ trừ những khi mưa gió hoặc những ngày cô về thăm quê ngoại.

Cô nghe cha cô thường nói, cây dạ lan nầy chính ông ta đã công phu bứng, bó, đem từ nhà ông Phán X. ở Hội An về, trong một dịp đi bán chè quế.

Cây nầy trồng được một năm thì Lan Hương ra chào đời. Bởi thế ông mới đặt cái tên Lan Hương cho ái nữ duy nhất của ông. Lan Hương được cha mẹ rất mực nuông chiều, chẳng khác nào một nàng công chúa ở xứ núi rừng.

Trời già cũng lắm chuyện đa đoan ! Kẻ lắm của lại hiếm con! Hai ông bà chỉ sanh được có một mình cô mà thôi. Thế mà vợ chồng ông không chán ngán việc làm giàu. Có lẽ ông tiếc cái tài kinh doanh của ông thì phải ! Chính ông tự tìm ra công ăn việc làm cho nhân dân trong vùng, những năm đói kém. Ông cho khai phá những cụm núi quanh nhà, lập nên một dãy đồn điền chè tươi tốt.

Hồi đó ông được dân trong vùng rất mực kính nể, và vợ chồng ông được chúng xem như bậc phụ mẫu đỡ đầu cho chúng.

*

Thế rồi ! thời cuộc đổi thay, mọi việc dần dần đảo lộn... Bỗng một hôm, trong lúc núi rừng đang yên giấc, một tốp người có vũ trang vào nhà bắt ông đưa lên núi... vợ con sững sốt kêu chẳng thấu trời ! Cách sau đó mười hôm, nhà cửa ông lại bị niêm phong ; đồn điền, ruộng đất của ông được chia vụn ra cho dân trong vùng. Một gia đình nông dân gần đấy được chỉ định dọn đến ở ngay ngôi nhà dưới của ông.

Vợ con ông, người ta mời ra khỏi nhà, và cho nương náu tạm nơi chái củi của ông ngày trước, đằng sau vườn.

Mẹ con Lan Hương lúc đó chỉ còn là 2 cái xác không hồn ! Nước mắt cũng không còn đâu nữa để mà khóc, than, kể lể, van thời, trách thế.

Một nếp sống cơ cực đột ngột rơi tỏm xuống ngay trước mặt hai mẹ con Lan Hương. Cái vẻ lúng túng của hai mẹ con cô, lúc ban đầu, theo lời cô thuật lại sau nầy, nghe ra thương xót làm sao! Chớ không phải đáng buồn cười như những kẻ ngô nghê đắc thời được gió thổi lọt vào chốn lầu son gác tía !

*

Ngồi nhìn mẹ chẻ mấy cái hạt mít để ghé với cơm, Lan Hương rưng rưng đôi dòng lệ, cảm xúc quá, uất ức quá, cô ôm chầm lấy tay mẹ và khóc ngất đi thôi ! Lan Hương từ nhỏ đến lớn, kể ra mít chín cô cũng không thích đấy, nhưng dễ mấy khi, cô được biết mùi vị cái hạt mít ra sao ? Còn chè lá của cô ngày xưa, núi kia núi nọ, đến mùa các cô sơn nữ trong vùng kẻ hái thuê, người hái rẻ, đi đi về về tấp nập vui vẻ như bầy ong. Giờ đây người ta chỉ cho mẹ con cô không đầy một sào đất xung quanh chái củi. Đó là nguồn sống duy nhất của mẹ con cô từ đấy. Vài ba cây mít, độ năm mươi gốc chè, mà cũng không được tốt lắm. Sáng ra Lan Hương hái giáp một vòng, vỏn vẹn được một quảu con. Cô vò ra và rắc phơi trên

những cái mo cau ! Kiếp sống tủi nhục của mẹ con cô kéo dài hai năm như thế.

★

Những lúc tâm hồn lắng dịu, Lan Hương lại nhớ đến cây dạ lan thân mến. Chờ những lúc không thấy bóng Tư Hùng ở nhà, cô lẻn sang, có cái bông nào là hái đem về gói để nơi đầu giường. Bà Tư Hùng rất có cảm tình với cô. Cô chỉ ngán ông Tư Hùng thôi.

Một buổi chiều, thoáng thấy Tư Hùng ra khỏi ngõ. cô lo đem mấy mo chè phơi đăng sau vào kẻo sợ gió lật úp rồi vội vã sang thăm cây dạ lan. Chẳng may Tư Hùng lại quay về nhà làm gì, đang đốt thuốc trong bếp.

— Ai đấy ? Tư Hùng trong bếp hỏi vọng ra.

— Dạ tôi đây. Lan Hương giọng hoảng hốt — Chú tư ạ.

— Ờ cô Lan hả ?

— Dạ tôi !

— Tôi van cô, cô ơi ! cô cứ qua qua, lại lại hoài. làm cấp trên khiển trách tôi quá chừng cô ơi !

— Chú tư ơi ! Xin chú hiểu giùm cho tôi. Không phải là tôi còn luyến tiếc gì đến giang sơn sự nghiệp đâu chú ạ ! Tôi chỉ tha thiết với cây dạ lan này thôi chú ơi ! Cây dạ lan ! Lan Hương ấm ức khóc... Cây dạ lan ! nó gợi lên cho tôi bao kỷ niệm êm đềm về vĩ vãng của người cha thân mến chú ơi ! Chính cha tôi trồng nó năm trước. qua năm sau người sanh ra tôi đấy ! Rồi không biết tại sao ? càng lớn lên, tôi càng mến nó, không ngày nào. là không ngồi bên gốc nó một vài giờ, điều này chắc thiếm Tư hiểu rõ nhiều hơn chú ! Giờ đây tôi chẳng mong gì hơn, xin chú thương tình, lén lút cấp trên, cho tôi được thỉnh thoảng qua lại thăm nó, giá có thấy thoáng bóng ai xa lạ, là tôi về ngay. chẳng dám để phiền đến vợ chồng chú đâu mà chú sợ !

— Cô nói vậy, tôi hay vậy ! Nhưng cực cho tôi quá cô ơi ! Cấp trên cứ nghĩ là vợ chồng tôi vẫn còn liên lạc mật thiết với mẹ con cô. Tôi chỉ phiền ngần ấy thôi. Mỗi khi đi họp đi hội,cứ bị phê bình, chỉ trích hoài về điều đó.

— Thôi xin cám ơn chú, tôi về đây ; và từ nay tôi không dám làm phiền chú nữa, chú đừng ngại !

— À, thôi cô về. Thông cảm giùm cô nhé !

★

Sau bữa cơm tối, tư Hùng bảo vợ :

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU BAO TỬ. Bào chế theo công thức Hòa-Lan

— Mẹ thằng Cu ơi ! Tôi muốn chặt quách cây dạ lan nầy quá !

— Việc gì ông chặt nó (Bà Tư Hùng có vẻ tưng hửng) để cho mát chứ ; chừ mình nhúm cái bếp về trên nầy, để nó có phải mát cho ang nước của mình không ? Họa có điên kia mới chặt nó !

— Ai không biết để cho mát ! Song tôi chỉ phiền một nỗi con Lan kia !

— Cô Lan à ? Sao ông lại phiền cho cô Lan ?

— Cũng tại cây dạ lan đó, mà nó cứ qua qua lại lại làm cho cấp trên khiển trách tôi biết mấy lần ? Mẹ mi có biết không ?

— Tôi không biết các ông ấy, họ nghĩ thế nào, mà đi khiển trách ông ? Không lẽ mẹ con cô ở đó, mình ở đây, cùng một khuôn vườn, xa nhau chưa tới quãng rựa, mà cấm không cho người ta lại qua à ? Đã làm cho người ta thất điên bát đảo, dỡ sống, dỡ chết rồi lại còn bao vây cô lập người ta nữa hay sao ?

— Tôi không biết con nhỏ ấy nó quí gì cây dạ lan mà nó báo đời ! phải cây mít, cây xoài, có trái có trăn, lâm khi thì lỡ ăn đỡ đói được, thì nó quí cũng cam. Đằng nầy cây dạ lan có cái gì đâu mà nó làm quí ! Cái bông thì mùi nồng sặc ! còn cái cây ! củi cũng áp xộp ! được cái quái gì đâu ?

— Ông không thích, không quí, chớ người ta thích, người ta quí. Đó là cái quyền của người ta, ông trách họ sao được? Người đói cơm thiếu mắm, thì họ khao cơm khát mắm. Còn kẻ no đủ, thì họ lại thích, lại quí những cái khác cao xa hơn. Chuyện đời hơi đâu mà nói ông ơi !

— Mẹ mi nghĩ, chứ mẹ con hắn, hai bàn tay trắng chớ thứ chi đó, còn thua mình nữa !

— Ông cứ thấy chi nói nấy ! Ba mươi đời, dòng cò mà cò ốm, thịt vẫn còn thơm, chớ đến giống quạ dầu có mập cho mấy đi nữa, thịt khét vẫn hoàn khét !

— Thôi tôi biết lắm, Mẹ mi cứ ỷ có lom lem ba chữ Hớn, Mẹ mi thuyết rộng quá ! Nầy mẹ mi chưa được nghe chớ tôi đã nghe cán bộ cấp trên về nói chuyện một lần nơi trường học ấp ngoài tháng trước đây. Thật ra cũng tại ông trưởng ấp, vì nghe đồn là cán bộ cao cấp lắm, nên ông có vẻ vời, mượn một cái khăn bàn, và sắm thêm một lọ hoa. Trước tiên vị cán bộ ấy, nói ba điều bốn chuyện ; sao lại ông chỉ vào lọ hoa một cách khinh bỉ mà nạo ban tổ chức hôm đó xanh mặt ! Theo lời ông, những ai còn thích chơi bông chơi hoa là còn có đầu óc đặt mùi tiểu tư sản, tàn tích của phong kiến sót lại đấy ! Mẹ mi có nghe không ?

— Nói xin lỗi, các ông ấy, có cục đất, cục phân là quí với các ông ấy thôi ! Ngoài ra họ có đếm xỉa gì đến hương trời sắc nước !

— Ê, mẹ mi đừng nói bậy, lúc hái chè, hái lá đi củi đi rừng, mà bà nói thế đấy, rủi người ta nghe được, học đi, học lại thì không khéo, mẹ mi bị người ta bắt đi học rục xương đấy !

— Ờ thì nói ở đây mà nghe, chớ ai có dại gì mà ông phải lo. Này ông thử nghĩ, chơi bông chơi hoa là một việc, mà cứu đời giúp nước lại là một việc. Như thầy tôi trước kia bảo người làm gì ? Sau những giờ giảng sách cho học trò người chỉ có thú ngâm thơ dạo kiến, tuy nghèo nhưng vẫn được nhiều người kính nể. Chính ông thân sinh ra cô Lan xem người như bạn quí. Con người ta đâu phải cục sắt, đâu phải cái máy, có lúc làm việc phải có lúc nghỉ ngơi kẻ tỷ tiện tìm thú vui tục tiểu, người quân tử tìm thú vui thanh cao, nói như cái ông ấy, thì ra hạnh phúc ở đời nầy do toàn vật chất đem lại hết ấy à ?

— Thôi mẹ mi ơi ! Tôi dốt nát, nông dân chất phát, ăn một cục nói một hòn ! Không có hay chữ hay nghĩa như mẹ mi, mà bàn đến

cái tâm tâm vật vật ! Thôi tắt đèn đi ngủ. Tôi chỉ phập phồng cho cái hay chữ của mẹ mi ! Phải chi mẹ mi cũng dốt dốt như tao mà hay !

★

Sáng ra Tư Hùng. lấy rìu đẵn sát gốc cây dạ lan một cách dành đoạn. Can ngăn chồng không được vợ Tư Hùng khóc sướt mướt. Bà thương Lan Hương quá đời, chính bà ở nuôi Lan Hương ngay từ khi cô mới lọt lòng, cho đến bốn năm tuổi vẫn còn bồng bế trên tay. Tình thương của bà dành cho Lan Hương gần như tình mẫu tử. Cho nên ngày nay dù cho thế tình đen, trắng cũng không thể một sớm một chiều mà phai nhạt ngay đi được.

Sợ chồng vất cả bông lá vào chuồng bò, bà vội và hái lại một nạm hoa và búp ; chờ Tư Hùng vắng nhà, bà mang sang cho Lan Hương.

Cây dạ lan không còn nữa ! Lan Hương choáng váng cả mặt mày, hai tay chới với, khóc : tuyệt vọng !!

★

Vừa rồi đây, cuộc hành quân của quân đội đồng minh, tuy có rủi làm cho mẹ Lan Hương bị thương, song cũng đã cứu vớt mẹ con cô thoát khỏi chốn nhục nhã tù đày.

Giờ đây chen chúc nơi khu định cư, chia cay sớt đắng lần hồi, với những gia đình đồng cảnh ngộ, Lan Hương cảm thấy có phần khuây khỏa.

Và cho đến ngày hôm nay, khi cô đang tường thuật cho tôi nghe câu chuyện bi đát nầy, cô không quên lôi cái túi con trong hòm ra, để cho tôi được chứng kiến thêm, những cánh dạ lan khô rúm xoắn lại, song vẫn còn ấp ủ nồng đượm hương tình.—Đây mời chú xem!Với giọng buồn bã, — nạm hoa cuối cùng của Vú Tư cho Cháu đấy Chú ạ.

N. B. C.
(Qui-Nhơn)

Đạo quân chiếm đóng của Nga Sô tại Đông Đức

★ *NGUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG*
Tiến sĩ Khoa học chính trị Munich (Tây Đức)

«Cộng Hòa Dân chủ Đức» là nước thuộc khối Cộng sản Đông Âu trung thành bậc nhất đối với Nga Sô đã tích cực thúc đẩy Nga Sô can thiệp võ lực vào Tiệp Khắc chấm dứt đường lối thực hiện 1 chủ nghĩa « nhân bản xã hội » do Dubcek và các đồng chí đề xướng. Với vị trí Đông Đức trong khối xã hội chủ nghĩa người ta quên hẳn rằng Đông Đức ngoài vai trò chư hầu Nga Sô còn là 1 nước bị Hồng quân Nga đóng kể từ khi Đức quốc xã bại trận.

Những hình ảnh kỷ niệm ghê sợ vẫn tồn tại trong trí óc dân chúng Đức ở thời kỳ Hồng quân tiến vào Đức. Bởi vì Hồng quân không chỉ là những người lính của lý tưởng vô sản quốc tế hào hùng đi phá gông cùm của chế độ độc tài áo nâu mà còn là những nông dân và binh sĩ thô lỗ, tàn bạo, cướp bóc, hiếp tróc như bất cứ 1 loại lính đánh thuê nào khác. Những ông già bà cả Đức kể lại tâm trạng phập phồng của dân chúng ở những vùng mà cả 2 đạo quân đồng minh Mỹ và Nga cùng sắp tiến tới, họ chỉ tâm niệm sao cho quân Mỹ tiến nhanh hơn. Nỗi khủng khiếp tăng lên khi họ biết rằng vùng họ được giao cho Hồng quân Sô viết theo thỏa thuận chia cắt nước Đức tại Hội nghị Yalta (1).

Ngày nay, một phần tư thế kỷ đã qua đi, những biến chuyển xảy ra có làm thay đổi cục diện Nga Sô cũng như Đức quốc, nhưng trong khi chờ đợi 1 hội nghị hòa bình giải quyết vấn đề Đức, nước Đức vẫn bị chia cắt và quân đội đồng minh Tây phương cũng như Nga Sô vẫn còn hiện diện ở đây.

Ai qua thăm Đông Bá Linh đều có dịp dễ dàng nhìn lận mặt lính Nga trong bộ đồng phục. Nhưng ngoài ra quân đội thuộc

(1) tháng 2-1945 giữa Churchill, Roosevelt và Staline.

20 sư đoàn cơ giới và thiết giáp Nga rất ít xuất hiện, cũng như lính thuộc không quân, lính của Lữ đoàn hỏa tiễn, lính của những đơn vị quân nhu tiếp liệu. Lý do đơn giản là phần nhiều họ bị cấm trại. Sự tiếp xúc giữa quân đội Nga với dân chúng Đông Đức đều bị giới hạn triệt để ngoài những dịp tổ thức được «điều nghiên» kỹ càng tại các đảng bộ địa phương hay ngoài những dịp tiếp xúc với những công nhân Đức trung thành với đảng được tuyển lựa thận trọng. Ngay trong dịp lính Nga công tác sản xuất đường «rầy» tại Naumburg với mục đích trợ giúp cho Bắc Việt, một số nhân công tính ra tiền đáng giá nửa triệu Đức mã (đơn vị tiền Đức) họ cũng xuất hiện một cách «kín đáo».

Sự che dấu tự cô lập này của Hồng quân Nga ngoài việc e gợi lại những kỷ niệm không tốt đẹp trên 20 năm về trước, lúc thế chiến thứ 2 chấm dứt và của vụ đàn áp đẫm máu cuộc nổi dậy do công nhân dẫn đầu tại Đông Bá Linh ngày 17-6-53 (2) còn có một nguyên nhân giản dị nữa. Đó là — theo nhận xét của Bộ Tư Lịnh Hồng Quân tại Wuenschdorf gần Berlin — mức sống đặc biệt của Hồng Quân Nga tại «Cộng hòa dân chủ Đức» dễ gây nên những so sánh cực kỳ bất lợi với mức sống bình thường của người dân Đông Đức. Nhưng sự ẩn mình tự cô lập của Hồng Quân Nga cũng còn có lý do chính trị (chẳng hạn ở Tiệp khắc, sau vụ chiếm đóng can thiệp mùa thu năm ngoái, Hồng quân Nga đã tìm cách rút ra thành phố, lui về thôn quê để tránh «nhĩ mục quan chiêm»). Những ngày gần đây trong chương trình của quân đội Nga Sô tại Đông Đức — theo 2 nhật lịnh mới — không có việc tập thao diễn hàng ngày nữa. Và nếu có thì chỉ thu hẹp trong vòng thao

(2) Theo con số của ngay Đông Đức chính thức đưa ra, trong vụ khởi nghĩa này có 25 người chết và 388 bị thương. Quốc hội Cộng Hòa Liên bang (Tây Đức) ghi ghi nhận sau đó có tới 62 người bị kết án tử hình và 25.000 vụ bắt bớ.

trường và tuyệt đối ngăn không cho công chúng quan sát.

Các cuộc thao dượt lớn như của 7500 chiến xa và 20 lữ đoàn hỏa tiễn không được tổ chức ở nội địa Đông Đức mà ở tận bên kia sông Oder, vùng Pommern, Đông Brandenburg hay Schlesien, những vùng trước thế chiến thuộc Đức như ngày nay do Balan phải quản trị và dân chúng ở đó hiện nay đa số là người Ba Lan.

Với nghệ thuật «ẩn mình» từ bao nhiêu năm nay Nga Sô đã đạt được một thắng lợi về chiến tranh tâm lý : Người ta quên bẵng đi, hay không còn biết ở Đông Đức vẫn còn quân đội Nga Sô chiếm đóng (và can thiệp nếu cần)— cho nên ngay cả khi tổ chức thao dượt lớn trong khuôn khổ minh ước Varsovie cùng với quân đội «các nước anh em» khác, bên Tây phương vẫn có cảm tưởng rằng Nga Sô vận chuyển quân đội từ chính quốc sang và sau đó rút về như quân đội các nước Cộng sản khác (Ba Lan, Hung gia lợi, Bảo gia lợi...) Sự thực đội quân Nga vẫn đóng và tiếp tục đóng ở Đông Đức, nhưng với sở trường che dấu và tự tìm cách biệt lập, Nga Sô đã làm người ta quên rằng ở đây có 400.000 lính Hồng quân, 1 số lượng ít hơn nhưng không phải là không nhiều so với quân đội Mỹ ở Việt Nam hiện tại. □●

CHÚC THANH CÔNG

Được thiếp mời nhân dịp khai trương :

Ảnh viện THIÊN - KIM

do các bạn : ***Hoàng-văn-Thơ***, ***Duy-Thẩu*** và ***Lê-văn-Trước*** chủ trương.

Chúc THIÊN-KIM mạnh tiến trên đường phục vụ nghệ thuật và những người chủ trương đạt thành công về mọi mặt.

CAO.NGUYÊN.LANG
BÙI-QUANG-THANH

Bài ca-dao Mẹ

● *Khi con vừa khóc chào đời*
Mẹ nằm cữ nửa tháng trời hẻo hon
Lò than miếng gạo mỏi mòn
Khói bay từng cụm xoay tròn nửa khuya
● *Buồn sao tiếng võng chiều đưa*
Ầu ơ nại quản sớm trưa nhọc nhằn
Từ con lên tướt mọc răng
Thâu đêm mẹ thức với trăng đêm rằm
Chuối non vú ép chát ngầm
Làm dâu sớm để muộn phần xót xa
Thương con đâu kể đường xa
Con tròn tháng mẹ bôn ba đường đời
Từ con tập đứng tập ngồi
Mẹ cười, mắt rạng ửa lời từ quyên
Trời sanh kiếp mẹ truân chiêng
Nên lòng mẹ cũng thiêng liêng như trời

Phụng Sơn Tự ngày đợi đại lễ VU-LAN

● *THÍCH-TRÍ-BỬU*

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

NGUYỄN-VỸ

XI — «Hiền nhân», «Quân tử», trong thơ Hồ Xuân Hương

(Tiếp theo PT số 228)

HẦU hết những người đã giảng giải hoặc phê bình thơ Hồ Xuân Hương, đều hiểu nhiều bài thơ của cô một cách hơi sơ sài, không chịu đi sâu vào trong thâm cùng tư tưởng của cô. Như bài «Quả Mít» nầy đã bị hiểu sai lầm cả chữ lẫn nghĩa.

Ngay hai câu đầu :

Thân em như quả mít trên cây
Da nó xù xì, múi nó dày.

Hầu hết các sách nói về Hồ Xuân Hương đều nhận nghĩa hai chữ «*Thân Em*» là thân thể của em, «thân hình của em», cái *mình* của em, và «*da* nó xù xì», là lớp da trên thân thể.

Ông Maurice Durand, nhà thông thái học trứ danh của Viện Viễn đông Bác cổ Pháp (Ecole Française d'Extrême

Orient), (1) người đã rất am hiểu từ ngữ và văn chương Việt Nam, trong quyển «L'oeuvre de la Poétesse Vietnamienne Hồ Xuân Hương» cũng đã dịch hai câu trên như sau đây, theo đúng bản *nôm* của Hồ Xuân Hương :

Mon Corps est comme le fruit du jaquier sur l'arbre,
Son écorce est rugueuse, sa pulpe épaisse.

(Le fruit du jaquier — trang 128)

Chữ **Mon Corps** của Durand dịch đúng nghĩa «thân thể của em», nhưng, theo tôi, dịch «Mon Corps» là không đúng với ý thơ của Hồ Xuân Hương. Dịch sai một chữ của Hồ Xuân Hương như thế, tức là chưa hiểu thơ Hồ Xuân Hương. Cũng như phần đông các nhà phê bình văn học Việt Nam đã giảng giải sai lầm rằng «*thân em*» là cái tấm thân của em, cái thân hình, thân thể của em. Bậy hơn thế nữa, họ lại gán chữ «*em*» đó cho chính tác giả, Hồ Xuân Hương.

Họ diễn tả ý nghĩa của hai câu thơ đó như là Hồ Xuân Hương tự xưng «*em*» và tự so sánh «*thân em*» của mình như trái mít, da xù xì v.v..

Hồ Xuân Hương không bao giờ tự hạ mình xuống như thế. Hồ Xuân Hương rất kêu hãnh, cái kiêu hãnh (không phải kiêu căng ngạo mạn,) của một kẻ tài hoa có ý thức về phẩm giá chơn chánh của mình. Hồ xuân Hương không đẹp, và mặt rỗ : điều đó đúng. Trong quyển «*giai nhân dị mặc*» của Nguyễn hữu Tiến, điểm đó đã được xác nhận theo truyền thuyết của những người đương thời với Hồxuân Hương nói lại. Nhưng, Hồ xuân Hương không hề có tự ty mặc cảm về sự kém nhan sắc của mình. Hồ xuân Hương không tự hạ thể diện của mình để so sánh mình với một quả mít. để tự phô bày da mình sù sì. (Theo đúng bản chữ *nôm* của cô Hồ

(1) đã tạ thế ở Paris ngày 30-4-1966. Tác giả những quyển : «Mélamges sur Nguyễn-Du», «Imagerie populaire Vietnamienne», Phan Trần, v.v...

Xuân Hương hiện còn giữ tại Thư Viện Trường Bác Cổ Viễn Đông ở Paris thì cô Hồ viết (sù sì) chứ không phải (xù xì). Và lại so sánh như thế thấy không có nghĩa lý gì cả và không ăn nhập gì với nhau cả, khi chúng ta đọc hết toàn bài 4 câu thơ «vịnh quả mít».

Bởi vì, đọc kỹ 4 câu thơ, thấy rõ ràng cô Hồ xuân Hương không bâng quơ tự ví mình với quả mít, như nhiều người đọc qua loa không chịu thấu triệt sự so sánh.

Tư tưởng của Hồ xuân Hương dí dỏm hơn nhiều và thấm thía hơn nhiều.

Ở đây, không có vấn đề so sánh quả mit với Cá nhân Hồ xuân Hươgg, hay là bản thân của Hồ xuân Hương.

Phải gạt hẳn cái nhận xét mơ hồ đó ra ngoài thì mới lộ ra trần trường cái thực thể của bài thơ. Hồ Xuân Hương so sánh quả mít với... cái ... ấy của người đàn bà. Vâng, chỉ có Hồ Xuân Hương mới có tư tưởng táo bạo nghịch ngợm, và éo le, và sâu sắc đó mà thôi.

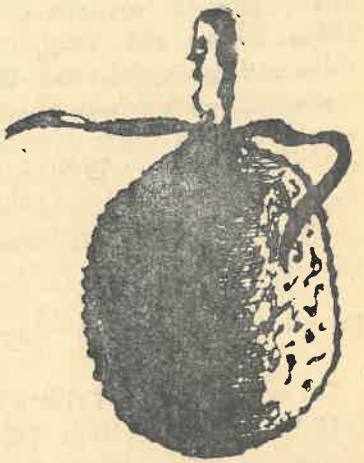

Thân em như quả mit trên cây

Cái ... ấy ấy (tôi xin lỗi quý nữ độc giả thân mến cho phép tôi lột trần trường ý nghĩ thầm kín rất hóm hỉnh của cô bạn nữ sĩ Hồ Xuân Hương). Cái ... ấy ấy tự nó ví nó như *quả mit trên cây*. Tại sao lại «quả mít trên cây», chứ không phải quả mít dưới đất ? — Vì cái... ấy ấy dính vào thân thể người đàn bà cũng giống như quả mít dính

trên cây mít. Thâm ý của cô Hồ Xuân Hương dùng hai chữ «trên cây» rất là rõ rệt, và rất ngộ nghĩnh, như tôi vừa chỉ. Nếu không, thì hai chữ «trên cây» chẳng có ý nghĩa gì cả trong bài thơ này. Còn nếu so sánh «Thân em» là thân Hồ Xuân Hương như quả mít trên cây, thì thật là lăng xẹt, chẳng ăn nhằm vào đâu cả, chẳng liên quan gì đến toàn thể bài thơ.

Da nó xù xì, múi nó dày

Cái da của nó (của cái ấy) sù sì, là cô Hồ muốn nói ngoài da của nó lởm cởm những lông, cũng như da trái mít lởm cởm những gai. Tính từ «sù sì» của cô Hồ gợi ra tức khắc cái sự thể nhám nhám, không trơn tru, không bằng phẳng. Cũng như trái mít, da nó sù sì, nhưng **múi nó dày**. Múi nó là cái gì, chắc các bạn đã đoán biết nó là cái gì rồi. Cái gì giống như múi mít, nó dày, nó mập, nó núc ních, ướt át.

Quân tử có yêu thì đóng cọc

Lệ thường ở các nông thôn, người ta đóng cọc vào cuống mít cho mít mau chín, như tôi đã nói trong bài trước.

Câu này áp dụng đích xác vào trái mít, và dụng ý gài vào nghĩa bóng cũng sít sao, chặt chẽ.

Xin đừng mân mó nhựa ra tay...

Trái mít khuyên bảo người quân tử như thế vì biết bao người, quân tử và không quân tử, đã bị ngón tay dính nhựa, vì đã xơi mít rồi lại còn mân mó vô lòng mít cho nhựa ra tay.

☆

Bài thơ chỉ có 4 câu, như các bạn thấy đó, nhưng Hồ xuân Hương, Nữ Thi sĩ tài hoa siêu thoát đã diễn tả được cả 2 sự vật : Một quả mít, và một cái gì giống như quả mít. Diễn tả rất chặt chẽ, rất gọn sàng, rất linh động, rất có duyên, chẳng có một chữ thừa, một chữ thiếu, đầy đủ ý, nghĩa, hình bóng, kín, hở, thật, hư...

Có một chỗ kín mà hở, hở mà kín trong bài thơ, tôi muốn hỏi bạn đọc thân mến của Hồ xuân Hương, tại sao câu đầu : *Thân em như quả mít trên cây,* rồi xuống câu thứ ba :

Quân tử có yêu thì đóng cọc ?

Có ai đóng cọc quả mít ở trên cây bao giờ đâu? Theo lệ thường ở thôn quê người ta hái mít xuống đất rồi mới đóng cọc chứ. Nhưng các bạn có thấy câu nào, hay chữ nào, trong bài thơ chỉ rằng quả mít đã hái xuống đất không ? Các bạn tìm xem !

(Còn nữa)

PENI-V 200.000 đv 400.000 đv 500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

Bích muốn viện lẽ để an ủi Bình. Nhưng qua giọng điệu, lý luận của Bích, hình như Bích cũng còn muốn an ủi chính mình nữa. Thành thử Bình cứ cảm thấy trái lại, Bích định cứu dỗi anh, nhưng đã đẩy anh dật lùi trở vào NGỤC TỐI CỦA LÒNG MÌNH, rõ sâu...

Truyện dài LAN-ĐÌNH

ĐỜI MỚI xuất bản, đã phát hành khắp nơi.

Mình ơi

TRỰC THĂNG

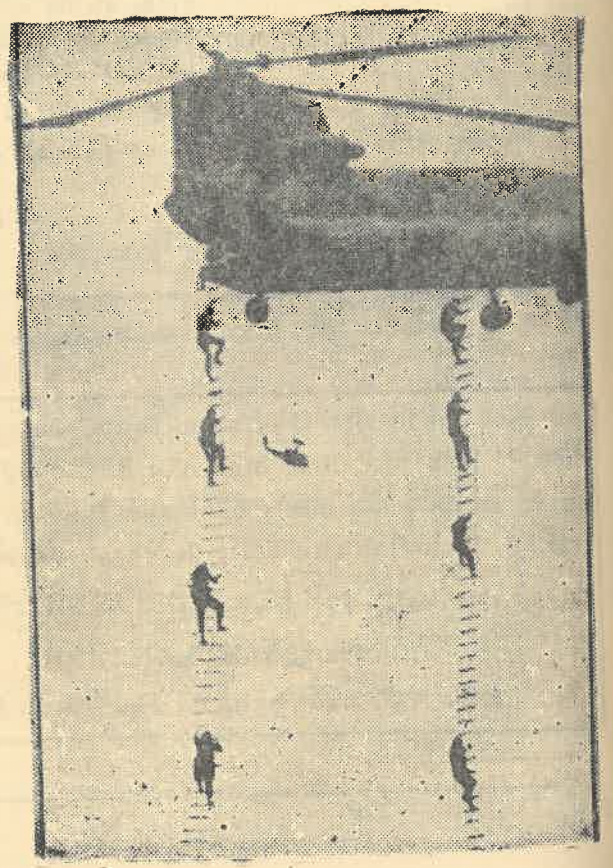

2 GIỜ khuya Thứ Bảy, Bà Tú đang ngủ ngon giấc, sực nghe tiếng ông Tú gọi và tay ông khẻ đập trên vai bà :

— Em ơi ! Ra coi đám cháy lớn ! Đám cháy lớn lắm !

Bà Tú bừng dậy ngó ông :

— Mình chưa đi ngủ à ?

— Anh còn làm việc, nghe còi xe chữa lửa, anh chạy ra bao lơn thấy cháy mịt mù ở phía Cầu Kho, anh đứng xem từ nãy giờ trực thăng đến rắc thuốc chữa lửa. Ra coi !

Bà Tú ngồi dậy, mắt nhắm mắt mở. Nhưng khi bà nắm tay ông Tú ra đứng bao lơn, bà thấy một góc trời đỏ rực, một cột khói bay cao lên cuồn cuộn từ một đám lửa đỏ phừng.

Bỗng một trực thăng bay gần sát mái nhà, chong chóng quây phành phạch, trực chỉ đến đám cháy. Một đèn pha nơi đầu máy chiếu ra một ánh sáng như hỏa châu, rọi khu hỏa hoạn. Đồng thời trực thăng tưới xuống một làn bột trắng xóa, làm tắt bớt ngọn lửa. Kế một trực thăng thứ hai cách vài phút sau bay đến, sà thấp xuống gần các mái nhà chung quanh đám cháy, và rắc xuống làn bột trắng. Liên tiếp hai trực thăng thay phiên đến đổ thuốc hóa học rồi lượn đi một vòng khá xa để rồi quây trở lại chỗ hỏa hoạn làm công tác cấp cứu ấy.

Độ 20 phút sau, hai chiếc máy bay biến về hướng Tân Sơn Nhứt, sau khi đám lửa đã tắt, khói đã tan dần rồi hết hẳn.

Ông Tú bà Tú đứng trên bao lơn cách xa chỗ tai nạn vài trăm nóc nhà, mục kích cuộc can thiệp nhanh chóng và có hiệu quả tức thì của hai chiếc trực thăng. Bà Tú bảo :

— Chắc là đám cháy trong xóm đường hẻm, xe chữa lửa không vô được, phải kêu trực thăng đến trợ lực, Mình nhỉ.

— Nhiều khi đám cháy lớn quá trong xóm nhà lá và nhà ván

lại gặp lúc gió to, xe vòi rồng xịt nước không kịp, như đám cháy trong chợ Cầu Muối mà anh đi xem độ nọ. Chỉ một chiếc trực thăng đến kịp thời rắc thuốc hóa học, 20 phút sau lửa tắt.

— Thế ra trực thăng cũng có công dụng cứu bỏa rất hiệu nghiệm. Em mới chứng kiến lần đầu tiên.

Trở vào nhà, ông Tú ngồi bàn định tiếp tục công việc bỏ dở nhưng bà Tú bảo :

— 3 giờ sáng rồi, bỏ bút xuống đi nghỉ, Mình. Viết gì viết hoài nè.

Ông Tú chìu vợ. Nhưng đâu đã đi nghỉ ! Ông vừa đặt lưng xuống nệm, bà Tú đã hỏi :

— Trực thăng kể ra cũng dùng được nhiều việc tiện lợi đấy, Mình nhỉ. Ngoài các nhiệm vụ chiến tranh, nó còn giúp đỡ nhiều trong công cuộc cấp cứu dân sự. Nếu không có nó, đề mấy ông nội vòi rồng lấy huấy tới sáng cũng chưa dập tắt được đám cháy lúc nãy.

— Nó còn dùng được trong nhiều trường hợp khác.

— Ai chế ra trực thăng, hả Mình ? Nó xuất hiện từ năm nào?

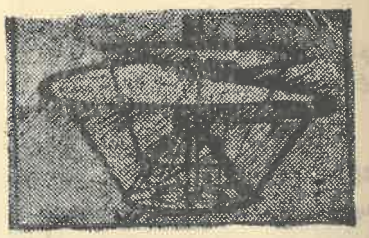

Đây, trực thăng đầu tiên, năm 1482.

Ông Tú cười, chỉ đồng hồ 3 giờ 25 phút .

— Em không cho anh viết, bảo anh đi ngủ. Bây giờ em cho anh đi chơi trực thăng ?

Bà Tú bá cổ ông Tú ,

— Mình nói một chút xíu thôi, rồi tụi mình ngủ.

— Đi chơi trực thăng ít nhất cũng năm bảy vòng, cũng phải một tiếng đồng hồ, nghe cưng !

— Mình nói 20 phút thôi. Rồi để «còn nữa», tối mai nói «tiếp theo».

— Ừa thì 20 phút. Đúng 20 phút anh ngủ luôn trên trực thăng đừng gọi anh dậy nhé.

— Em cũng ngủ với mình chớ bộ. Bây giờ Mình nói đi, em nghe đây.

— Chiếc trực thăng đầu tiên do nhà họa sĩ kiêm bác học Ý, **Leonardo da Vinci** (Pháp gọi là Léonard de Vinci) chế ra năm **1482**. Nó rộng **29m12**, làm bằng tre, lợp vải. De Vinci cho rằng nếu có một số đông người quây nó cho đủ một tốc độ khá nhanh thì nó có thể bay thẳng lên không khí được. Nhưng đem ra thí nghiệm cái «trực thăng» tối tân của thời đại đó chỉ bay dựng lên khỏi mặt đất độ 10 phân rồi rớt bịch xuống.

Bà Tú cười :

— Dù sao thì cái đồ chơi bằng tre của ông họa sĩ De Vinci cũng là thủy tổ của hai chiếc trực thăng cứu hỏa lúc nãy !

— Đó chỉ là cái quái thai của thế kỷ 15. Đến năm 1867 một vài kỹ sư Âu Châu tiếp tục nghiên cứu và nghĩ đến việc phải dùng sức nóng mới đẩy một vật lên không gian được, như sức mạnh của hơi nước nấu sôi. Năm ấy, người ta thí nghiệm một «trực thăng» do hơi nước nóng đẩy lên nhưng không thành công.

Năm **1903**, hai anh em **Wilbur Wright** người Mỹ phát minh và chế tạo được chiếc máy bay đầu tiên trên thế giới. Đồng thời, một người Pháp, **Paul Cornu**, dựa trên nguyên tắc phi cơ của Wright, chế ra **phi cơ trực thăng đầu tiên**

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

năm **1907**.

Ông tự điều khiển lái chiếc trực thăng hai chong chóng, lên cao được 1m80.

Từ 1907, công cuộc nghiên cứu phi cơ trực thăng tiếp tục với nhiều phát triển mới mỗi ngày mỗi tiến bộ, mỗi toàn thiện hơn.

Năm **1910**, **Igor Sikorsky** kỹ sư Nga, theo kiểu trực thăng của Cornu, chế ra kiểu trực thăng khác, với mô-tơ 27 mã lực, với 4 chong chóng dài 4.m65, và quây ngược chiều nhau.

Năm **1915**, hai người Úc-đại lợi, Trung Úy **Petroczy** và Giáo sư **Theodore von Karman** chế ra một phi cơ trực thăng bay lên cao 1 thước.

Năm **1920**, kỹ sư Mỹ **Henry Berliner** phát minh một kiểu trực thăng có hai chong chóng dài 14m, lên cao 2m30 và bay xa 93m. với tốc lực 24 km một giờ.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Đệ nhất thế chiến 1914-18, chưa xuất hiện máy bay trực thăng.

Năm **1922**, không quân Mỹ bắt đầu xử dụng trực thăng đầu tiên riêng của họ, có 4 chong chóng, nặng 4000 Pounds, (1814 kí) mô-tơ 180 mã lực và chở được 5 người. Trực thăng này tân tiến nhất lúc bấy giờ, và do kỹ sư Pháp **Etienne Oehmichen**, và một kỹ sư Nga di cư **George de Bothezat** chế tạo.

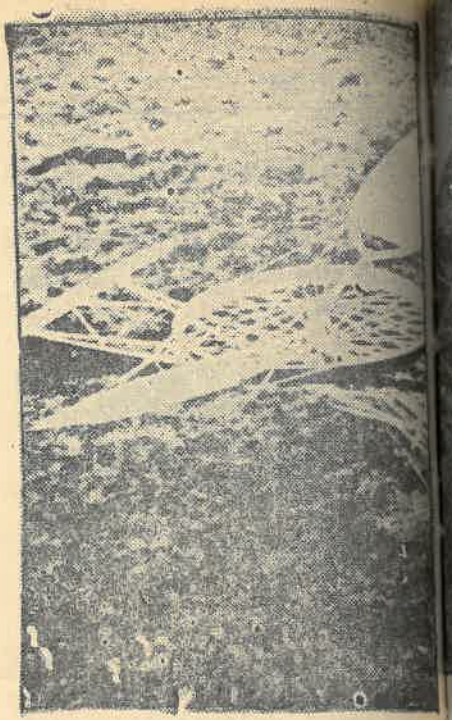

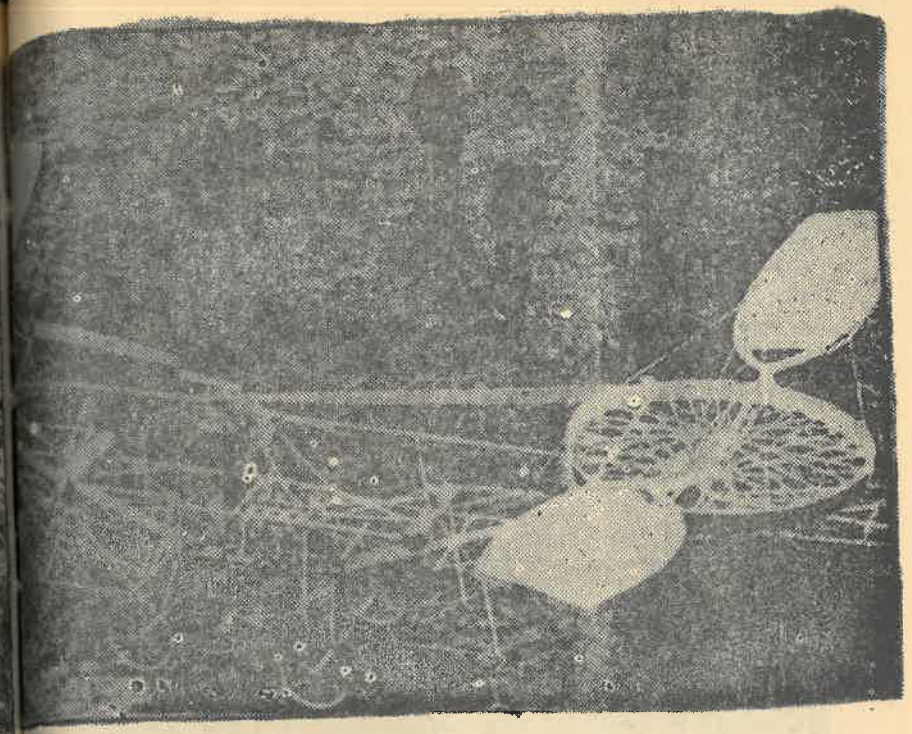

Chiếc trực thăng của Paul Cornu năm 1907.

Năm **1936** một kỹ sư Hàng Không Y pha Nho, **Juan de la Cierva**, sau 13 năm kên nhẫn tìm tòi thí nghiệm nhiều kiểu, thất bại nhiều lần, rồi mới thành công hoàn toàn một chiếc autogyre trực thăng lối tân nhất, đầy đủ tiện nghi và an ninh nhất, lên cao và bay xa.

Năm **1937** phi công Đức **Hanna Reitsch** thí nghiệm kiểu trực thăng mới gọi là Focke Achgelis Fw-61, bay lâu được 80 phút, với 2 chong chóng, và mô tơ 160 mã lực. Bắt đầu **Đệ nhị thế chiến**, người Đức đã xử dụng trực thăng F1-282 Kolibri, bay xa

đến 200 dặm Anh (322 kí lô mét) Năm **1941**, **Igor Sikorsky** chế ra trực thăng Mỹ V-S-300, rồi năm 1942, trực thăng R-4B mở đầu kỷ nguyên trực thăng tối tân của Hậu Thế Chiến. Lần lượt, kế tiếp xuất hiện những kiểu trực thăng đặc biệt nhất : năm **1959**, Lockheed CL — 475, do kỹ sư Irvea Culver chế tạo, và từ **1965** trên chiến trường Việt nam, xuất hiện các loại trực thăng mới nhất :

UH-1A, UH-1B, UH-1D.., UH-1H, và CH-47 Chinook, loại nầy đáp được xuống cả rừng núi hiểm hốc hoang vu.

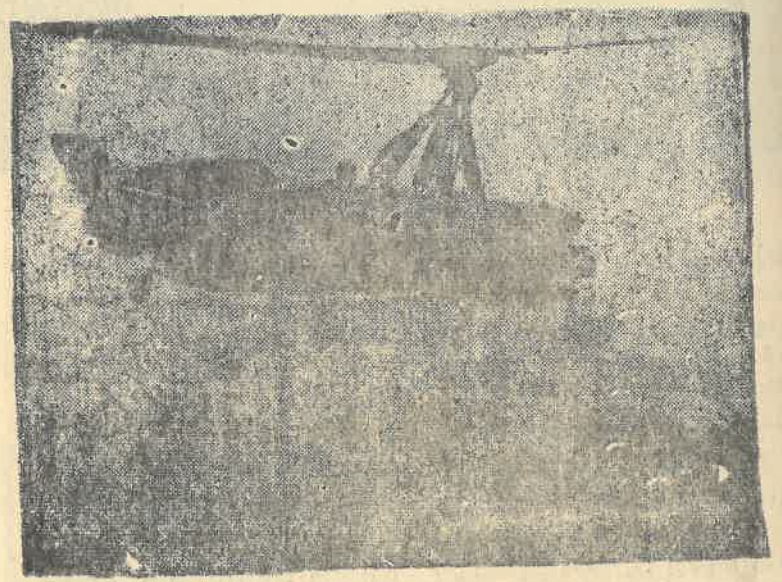

Trực thăng Autogyre của Cierva năm 1936

Các loại trực thăng có đủ tiện nghi : bay mau, bay cao, và dùng vào được nhiều công tác, chở người, câu các vật dụng kềng càng cứu người bị tai nạn, phun thuốc hóa học trên các đám cháy lớn để mau dập tắt lửa, v.v. cho nên người ta còn gọi chúng là «Can do Helicopters».

So sánh những trực thăng tối tân ngày nay với chiếc «trực thăng» bằng tre lợp vải của Léonard de Vinci 500 năm

3 trực thăng mới nhất UH-1D, 1B, 1H.

trước đây, chúng ta có thể đoán chắc rằng 500 năm sau gia đình nào cũng có thể sắm được những mini-trực thăng để vợ đi chợ, chồng đi làm, con đi học.. Xe gắn máy sẽ không còn, xe hơi sẽ bỏ vào bảo tàng viện, hoặc sẽ vứt vào thùng rác. Sáng chủ nhật, con nít 10 tuổi có thể một mình lái mini-trực thăng đi Vũng Tàu chơi, rồi trưa lái về nhà ăn cơm...

— Em tưởng 500 năm sau, trực thăng cũng sẽ là đồ bỏ. Con nít 10 tuổi năm 2469 sẽ một mình lái phi thuyền lên mặt Trăng nghỉ Hè, rồi tháng sau lái phi thuyền về Trái Đất để đi học.

Ông Tú cười :

— Bộ chừng đó mặt Trăng không có trường sao, phải về Trái Đất đi học ?

— Ừa nhỉ. Chừng đó người ta có thể cho con lên học trên Mặt Trăng, hoặc Kim Tinh, Hỏa Tinh, rồi chủ nhật về Trái Đất, ra Vũng Tàu tắm biển.

Bà Tú hỏi thêm ông Tú :

— Mình ơi.. mình đã đi trực thăng lần nào chưa ?

— Đi nhiều lần. Nhưng một lần hồi hợp nhất là từ Đà nẵng đến phi trường Đồng Hà (Quảng Trị), và từ Đông Hà đi chiến tuyến Ba Lòng, gần vĩ tuyến 17, nơi quân đội đang hành quân. Trực thăng đậu giữa thung lũng, cạnh những xác chết của Việt Cộng, những đống thịt nát bấy còn đẫm máu, những ống chân bị đứt lìa thân thể, những hố cá nhân khét mùi lửa đạn, những hố bom rộng toang hoác của B.52... và những gói cơm trộn bắp còn nóng hổi, bỏ rơi rớt bừa bãi dọc các đường rút lui của tàn quân Bắc Việt.

Thôi cưng đừng bắt anh nhắc lại những kỷ niệm kinh khủng đó.

Bà Tú «Mình ơi» một lần nữa thì ông Tú đã ngáy khò khò...

Diệu Huyền

ANACINE
TRỊ PHONG NGỨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ HỆ

Những ngày trong thành phố chiến

Buổi sáng nghe tiếng trực thăng, tiếng F-105 bay
trên nền trời rạng màu đỏ chói.
Gánh thịt, hàng khoai : mặt người hiện nỗi sợ còn
vương.

Tiếng nổ bánh xe làm đám người hớt hãi.
Tối vừa qua Cộng về phá gãy mấy chiếc cầu
Đám tàn binh ẩn núp cuối xóm, giựt gạo, bắt chồng.
Tờ mờ sáng đơn thưa vừa tới quận
Cuộc hành quân chớp nhoáng vây quanh
Cả chục tù binh Cộng bị chở về gầy đét, da xanh
Việt Nam ! Việt Nam ơi !
Còn đâu nữa ánh bình minh !
Buổi tối dưới hầm núp nghe hỏa tiễn bay vèo vèo phát sợ
Hầm đất ẩm muỗi mửa với mùi hôi
Ôi ! Việt Nam ! Hơn 1001 đêm dưới hầm núp tránh đạn đụng độ, tránh giặc
Ôi ! Việt Nam có địa ngục máu : Khe Sanh Tây Ninh, Bình giả
Và, hơn 7.000 đêm nội chiến : Mã tấu, thây người,
Việt Nam ! Việt Nam ơi !
Tới bao giờ mới thanh bình ?
Dân Việt Nam đâu có tội có tình !
Phải không má ? Má Việt Nam thống khổ !
Phải không ba ? Ba chất phác ba ơi !

NGUYỄN-TRỌNG-NHƠN
(Trung học Chợ Mới)

bạn đọc viết

LỜI TÒA SOẠN. *Chúng tôi có nhận được một bức thư kèm một bài thơ, của bà Thu Tâm, Đàlạt, không ghi địa chỉ rõ ràng. Bà Thu Tâm là cựu thứ thiếp của Trần huy Liệu, người mà Trần huy Liệu đã bị bắt buộc ly khai từ năm 937, tại Hà Nội, do mệnh lệnh của Trung-Ương Đảng bộ đảng Cộng Sản Đông-Dương.*

Lý do của sự cưỡng bách ly khai ấy là : 1) Bà Thu Tâm không theo Cộng Sản, và không phải là đảng viên Cộng Sản 2) Tình yêu giữa Trần huy Liệu và Thu Tâm bị Đảng Cộng Sản coi như một tàn tích phong kiến và tiểu tư sản. Lúc hai người yêu nhau ở Saigon, T. H Liệu còn là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Sau cuộc ly khai, bà Thu Tâm lấy chồng khác và đã có con Sự giao thiệp giữa bà và người tình nhân cũ hoàn toàn đứt đoạn. Mãi cho đến nay, sau cái chết của T.H.Liệu bà Thu Tâm mới làm bài thơ tặng hương hồn người yêu xưa, và gởi Phổ Thông. Vì chỗ quen biết cũ với cả Trần huy Liệu và Thu Tâm, chúng tôi xin đăng thư và thơ của người đàn bà đã có lần đau khổ vì một cuộc tình duyên dang dở.

✱ NGUYỄN-VỸ

● của Bà Thu Tâm. Đalat

Đàlạt 4-8-1969.

Anh Nguyễn Vỹ,

CHẮC không bao giờ anh chờ đợi bức thư này, bức thư của 1 người đàn bà chỉ 1 lần gặp anh ở căn nhà báo sanh «Hạnh Phúc» đường Mac Mahon, Saigon, hồi ba mươi mấy năm về trước. Ngày ấy anh đến thăm tôi không phải vì tình bạn — Vì chúng ta chưa hề quen biết nhau. Rồi mấy chục năm sau, trên tờ Phổ Thông vào số ngày kỷ niệm chu niên, không nhớ rõ năm nào, nhân nói chuyện về một nhân vật ngoài Bắc, anh có nói đến tôi và tiện thể anh đã dùng ngòi bút để cho luôn tôi đã chết, chết vì bệnh ho lao bởi những nỗi đau đớn dầy vò của cuộc tình duyên nửa chừng dang dở. Tôi đã đọc số báo ấy, tôi không phiền anh, trái lại tôi ngầm công nhận lời anh là đúng. (1) Thu Tâm ! Người đàn bà bạc mệnh quả đã chết rồi ! Còn cái người đàn bà sống yên ổn bên chồng, bên con trong mái nhà ấm cúng chỉ còn là cái thể xác Thu Tâm mà thôi, chớ tâm hồn đâu còn chút nào của người xưa nữa ! Thu Tâm sẽ chết mãi mãi trong lòng những bạn bè quen biết, nếu không có cái tin «người ấy» đã từ trần hôm 27-7 sau một cơn đau tim ở bên kia vĩ tuyến.

Ngày xưa chúng tôi vì những bài thơ mà quen nhau, hiểu nhau rồi yêu nhau kết nên mối tình tri ngộ cho đến lúc :

(1) L.T.S. Tin Thu Tâm chết vì bệnh lao là do chính T. H. Liệu cho tôi biết năm 1939, tại Hà Nội. — N. V.

Bên màn thanh khí kề gươm dáo
Dẫu chẳng tan bình cũng vỡ gương.

Từ đó ấy tôi không làm thơ nữa. Nhưng hôm nay, như một ngọn đèn trước khi tắt lịm bừng sáng phút cuối cùng:

Anh Nguyễn Vỹ, người bạn mà tôi chỉ được gặp có một lần, hôm nay trong đau đớn, Thu Tâm xin dạo nốt bản đàn bạc mệnh khúc cuối cùng để gởi tới tay anh. Nếu có thể được xin anh cho đăng trên tờ Phổ Thông gọi là một chút tình xưa tiễn người quá cố. Nếu vì một lẽ gì không đăng được, xin đốt dùm bản thảo ngay sau khi đọc, đừng để lạc vào tay ai. Người bạn già xin cảm ơn anh trước.

Kính thư : *THU TÂM*

«Những giòng tâm sự ghi lần cuối
«Ai gởi dùm tôi đến Suối-Vàng
«Mệnh bạc trăm năm đành ngậm hận
«Biết lấy gì đây thiếp tạ chàng ?

Tặng hương hồn anh T.H. Liệu

Nhờ thuở xa vời trên thượng giới
Hai vì sao nhỏ lạc trần gian

Vì chưng một phút yêu nhau thế
Trời bắt muôn đời phải dở dang

Luân hồi sinh hóa rồi sinh hóa
Khó nỗi thuyền tình vượt bến mê
Vắng bóng Chức, Ngưu từ độ ấy
Sông Ngân buồn đợi khách không về

Tháng năm chàng sống đời hàn sĩ
Hòa trọn thân mình với gió sương
Vẫy bút vươn cao lòng ái quốc,
Gọi hồn Lịch sử của Quê Hương (1)

Nàng là khuê nữ trong buồng gấm
Một sớm vu qui với mộng lành
Những tưởng duyên êm rồi phận đẹp
Ai xui nước vỡ để tan bình

Cõi trần nối lại duyên Cung Quảng
Đôi bạn dang tay dệt mộng vàng
Tình mới thắm nồng duyên lại dứt
Non thề biển hẹn kẻ đôi phương

Ai đi bước mãi đường tranh đấu
Tôi ở âm thầm vạn khổ đau
Và còn thương nhớ, còn hy vọng
Tôi hẹn cùng tôi : để hội sau

Nhưng rồi tan hết niềm mơ hão
Người ấy hôm nay đã thoát trần
Cỏ xanh một nấm, đời ngang dọc
Khóc mấy cho vừa hỏi cố nhân !

Này yêu, này nhớ, này mong ước
Này ai bến đợi lại sông chờ
Tất cả trời ơi ! Đây tất cả
Làm sao sống lại mối tình thơ ?

Làm sao sống lại một giây thôi
Trên sông Hương một buổi đẹp trời
Đôi mái đầu xanh in bóng nước
Tương tư thoáng gió tiếng đàn ai

Tôi đứng bên này sông Bến Hải
Vọng về đất Bắc gọi hồn thương
«Ngân giang đẹp quá cầu Ô Thước
Tu về chốn cũ, nhé ! Ngưu Lang».

Rút bức khăn hồng thấm lệ sa
Lệ sa để dấu vết người xa
Nước non nhớ lại lời hôm ấy
Vu vẻ ta cùng nhắm đích xa
Muôn dặm quan san dầu có cách
Một bầu tâm sự vẫn không xa
Chiều thu mây đắp màu tang chế
Đôi ngã âm, trần, bước một xa !

THU TÂM (Đà Lạt)

(1) Lúc này là năm 1927, Trần huy Liệu hoạt động cho Việt-Nam Quốc Dân Đảng ở Saigon, và bị tù ở khám lớn, Saigon. — N.V.

● **Bạn Đỗ văn khoa, KBC 4070.**
— 24 tháng Tư Ất dậu : 4.6-1945.
— Tố Hữu là nhà thơ Cộng sản.
Một dặm Anh : 1.600 mét. (dặm bộ)

● **Bạn Hoàng viết Dũng,** Trung học Lê quí Đôn. Nha Trang.
Phi thuyền Mariner 6 bay lên quỹ đạo Hỏa tinh đã truyền nhiều hình ảnh Hỏa tinh về Địa cầu.
Năm **1982**, 13 năm nữa, Mỹ sẽ cho phi hành gia đổ bộ lên Hỏa tinh, theo chương trình của NASA.

● **Bạn nguyễn Ngọc Lan, Gò công.**
Trường Nông Lâm Súc ở Bảo Lộc (Blao), tỉnh Đồng Nai Thượng.

● **Ô. Cao Thái Hòa, Saigon.**
Thơ 6-8 không phải theo Đường luật. Thơ Đường có Bát cú và ngũ ngôn. Tứ tuyệt.

● **Em Ngọc Lan, Long-Xuyên.**
Hiện giờ các nhà bác học Tây phương đang nghiên cứu về nguyên thủy xuất phát Nguyệt cầu, chưa có thể xác nhận rằng nó là một vật ly tâm từ mặt trời tách ra.
— Khoảng cách từ mặt Trăng đến mặt Trời độ 150 triệu km.

✱ **Bạn Lê văn Mười, Hàm Thuận, Bình Thuận**
Những muốn học chuyên nghiệp rất nhiều, tùy theo khả năng, sở thích, và hoàn cảnh của sinh viên, không thể hướng dẫn được.

✱ **Bạn Lê Kỳ Hòa, KBC 4579**
Bài «chị của tôi» rất cảm động trên phương diện tình cảm, nhưng về văn chương cần sửa chữa lại chút ít

✱ **Ô. Phạm Lê Quảng. Đốc công Usaid, Pasteur, Sg**
Câu «Phi oan trái bất thành phu phụ» chỉ là một câu nói thông thường của nhà Nho, không phải một danh ngôn của một nhà tư tưởng nào. Quan điểm đó đã lỗi thời, vì ngày nay có nhiều yếu tố để «thành phu phụ», và có «phu phụ» không hẳn là do «oan trái». Trực ngữ ta cũng nói : việc vợ chồng là do duyên nợ. Chân lý đó không thể tuyệt đối được.

Chinh chiến

Anh cứ ra đi, em sẽ mong ...
Đưa nhau một buổi, nước đầy sông.
Em buồn đứng lại nghìn năm cũ,
Trông cả thời gian ngủ dưới giòng.
Nắm lấy tay anh lúc trống dồn,
Hôm nay trầy trận, bóng cờ rung.
Khi anh trở lại, cờ năm trước
Vẫy vợ chồng ta đến đại đồng.

● **DƯƠNG BÃO (Paris)**

SAY...

Người say dệt mộng thành thơ,
Kẻ Say sụp đổ cơ đồ vàng son !
Người Say tạc đá vẫn còn,
Kẻ Say bia miệng, cúi lòn thúi tha !
Người Say lý tưởng thực thà,
Kẻ Say đem bán, tình nhà bạc đen !
Người Say đáng được ngợi KHEN,
Kẻ Say tầm tình thấp hèn đáng CHÊ !

HOÀNG LÊ MINH

● Ngục tối của lòng mình.

Truyện dài của **Lan Đình**, một nhà văn đã được đa số độc giả hoan nghinh. tác giả «Khôn Lớn», «Đường xa chi mấy», dịch giả «Bẫy gái» của Mac Orlan. Một cộng sự viên của Phổ Thông tạp chí từ lâu ngày.

Nhà xuất bản Đời Mới 278-280 Vĩnh Viễn Saigon

● Thơ Yên Giang

Tác giả : **Yên Giang**. Độ vài mươi bài. Tác giả xuất bản giá 40đ

● Bội Lan Hành

Tuyển tập thơ của **Đông Hồ** từ 1945 đến 1965, do Mộng Tuyết thực hiện. Đặc ấn phẩm của xuất bản Quỳnh Lâm. VIII 1969.

Trình bày theo loại sách đẹp, in trên giấy blanc-fin dày, 150 trang. giá 150đ. Phát hành vào tuần bách nhật của tác giả.

● Dưới mái trăng non

(Lòng gởi trăng non gác mái lầu)

Tập tùy bút của Mộng Tuyết Thất tiểu muội, viết trong những năm xưa. Văn của nữ sĩ **Mộng Tuyết** nhẹ nhàng bay bướm, ngào ngạt hương duyên — Lối văn đẹp huyền mơ thời tiền chiến.

Bản đặc biệt trình bài thẩm mỹ, không đề giá bán. Mặc Lâm xuất bản. Tổng phát hành : Yiễm yiễm thư trang, 72d Trần văn Thạch Tân định

● Chợt nghe lòng bâng khuâng

Truyện dài của **Thanh Việt Thanh**, một nhà văn có cộng tác với Phổ Thông. Hồng Lĩnh xuất bản.

● Thác Lửa

Thơ của **Cấn Đăng Phi**.

«Tôi dệt những bản tình ca
«Đừng khoác cho tôi những vòng hoa
«Nếu không phải là những
«Vòng hoa thi sĩ...»

Nhà X.B. Vũ trụ, 108/22C Trần Quang Diệu Saigon. Không đề giá bán.

Dạy vẽ * Dạy vẽ * Dạy vẽ

Muốn vẽ được tranh, chỉ cần 3 tháng thôi.
Bạn hãy theo học những lớp sau đây :

— LỚP VẼ CĂN BẢN và MÀU NƯỚC.
— LỚP VẼ TRANH LỤA.
— LỚP VẼ TRANH SƠN DẦU.

Họa sĩ MỘNG CHƯƠNG (xuất thân Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương) sẽ tận tình hướng dẫn. Một chương trình thật khoa học, mới mẻ và thực tiễn. Ai học cũng hiểu ai cũng vẽ được ! Nhiều bài giảng, bài tập in sẵn và giấy vẽ biếu không để thực tập Nhiều bạn theo học đã thành tài. Kết quả thật mỹ mãn. Một cơ hội tốt để các bạn thích vẽ, yêu hội họa học hỏi.

Bạn lấy chương trình và ghi tên tại :
LONG-VÂN — 307 Lý thái Tổ, Saigon.

HỒNG LĨNH đã phát hành :

CHỢT NGHE

Lòng Bâng Khuâng

Truyện thời chiến nhẹ như thơ, êm như nhạc nhưng lại đầy chất liệu truyền cảm, suy tư đến thấm thía, trầm sâu một cách chua xót ...

của THANH VIỆT THANH
Bìa NGUYÊN-KHAI
Phụ bản NG, HỮU NHẬT

MỌI NƠI
TRONG MỌI GIA ĐÌNH

Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân